

TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG HỌC SINH GIỎI VĂN HỌC LỚP 9

PHẦN VĂN NGHỊ LUẬN TẬP LÀM VĂN LỚP 9

PHẦN I: KHÁI QUÁT KIẾN THỨC LÝ THUYẾT

A. Vài nét khái quát chương trình Tập làm văn lớp 9

Chương trình Ngữ văn THCS nói chung, chương trình tập làm văn nói riêng được thiết kế theo hai vòng, theo tinh thần lặp lại và nâng cao. Do cấu trúc đồng tâm nên giữa hai vòng này có những điểm giống và khác nhau. Giống trước hết là sự lặp lại của các vấn đề chính về kiến thức và kỹ năng. Chẳng hạn ở chương trình Tập làm văn 9 lặp lại ở kiểu bài tự sự, thuyết minh và nghị luận. Còn khác nhau là bổ xung thêm một số vấn đề khác đồng thời tiếp nối, nâng cao, phát triển thêm những nội dung đã học ở vòng trước. Cụ thể như sau:

Trong chương trình tập làm văn lớp 9 kiểu bài văn thuyết minh được triển khai nhằm mục đích củng cố, rèn luyện và nâng cao nhận thức, kỹ năng viết văn thuyết minh cho học sinh đã được hình thành ở chương trình tập làm văn lớp 8. Đối với học sinh lớp 9 khi làm bài văn thuyết minh cần biết vận dụng một số biện pháp nghệ thuật hoặc yếu tố miêu tả, biểu cảm để đối tượng thuyết minh hiện lên sinh động rõ nét.

Ở lớp 9 khi viết bài văn tự sự cần nâng cao hơn ở kỹ năng vận dụng các yếu tố miêu tả, miêu tả nội tâm, yếu tố nghị luận, hay đối thoại, độc thoại, độc thoại nội tâm.

Đặc biệt hơn kiểu bài văn nghị luận là đơn vị kiến thức khá trọng tâm trong chương trình tập làm văn lớp 9.

chuyên đề này bản thân tôi tập trung đề cập đến kiểu bài văn nghị luận còn kiểu bài văn thuyết minh, tự sự sẽ thể hiện cụ thể ở chuyên đề tập làm văn lớp dưới.

B. Một số điểm cơ bản cần lưu ý về kiểu bài văn nghị luận trong chương trình Tập làm văn lớp 9 cần lưu ý.

Có các dạng bài: bài văn nghị luận về vấn đề xã hội hoặc nghị luận tác phẩm văn học.

I. Kiểu bài văn Nghị luận về một vấn đề xã hội

1. Phân loại

Trong chương trình Tập làm văn lớp 9 kiểu bài văn nghị luận xã hội chia làm ba loại nhỏ: Nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lí, nghị luận về một hiện tượng xã hội, nghị luận về một vấn đề xã hội trong tác phẩm văn học.

Một số điểm giống nhau.

2.1. Loại

Các dạng nghị luận về một tư tưởng, đạo lí; nghị luận về một hiện tượng đời sống; nghị luận về một vấn đề xã hội trong tác phẩm văn học đều thuộc loại bài nghị luận xã hội.

2.2 Các thao tác thường áp dụng khi viết bài:

Các dạng bài NLXH đều vận dụng chung các thao tác lập luận là giải thích, phân tích, chứng minh, so sánh, bác bỏ, bình luận. Ba thao tác cơ bản nhất là giải thích, chứng minh, bình luận.

2.2.1 Thứ nhất về thao tác giải thích:

Mục đích: Nhằm để hiểu

Các bước:

Bước 1: Làm rõ vấn đề được dẫn trên đề. Nếu vấn đề thể hiện dưới dạng là một câu trích dẫn khá nổi tiếng nào đó hoặc một ý tưởng do người ra đề đề xuất, người viết cần lần lượt giải nghĩa, làm rõ nghĩa của vấn đề theo cách đi từ khái niệm đến các vế câu và cuối cùng là toàn bộ ý tưởng được trích dẫn. Khi vấn đề được diễn đạt theo kiểu ẩn dụ bóng bẩy thì phải giải thích cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng của từ ngữ. Nếu vấn đề là một hiện tượng đời sống, người viết cần cho biết đó là hiện tượng gì, hiện tượng đó biểu hiện ra sao, dưới các hình thức nào (miêu tả, nhận diện)...Làm tốt bước giải nghĩa này sẽ hiểu đúng vấn đề, xác định đúng vấn đề (hoặc mức độ) cần giải thích để chọn lí lẽ cần thiết. Trong quan niệm làm văn truyền thống, bước này được xem là bước trả lời câu hỏi ***Là gì?***

+ Bước 2: Tìm hiểu cơ sở của vấn đề: Trả lời tại sao có vấn đề đó (xuất phát từ đâu có vấn đề đó). Cùng với phần giải nghĩa, phần này là phần thể hiện rất rõ đặc thù của thao tác giải thích. Người viết cần suy nghĩ kỹ để có cách viết chặt chẽ về mặt lập luận, lô gíc về mặt lí lẽ, xác đáng về mặt dẫn chứng. Trong quan niệm làm văn truyền thống, bước này được xem là bước trả lời câu hỏi **Tại sao?**

+ Bước 3: Nêu hướng vận dụng của vấn đề: Vấn đề được vận dụng vào thực tiễn cuộc sống như thế nào. Hiểu nôm na, phần này yêu cầu người viết thể hiện quan điểm của mình về việc tiếp thu, vận dụng vấn đề vào cuộc sống của mình như thế nào. Trong quan niệm làm văn truyền thống, bước này được xem là bước trả lời câu hỏi **Như thế nào?**

Lưu ý khi thực hiện thao tác giải thích: Nên đặt trực tiếp từng câu hỏi (Là gì, tại sao, như thế nào vào đầu mỗi phần (mỗi bước) của bài văn. Mục đích đặt câu hỏi: để tìm ý (phần trả lời chính là ý, là luận điểm được tìm ra) và cũng để tạo sự chú ý cần thiết đối với người đọc bài văn. Cũng có thể không cần đặt trực tiếp ba câu hỏi (Là gì, tại sao, như thế nào) vào bài làm nhưng điều quan trọng là khi viết, người làm bài cần phải có ý thức mình đang lần lượt trả lời từng ý, từng luận điểm được đặt ra từ ba câu hỏi đó. Tùy theo thực tế của đề và thực tế bài làm, bước như thế nào có khi không nhất thiết phải tách hẳn riêng thành một phần bắt buộc.

2.2.2 Thứ hai về thao tác chứng minh

Mục đích: Tạo sự tin tưởng.

Các bước:

Bước 1: Xác định chính xác điều cần chứng minh, phạm vi cần chứng minh.

Bước 2: Dùng dẫn chứng trong thực tế cuộc sống để minh họa nhằm làm sáng tỏ điều cần chứng minh, phạm vi cần chứng minh.

2.2.3 Thứ ba về thao tác bình luận

Mục đích: Tạo sự đồng tình.

Các bước:

Nêu, giải thích rõ vấn đề (hiện tượng) cần bình luận.

Dùng lí lẽ và dẫn chứng (chủ yếu là lí lẽ) để khẳng định giá trị của vấn đề hoặc hiện tượng (giá trị đúng hoặc giá trị sai). Làm tốt phần này chính là đã bước đầu đánh giá được vấn đề (hiện tượng) cần bình luận.

Bàn rộng và nhìn vấn đề (hiện tượng) cần bình luận dưới nhiều góc độ (thậm chí từ góc độ ngược lại) để có cái nhìn đầy đủ hơn.

Khẳng định tác dụng, ý nghĩa của vấn đề trong cuộc sống hiện tại.

Một số điểm khác nhau cơ bản giữa các kiểu bài

3.1 Dạng nghị luận về một tư tưởng, đạo lí

3.1.1 Đề tài:

- Về nhận thức (lí tưởng, mục đích sống, mục đích học tập...).
- Về tâm hồn, tính cách (lòng yêu nước, lòng nhân ái, lòng vị tha, lòng bao dung, lòng độ lượng; tính trung thực, tính cương quyết, tính hoà nhã, tính khiêm tốn, tính ích kỉ...).
- Về quan hệ gia đình (tình mẫu tử, tình anh em...).
- Về quan hệ xã hội (tình đồng bào, tình thầy trò, tình bạn, tình yêu quê hương đất nước...).

3.1.2 Về cấu trúc triển khai tổng quát:

- Giải thích tư tưởng, đạo lí cần bàn luận (hiểu vấn đề cần nghị luận là gì).
- Phân tích những mặt đúng, bác bỏ những biểu hiện sai lệch có liên quan đến vấn đề bàn luận.
- Nêu ý nghĩa của vấn đề (bài học nhận thức và hành động về tư tưởng, đạo lí).

3.1.3. Một số đề tham khảo

Tình thương là hạnh phúc của con người.

“Mọi phẩm chất của đức hạnh là ở trong hành động” ý kiến trên của M.Xi-xê-rông (nhà triết học La Mã cổ đại) gợi cho anh (chị) những suy nghĩ gì về việc tu dưỡng và học tập của bản thân?

Hãy phát biểu ý kiến của mình về mục đích học tập do UNESCO đề xướng: “Học để biết, học để làm, học để chung sống, học để tự khẳng định mình.

Suy nghĩ của em về triết lí sau: “Đừng xin người khác con cá, mà hãy tìm học cách làm cần câu và cách câu cá”.

Trả lời câu hỏi điều tra của nhà bác học Hanton, nhà bác học Đacuyn nói về kinh nghiệm thành công của mình như sau: “Tôi nghĩ rằng tất cả những gì có giá trị một chút, tôi đều đã thu nhận được bằng cách tự học”.

Bình luận câu nói trên. Anh, chị có suy nghĩ gì về con đường học tập sắp tới của mình?

“Nếu đứa trẻ đứng dưng với những gì đang diễn ra trong trái tim của người bạn, người anh em, của bố mẹ mình hoặc của bất cứ một đồng bào nào mà em gặp, nếu đứa trẻ không biết đọc trong mắt người khác điều đang xảy ra trong trái tim người đó thì đứa trẻ chẳng bao giờ trở thành con người chân chính”.

Em hãy bày tỏ ý kiến của mình về nhận định trên của nhà sư phạm Xukhômliński.

Bình luận danh ngôn: “Tiền mua được tất cả, trừ hạnh phúc”.

Trong thư gửi thanh niên và nhi đồng cả nước nhân dịp Tết 1946, Bác Hồ viết:

“Một năm khởi đầu từ mùa xuân, một đời khởi đầu từ tuổi trẻ. Tuổi trẻ là mùa xuân của xã hội”.

Hãy giải thích và nêu suy nghĩ của em về lời dạy của Bác.

Giải thích câu nói của Gorki: “Sách mở ra trước mắt tôi những chân trời mới”.

Đồng chí Lê Duẩn có nói: “Cái gốc của đạo đức, của luân lí là lòng nhân ái”. Em hiểu câu nói đó như thế nào?

Nhà thơ Pháp La Fonten (La Fontaine) có nói : “ Tính ích kỉ là thuốc độc giết chết tình bạn”. Hãy bình luận câu nói trên.

Suy nghĩ của em về câu danh ngôn: “Một người bạn chân thành là một người bạn tốt ».

Một nhà giáo dục đã nêu một quan niệm như sau: Con đường từ nhà đến trường của mỗi người học sinh tuy khác nhau nhưng nơi đến ở cuối mỗi con đường ấy đều giống nhau. ở đó, có một ngôi trường đầy tình thân và sự san sẻ. Trình bày suy nghĩ của em về quan niệm đó.

-Phê phán thái độ thờ ơ, ghẻ lạnh đối với con người cũng quan trọng và cần thiết như ca ngợi lòng vị tha, tình đoàn kết. Anh (chị) suy nghĩ như thế nào về ý kiến trên?

Suy nghĩ của anh (chị) về câu nói: “Đường đi khó không khó vì ngăn sông cách núi mà khó vì lòng người ngại núi e sông”. (Nguyễn Bá Học)

Phải chăng bạn là người đến với ta khi mọi người đã bỏ ta đi?

“Lí tưởng là ngọn đèn chỉ đường. Không có lí tưởng thì không có phương hướng kiên định, mà không có phương hướng thì không có cuộc sống. (Lép Tôn-xtôi)Anh (chị)

hãy nêu suy nghĩ về vai trò của lí tưởng nói chung và trình bày lí tưởng riêng của mình.

Phải chăng Cái chết không phải là điều mất mát lớn nhất trong cuộc đời. Sự mất mát lớn nhất là bạn để cho tâm hồn tàn lụi ngay khi còn sống.? (Noóc-man Ku-sin, theo Những vòng tay âu yếm NXB Trẻ, 2003).

Tiền tài và hạnh phúc.

“Có ba điều làm hỏng một con người: rượu, tính kiêu ngạo và sự giận dữ.
Anh, chị suy nghĩ như thế nào về ý kiến đó?

3.2 Dạng nghị luận về một hiện tượng đời sống

3.2.1.Đề tài:

Những hiện tượng tốt hoặc chưa tốt cần được nhìn nhận thêm. Ví dụ :

- Chấp hành luật giao thông.
- Hiến máu nhân đạo
- Nạn bạo hành trong gia đình
- Phong trào thanh niên tiếp sức mùa thi
- Cuộc vận động giúp đỡ đồng bào hoạn nạn
- Cuộc đấu tranh chống nạn phá rừng
- Những tấm gương người tốt việc tốt
- Nhiều bạn trẻ quên nói lời xin lỗi khi mắc lỗi
- Nhiều bạn trẻ quên nói lời cảm ơn khi được giúp

đỡ *Lưu ý:

Nên quy thành từng cụm đề tài nhỏ như dạng bài NLVMTT, ĐL để dễ nhận diện:

- Về nhận thức (lí tưởng, mục đích sống, mục đích học tập...).
- Về tâm hồn, tính cách (lòng yêu nước, lòng nhân ái, lòng vị tha, lòng bao dung, lòng độ lượng; tính trung thực, tính cương quyết, tính hoà nhã, tính khiêm tốn, tính ích kỉ...).
- Về quan hệ gia đình (tình mẫu tử, tình anh em...).
- Về quan hệ xã hội (tình đồng bào, tình thầy trò, tình bạn...).

3.2.2. Về cấu trúc triển khai tổng quát:

- Nêu rõ hiện tượng.
- Nêu nguyên nhân. Phân tích các mặt đúng-sai, lợi-hại.
- Bày tỏ thái độ, ý kiến về hiện tượng xã hội đó.

3.2.3. Một số đề tham khảo:

Hiện nay, ở nước ta có nhiều cá nhân, gia đình, tổ chức thu nhận trẻ em cơ nhỡ, lang thang kiếm sống trong các thành phố, thị trấn về những mái ấm tình thương để nuôi dạy, giúp các em học tập, rèn luyện, vươn lên sống lành mạnh, tốt đẹp. Anh (chị) hãy bày tỏ suy nghĩ về hiện tượng đó.

Về hiện tượng ngày càng có nhiều người dời bỏ quê hương để đổ xô về các thành phố lớn.

Về hiện tượng nhiều người trong lớp trẻ hôm nay lạnh nhạt với âm nhạc truyền thống.

3.3 Dạng nghị luận về một vấn đề xã hội trong tác phẩm văn học

3.3.1. Đề tài:

Một vấn đề xã hội có ý nghĩa sâu sắc nào đó đặt ra trong tác phẩm văn học, (Vấn đề xã hội có ý nghĩa có thể lấy từ hai nguồn: tác phẩm văn học đã học trong chương trình hoặc một câu chuyện nhỏ, một văn bản văn học ngắn gọn mà HS chưa được học).

3.3.2. Về cấu trúc triển khai tổng quát:

a/Phần một: Phân tích văn bản (hoặc nêu vắn tắt nội dung câu chuyện) để rút ra ý nghĩa của vấn đề (hoặc câu chuyện).

b/Phần hai (trọng tâm): Nghị luận (phát biểu) về ý nghĩa của vấn đề xã hội rút ra từ tác phẩm văn học (câu chuyện).

3.3.3. Một số đề tham khảo

Suy nghĩ của anh (chị) từ ý nghĩa của câu chuyện Bến quê - Nguyễn Minh Châu.

“Con cò mà đi ăn đêm,

Đậu phải cành mềm, lộn cổ xuống ao.

Ông ơi, ông vớt tôi nao!

Tôi có lòng nào, ông hãy xáo măng.

Có xáo thì xáo nước trong,

Đừng xáo nước đục, đau lòng cò con

Từ bài ca dao, hãy bàn về vấn đề lẽ sống của con người Việt Nam.

4. Dàn bài

4.1 Dạng nghị luận về một tư tưởng, đạo lí

a) Mở bài

Giới thiệu vấn đề được đưa ra nghị luận.

Nêu luận đề: dẫn nguyên văn tư tưởng đạo lí hoặc nội dung bao trùm của vấn đề.

Giới hạn nội dung và thao tác nghị luận sẽ triển khai.

b) Thân bài

Giải thích tư tưởng, đạo lí cần nghị luận (nêu các khía cạnh nội dung của tư tưởng, đạo lí này).

Phân tích, chứng minh, bình luận các khía cạnh ; bác bỏ, phê phán những sai lệch (nếu có).

Khẳng định chung, nêu ý nghĩa, liên hệ thực tế, rút ra bài học nhận thức và hành động.

Lấy dẫn chứng minh họa (ngắn gọn, tiêu biểu, dễ hiểu).

c) Kết bài

Tóm tắt các ý, nhấn mạnh luận đề đã nêu ở đầu bài nhằm chốt lại bài viết hoặc dẫn thơ, văn để mở rộng, gợi ý thêm cho người đọc về vấn đề đang bàn luận.

Lưu ý:

Muốn làm bài văn nghị luận về một tư tưởng, đạo lí, trước hết hãy tìm hiểu sâu về tư tưởng, đạo lí được đem ra bàn bạc.

Tìm hiểu tư tưởng, đạo lí bằng cách phân tích, giải thích theo từng ý, từng vế của vấn

để được nêu.

Phát biểu nhận định, đánh giá của mình về tư tưởng, đạo lí đó.

Nêu các luận cứ và phân tích các luận cứ để khẳng định nhận định, đánh giá của mình.

4.2 Dạng nghị luận về một hiện tượng đời sống

Cách viết mở bài

Nghị luận về một hiện tượng đời sống cũng là một dạng văn bản. Vì vậy, nó cũng cần bắt đầu bằng một mở bài. Và phần mở bài của nó dĩ nhiên không thể đi ngược lại những nguyên tắc chung của mở bài.

Nghị luận là hoạt động nhằm thỏa mãn nhu cầu của con người muốn được bàn luận và đánh giá về một hiện tượng (hoặc vấn đề) nào đấy. Mở bài của một bài nghị luận hiện tượng đời sống phải thể hiện được định hướng đánh giá và bàn luận đó thông qua những câu hỏi, hoặc những câu có tác dụng gợi suy nghĩ, trầm trồ trong người đọc (người nghe).

Cách viết thân bài

Thân bài phải gồm đủ hai thành phần là bàn luận và đánh giá, để có thể đáp ứng yêu cầu bình luận.

Các ý của thân bài cần được sắp xếp sao cho người đọc (người nghe) có thể tiếp nhận sự đánh giá, bàn luận của người làm văn một cách dễ dàng và hứng thú, vì sự bình luận chỉ có ý nghĩa khi nó thực sự hướng tới người đọc (người nghe). Chẳng hạn:

Người đọc (người nghe) sẽ không thể tiếp nhận, và càng không thể tiếp nhận một cách hứng thú những lời bình luận về một hiện tượng nếu họ còn mơ hồ về cái hiện tượng được đưa ra bình luận ấy. Vì thế, trước khi bắt tay vào đánh giá hay bàn bạc, người bình luận nên trình bày một cách trung thực, đầy đủ, rõ ràng về hiện tượng đời sống mà mình sẽ đem ra bàn luận cùng người đọc (người nghe).

Người bình luận không nên cố trình bày hiện tượng đời sống đó sao cho phù hợp nhất với quan điểm của mình, vì việc làm ấy có thể sẽ mâu thuẫn với yêu cầu khách quan, trung thực và từ đó sẽ khiến người đọc (người nghe) hoài nghi, cảm thấy sự bình luận

không thật công bằng, không vô tư.

Người bình luận cũng nên vận dụng các yếu tố tự sự, miêu tả, biểu cảm, thuyết minh trong lúc trình bày đề bài văn của mình thêm chính xác, rõ ràng, sinh động và do đó, thêm sức thuyết phục người đọc (người nghe).

Người đọc (người nghe) sẽ không thể thực sự tin vào ý kiến của người nghị luận, nếu cảm thấy ý kiến ấy chỉ là sự áp đặt một chiều. Sức thuyết phục của bài nghị luận sẽ cao hơn nhiều khi người nghe có điều kiện so sánh ý kiến của người nghị luận với những ý kiến đã được nêu ra trước đó. Do vậy, người làm văn nên làm công việc điềm lại và nhận xét một cách hợp tình hợp lí các quan điểm chính đã có về hiện tượng đời sống được đưa ra bình luận, trước khi đưa ra quan điểm của bản thân mình.

Việc điềm lại và nhận xét các quan điểm chính đã có về hiện tượng đời sống nêu ở đề bài rõ ràng cũng cần phải đạt được các yêu cầu khách quan, trung thực, như vừa nêu ở điềm trên. Vì có thể thì người nghị luận mới mong đạt được mục đích của mình.

Khi nêu ra và bảo vệ quan điểm của riêng mình, người bình luận có thể đứng hẳn về một phía, ủng hộ phía mình cho là đúng và phê phán phía mà mình chắc chắn là sai. Người bình luận cũng có thể kết hợp những phần đúng và loại bỏ phần còn hạn chế của mỗi phía để đi tới một sự đánh giá mà mình tin là thực sự hợp lí, công bằng. Và cũng không loại trừ khả năng người bình luận đưa ra một cách đánh giá khác biệt của riêng mình, sau khi đã phân tích các quan điểm ý kiến khác nhau về đề tài cần bình luận. Việc lựa chọn cách làm nào trong cách kể trên cũng hoàn toàn chỉ xuất phát từ một và chỉ một cơ sở duy nhất - cơ sở chân lí. Và sau khi đã lựa chọn được một cách thức phù hợp với chân lí (lẽ phải) rồi thì nhiệm vụ của người bình luận là thuyết phục người nghe (người đọc) đặt niềm tin vào sự đánh giá của mình, như chính mình đã từng có niềm tin như thế.

Khi tiếp tục luận bàn sâu rộng hơn, người làm văn có thể đề cập tới thái độ, hành động, cách giải quyết cần có trước hiện tượng vừa được nhận xét, đánh giá, cũng có thể bày tỏ những cảm nhận, suy nghĩ mà mình đã rút ra khi liên hệ với thời đại, hoàn cảnh sống, lứa tuổi của mình và của người đang lắng nghe mình bình luận. Sự bàn luận còn có thể

đạt tới tầm vóc lớn hơn, có giá trị cao hơn nếu người bình luận có thể mở ra những ý nghĩa sâu rộng, sâu sắc và bất ngờ nữa từ hiện tượng đời sống mà mình đang bình luận.

c) Cách viết kết bài

Phần kết bài phải đóng được bài văn lại bằng một khẳng định chắc chắn, không thể nào bác bỏ.

ở một bài nghị luận hay, phần kết không chỉ làm một nhiệm vụ duy nhất là chốt lại bài văn. Một phần kết chỉ thật hay khi nó còn mở ra được một phạm vi rộng lớn hơn cho những suy ngẫm, những điều cần bàn luận tiếp.

* Lưu ý: Khi có đề văn yêu cầu nghị luận về một hiện tượng đời sống thì trước hết phải tìm hiểu hiện tượng đời sống được nêu trong đề, phân tích các biểu hiện của nó, lí giải các nguyên nhân và hậu quả.

Tiếp đến nêu ý kiến nhận xét, đánh giá hiện tượng đó tốt, xấu, lợi, hại như thế nào.

Chúng ta cần có thái độ ra sao đối với hiện tượng đó. Trên cơ sở suy nghĩ đó mà lập dàn ý để cho bài viết mạch lạc, vận dụng kết hợp hợp lí các thao tác nghị luận.

Kiểu bài Nghị luận về một tác phẩm văn học

1. Phân loại:

Kiểu bài văn nghị luận về một tác phẩm văn học được chia làm hai loại nhỏ: nghị luận về tác phẩm truyện(đoạn trích) và nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.

2. Khái niệm

Nghị luận về tác phẩm truyện(Hoặc đoạn trích) là trình bày những nhận xét, đánh giá của mình về nhân vật, sự kiện, chủ đề hay nghệ thuật một tác phẩm cụ thể.

Nghị luận về đoạn thơ hoặc bài thơ là trình bày những nhận xét đánh giá của mình về nội dung hay nghệ thuật của đoạn thơ hay bài thơ ấy.

Một số thao tác cần lưu ý khi làm bài thuộc kiểu Nghị luận một tác phẩm văn học.

Bước 1: Nắm chắc nội dung toàn tác phẩm

Để biết mình đã nắm chắc tác phẩm hay chưa, bạn hãy trả lời các câu hỏi sau. Tác

phẩm này do ai sáng tác? Trong hoàn cảnh nào? Đề tài và chủ đề của tác phẩm? Bạn có thể tóm tắt nội dung của tác phẩm đó chưa (đối với tác phẩm văn xuôi)? Đối với tác phẩm thơ thì không chỉ nắm nội dung toàn tác phẩm bạn còn phải học thuộc lòng những phần nội dung nằm trong chương trình học. Các thủ pháp nghệ thuật chủ đạo trong tác phẩm này là gì? v.v

Bước 2: trước một đề bài cần xem xét các dạng đề đối với tác phẩm đó (dạng đề ở đây được hiểu là về thể loại và nội dung)

VD: Với tác phẩm Lão Hạc chúng ta có thể gặt gắp các dạng đề nghị luận về: các nhân vật trong tác phẩm (Lão Hạc), giá trị hiện thực và nhân đạo trong tác phẩm, nghệ thuật miêu tả tâm lý và khắc họa nhân vật, nghệ thuật xây dựng tình huống truyện...Ở mỗi dạng đề cần định hướng được những ý chính.

Bước 3: Lập dàn bài chi tiết cho từng dạng đề ở mỗi tác phẩm

Đối với mỗi dạng đề các bạn cần lập ra một dàn bài. Tuy mất thời gian nhưng điều này sẽ giúp bạn lường hết mọi tình huống đề có thể bắt gặp và không phải lúng túng khi làm bài .

Với đề phân tích nhân vật, bao giờ các bạn cũng phải vạch cho mình hai ý chính nhất: ngoại hình và tính cách. Bên cạnh đó một số yếu tố như: ngôn ngữ, hành động, cử chỉ, nội tâm mối quan hệ với xã hội với các nhân vật khác. Tất cả các yếu tố này tựu trung lại cũng bổ trợ và làm bật lên tính cách của nhân vật. Song song với phân tích nội dung, các bạn cần lưu ý và nhấn mạnh đến các thủ pháp nghệ thuật xây dựng nhân vật.

Hầu hết các nhân vật trong tác phẩm văn học thường mang tính hình tượng, đại diện cho một tầng lớp, một thế hệ nên sau quá trình phân tích ngoại hình và tính cách các bạn cần rút ra được thông điệp mà nhà văn muốn gửi gắm qua tác phẩm đó(Khái quát bình diện văn học).

Trong mỗi ý lớn như vậy sẽ có thêm nhiều ý nhỏ hơn, bạn hãy dùng một mũi tên cho một ý để sơ đồ hóa dàn bài của mình. Và ở mỗi ý nhỏ, các bạn cần tìm ra những dẫn chứng phù hợp minh chứng cho những đặc điểm đó. Dẫn chứng chính là những đoạn trích trong tác phẩm, bạn cần học thuộc một số câu văn tiêu biểu để minh chứng cho

những ý kiến đánh giá của mình trong bài viết. Qua phân tích những dẫn chứng đó nhân vật của bạn sẽ hiện lên với đầy đủ tính cách, chân thực và sống động.

Đối với dạng đề tổng hợp nghị luận về một vấn đề văn học (VD: giá trị nhân đạo trong các tác phẩm của Nam Cao), chúng ta cần đi từ vấn đề bao quát nhất:

Nhân đạo: Nhân đạo là gì?

Biểu hiện của tinh thần nhân đạo: Yêu thương con người, cảm thông sâu sắc với những nỗi đau của con người, thông cảm với hoàn cảnh sống của nhân vật (nhiều khi tinh thần nhân đạo được phản ánh ngay trong những giá trị hiện thực), hướng con người một cuộc sống tốt đẹp hơn ...đều là những biểu hiện của tinh thần nhân đạo.

Tinh thần nhân đạo trong tác phẩm của Nam Cao:

Khái quát về các tác phẩm của Nam Cao, các đề tài chính (đời sống của người nông dân và trí thức nghèo)

Tinh thần nhân đạo thể hiện trong tác phẩm của Nam Cao như thế nào? bằng những hình ảnh gì? trong tác phẩm nào? Vấn đề tác giả đặt ra trong tác phẩm là gì?.....

Giá trị nhân đạo biểu hiện trong tác phẩm của Nam Cao có gì khác so với các nhà văn khác ở các tác phẩm khác không? (có thể so sánh với các tác phẩm Vợ nhặt, Vợ chồng A Phủ) v.v

Lần lượt, bạn tự đặt ra những câu hỏi và trả lời cho câu hỏi của chính mình. Điều này sẽ giúp bạn vạch được cho mình những ý chính thật đầy đủ. Sau khi có được những ý chính bạn mới triển khai các ý phụ. Thêm vào đó bạn có thể tham khảo các bài văn hay để bổ sung các ý cần thiết.

Bằng cách sơ đồ hóa dàn bài bằng những gạch đầu dòng và mũi tên sẽ giúp bạn thấy rõ các ý mà mình định triển khai. Và như thế, việc sót ý là một điều hiếm khi xảy ra khi bạn làm bài.

Đối với dạng đề phân tích nội dung, nghệ thuật của tác phẩm cần làm nổi bật được nội dung nghệ thuật chính của truyện có phân tích chứng minh bằng các luận cứ tiêu biểu và xác thực, căn cứ vào từng tác phẩm để có cách triển khai cụ thể. Cần liên

hệ với các tác phẩm cùng đề tài cùng giai đoạn để người đọc người nghe sâu sắc hơn về tác phẩm đang nghị luận.

Bước 4: Viết bài và sửa chữa

Trong quá trình viết cần vận dụng đa dạng phong phú các phép lập luận. Chú ý sử dụng ngôn từ không chỉ đúng mà cần phải hay, biểu cảm (Ví dụ: ***Tôi trở về thăm trường cũ***. Có thể viết ***Tôi trở về thăm trường xưa***. Nge như hay hơn và hoài niệm hơn)

Khi viết chú ý vận dụng các phép liên kết để bài văn được lô gic chặt chẽ, tự nhiên thuyết phục được người đọc người nghe..... Đặc biệt khi nghị luận một bài thơ hoặc đoạn thơ có khác với nghị luận tác phẩm truyện ở chỗ: nếu nhưng những xét đánh giá về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm truyện phải xuất phát từ ý nghĩa của cốt truyện, tính cách, số phận của nhân vật, cách tạo dựng tình huống truyện, cách xây dựng nhân vật thì những đánh giá về nội dung, nghệ thuật của bài thơ, đoạn thơ lại được thể hiện qua ngôn từ, hình ảnh, giọng điệu, các bút pháp nghệ thuật, cách ngắt nhịp.....Khi nghị luận một tác phẩm truyện có thể tách rời giữa những nhận xét về nội dung và nghệ thuật nhưng nghị luận thơ lại phải đi từ nghệ thuật đến nội dung...

Trong quá trình triển khai các luận điểm, luận cứ cần thể hiện sự cảm thụ và ý kiến riêng của người viết về tác phẩm.

Viết xong cần đọc lại và sửa chữa bài kịp thời.

Dàn ý đại cương

a. Nghị luận về tác phẩm truyện hay đoạn trích.

Mở bài: Giới thiệu tác phẩm(tùy theo yêu cầu cụ thể của đề bài) và nêu ý kiến đánh giá sơ bộ của mình.

Thân bài: Nêu các luận điểm chính về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm, có phân tích, chứng minh bằng các luận cứ tiêu biểu và xác thực.

Kết bài: Nêu nhận định đánh giá chung của mình về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích).

b. Nghị luận về đoạn thơ hoặc bài thơ

Mở bài: Giới thiệu đoạn thơ, bài thơ và bước đầu nêu nhận xét đánh giá của mình(Nếu là phân tích một đoạn thơ nên nêu rõ vị trí của đoạn thơ ấy trong tác phẩm và khái quát nội dung cảm xúc của nó).

Thân bài: Lần lượt trình bày những suy nghĩ, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ, bài thơ.

Kết bài: Khái quát giá trị ý nghĩa của đoạn thơ, bài thơ.

PHẦN II: MỘT SỐ BÀI TẬP THAM KHẢO

Đề 1: Phân tích truyện ngắn "Bến quê" của Nguyễn Minh Châu.

A. Mở bài:

Giới thiệu tác phẩm: Bến quê; tác giả: Nguyễn Minh Châu.

(Nguyễn Minh Châu là cây bút xuất sắc nhất của văn học Việt Nam hiện đại. Hàng loạt những truyện ngắn trần trụi, day dứt đã ra đời và đã một thời gây xôn xao dư luận : từ Bức tranh mở đường cho sự đổi mới văn học vào những năm đầu của thập kỷ 80 ở thế kỷ trước cho đến Phiên chợ Giát là tác phẩm cuối cùng viết trên giường bệnh. Nhà văn đã từng bước khám phá cái thế giới nội tâm ở mỗi con người trong những tình huống đầy mâu thuẫn và nghịch lý mà Bến quê là một truyện ngắn xuất sắc trong tập truyện ngắn cùng tên được xuất bản năm 1985, bốn năm trước khi nhà văn từ giã cõi đời).

B. Thân bài :

Tóm tắt truyện: Cốt truyện thật đơn giản nhưng mang tính triết lý, mang tính trải nghiệm sâu sắc có ý nghĩa tổng kết về cuộc đời của một con người : Nhĩ mắc bệnh hiểm nghèo, nằm liệt giường, phải nhờ vào sự chăm sóc của vợ con... Một buổi sáng đầu thu, từ cửa sổ nhìn ra, đất trời lúc giao mùa với hoa bằng lăng tím thắm, với nước con sông Hồng một màu đỏ nhạt...Rồi cái bãi bồi bên kia sông hiện ra ...Nơi gần gũi mà cả đời Nhĩ dù đã đi khắp mọi nơi trên trái đất lại chưa bao giờ đi tới đó...Nhĩ khao khát được một lần đặt chân lên cái bờ bên kia sông Hồng ngay trước cửa sổ nhà mình ...để rồi cuối cùng nhận ra cái quy luật đầy nghịch lý của đời người : con người ta trên ường đời thật khó tránh khỏi được những cái điều vòng vèo hoặc chùng chình.

Những cảm xúc và suy nghĩ của nhân vật Nhĩ trên giường bệnh:

a. Cảm nhận của nhân vật Nhĩ về vẻ đẹp thiên nhiên : buổi sáng đầu thu được nhìn từ khung cửa sổ căn phòng mình :

Cảnh vật được miêu tả theo tầm nhìn của Nhĩ, từ gần đến xa, tạo thành một không gian có chiều sâu, rộng : từ những bông hoa bằng lăng ngay phía ngoài cửa sổ đến con sông Hồng với màu đỏ nhạt lúc đã vào thu, đến vòm trời và sau cùng là bãi bồi bên kia sông. Tất cả đều được cảm nhận bằng những cảm xúc tinh tế. Không gian và những cảm xúc ấy vốn quen thuộc, gần gũi nhưng lại rất mới mẻ với Nhĩ, tưởng như lần đầu tiên anh cảm nhận được tất cả vẻ đẹp và sự giàu có của nó.

b. Cảm nhận về Liên :

Lần đầu tiên Nhĩ "để ý thấy Liên đang mặc tấm áo vá", cảm nhận "những ngón tay gầy guộc âu yếm vuốt ve bên vai" và Nhĩ nhận ra tất cả tình yêu thương, sự tần tảo và đức hy sinh thầm lặng của vợ. Chính trong những ngày cuối đời, Nhĩ mới thực sự thấu hiểu với lòng biết ơn sâu sắc người vợ của mình : "cũng như cánh bãi bồi đang nằm phơi mình bên kia, tâm hồn Liên vẫn giữ nguyên vẹn những nét tần tảo và chịu đựng hy sinh từ bao đời xưa, và cũng chính nhờ có điều đó mà sau những ngày tháng bôn tẩu tìm kiếm...Nhĩ đã tìm thấy được nơi nương tựa là gia đình trong những ngày này".

c. Cảm nhận về bản thân :

Khao khát được đặt chân lên bãi bồi bên kia sông :

Buổi sáng hôm ấy, lần đầu tiên Nhĩ nhận ra vẻ đẹp của cảnh vật bình dị và gần gũi xung quanh mình. Và trở trêu thay, với con người "đã từng đi tới không sót một xó xỉnh nào trên trái đất như Nhĩ, "cái bờ bên kia sông Hồng ngay trước cửa nhà mình" lại là "một chân trời gần gũi mà lại xa lắc vì chưa hề bao giờ đi đến". Nhĩ khao khát được đặt chân lên bãi bồi bên kia sông. Điều khao khát ấy chính là sự thức tỉnh về những giá trị bền vững, bình thường mà sâu xa của đời sống - những giá trị thường bị người ta lãng quên, vô tình, nhất là lúc còn trẻ, khi con người còn lao theo những ham muốn xa vời. Sự thức nhận này chỉ đến được với người ta ở cái độ đã từng trải, đã thấm thía những sướng vui và cay đắng ; và cùng với sự thức tỉnh ấy thường là những ân hận xót xa ...

Lại càng trở trêu hơn nữa khi anh nhờ thằng con trai thực hiện ước muốn của mình, thằng con trai anh cũng không hiểu được niềm khao khát của cha nó, nên làm một cách miễn cưỡng và rồi bị cuốn hút vào trò chơi hấp dẫn nó gặp trên đường đi, để rồi có thể

lỡ chuyến đò ngang duy nhất trong ngày. Từ hoàn cảnh của mình, từ đứa con trai, Nhĩ đã chiêm nghiệm được cái quy luật phổ biến của đời người : "con người ta trên đường đời thật khó tránh được những cái vòng vèo hoặc chùng chình ". Anh không trách đứa con trai bởi giống như anh ngày trước, "nó đã thấy có gì hấp dẫn ở bên kia sông đâu".

Hành động kỳ quặc của Nhĩ cuối truyện khi thấy con đò ngang vừa chạm mũi vào bờ đất bên này sông, Nhĩ đã thu hết tàn lực dòn vào một cử chỉ có vẻ kỳ quặc : Anh đang cố thu nhặt hết mọi chút sức lực cuối cùng còn sót lại để đu mình nhô người ra ngoài, giơ một cánh tay gầy guộc ra phía ngoài cửa sổ khoát khoát y như đang khấn thiết ra hiệu cho một người nào đó.. Anh đang nôn nóng thúc giục cậu con trai hãy mau kéo lỡ chuyến đò duy nhất trong ngày. Không nên sa vào những cái vòng vèo, chùng chình trên đường đời dứt ra khỏi, hướng tới những giá trị đích thực giản dị, gần gũi, bền vững. biểu hiện sự nôn nóng thúc giục cậu con trai hãy mau lên kéo lỡ chuyến đò càng tô đậm niềm khao khát của anh.

Nghệ thuật truyện:

Xây dựng nhân vật tư tưởng: Nhân vật Nhĩ là nhân vật tư tưởng, một loại nhân vật nổi lên trong sáng tác của Nguyễn Minh Châu giai đoạn sau 1975. Nhà văn đã gửi gắm qua nhân vật nhiều điều quan sát, suy ngẫm, triết lý về cuộc đời và con người. Nhân vật không bị biến thành cái loa phát ngôn cho tác giả. Những chiêm nghiệm, triết lý đã được chuyển hoá vào trong đời sống nội tâm của nhân vật, với diễn biến tâm trạng .

Hình ảnh giàu ý nghĩa biểu tượng. Một đặc điểm nổi bật trong nghệ thuật truyện : Sáng tạo hình ảnh giàu ý nghĩa biểu tượng . Trong Bến quê, hầu như mọi hình ảnh đều mang hai lớp nghĩa : nghĩa thực và ý nghĩa biểu tượng. Bãi bồi, bến sông, khung cảnh thiên nhiên : là vẻ đẹp của đời sống trong những cái gần gũi, bình dị, thân thuộc. Bông hoa bằng lăng cuối mùa ; tiếng những tảng đất lở ở bờ sông bên này, khi cơn lũ đầu nguồn dòn về, đổ ụp vào trong giấc ngủ của Nhĩ lúc gần sáng : Sự sống của nhân vật Nhĩ đã ở vào những ngày cuối cùng. Đứa con trai của Nhĩ đã sa vào một đám chơi phá cờ thế trên lề đường : sự chùng chình, vòng vèo mà trên đường đời người ta khó tránh khỏi. Hành động và cử chỉ của Nhĩ : thức tỉnh con người.

Miêu tả tâm lý tinh tế.

Cách xây dựng tình huống nghịch lý. Đi hầu hết khắp nơi trên thế giới, bị liệt toàn thân, không thể đi đâu được.

Trần thuật theo dòng tâm trạng của nhân vật.

C. Kết bài:

Nguyễn Minh Châu là nhà văn đi được xa nhất trên con đường đổi mới văn học.

Tác phẩm mang tính hiện đại, tính nhân văn sâu sắc.

(Có thể ở đâu đó những điều cảm nhận của Nguyễn Minh Châu chưa phải đã đạt đến độ khái quát sâu sắc. Nhưng trong cách cảm, cách nghĩ của ông trong "Bến quê" là có cơ sở hợp với tính nhân văn và đáp ứng được yêu cầu thời đại. Tiếc thay cái chết đã đến khi sức sáng tạo của nhà văn đang tràn đầy, khi tư tưởng nghệ thuật của ông đã trở nên sâu sắc, đầy hứa hẹn, làm cho những ai yêu mến Nguyễn Minh Châu bỗng cảm thấy hụt hẫng tiếc nuối. Ông như một ngôi sao băng vút qua bầu trời, sáng loà rồi tan biến vào cõi vĩnh hằng nhưng với di sản văn học ông để lại cho đời, đặc biệt là với truyện ngắn Bến quê cũng đáng để cho chúng ta tự hào và đủ để an ủi linh hồn ông ở thế giới bên kia)

Đề 2: Phân tích bài thơ Bài thơ về tiểu đội xe không kính của Phạm Tiến Duật. Từ đó, em hãy phát biểu suy nghĩ của mình về sự kế thừa của tuổi trẻ hôm nay với tuổi trẻ cha anh.

Dàn bài

A. Mở bài

Trong những năm tháng gay go, quyết liệt nhất của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, từ tuyến đường Trường Sơn đầy bom rơi đạn nổ, nhà thơ Phạm Tiến Duật đồng

thời cũng là anh bộ đội đã viết những bài thơ ca ngợi người lính trên chiến trường với một phong cách thơ riêng biệt, độc đáo. Thơ của anh đã được đánh giá cao.

Tác phẩm Bài thơ về tiểu đội xe không kính (Trích trong tập Vàng trắng-Quầng lửa) là một trong những bài thơ để lại ấn tượng mạnh trong lòng người đọc về hình ảnh những người lính và sự kế thừa của biết bao thế hệ...

B. Thân bài

***. Phân tích bài thơ**

Hình tượng thơ gắn liền với cái đẹp, vẻ chau chuốt sự kì vĩ đi cùng năm tháng đó chính là hình ảnh những chiếc xe không kính...

Bình thường, những chiếc xe không kính không thể gọi là cái đẹp. ấy thế mà tác giả đã lấy hình tượng đó làm cảm hứng xuyên suốt của bài thơ. Hình tượng độc đáo nhưng hợp lý này đã có tác dụng gây ấn tượng mạnh, là cơ sở để làm nổi bật phẩm chất dũng cảm, sự lạc quan và quyết tâm dành chiến thắng của anh lính lái xe thời chống Mỹ.

Hình tượng những chiếc “xe không kính” đã gọi lên những nguy hiểm cận kề. Những “bom giạt, bom rung” làm vỡ kính xe. Sự hi sinh, cái chết đã ở đâu đó, rất gần những người lính.

Lời thơ bình dị:

“ Không kính không phải vì xe không có
kính Bom giạt, bom rung kính vỡ đi rồi...”

Hình tượng những chiếc xe không kính cũng đã góp phần cụ thể hóa những khó khăn gian khổ mà anh bộ đội lái xe phải chịu đựng:

“Không có kính, ừ thì có bụi,
Bụi phun tóc trắng như người già.
Không có kính, ừ thì ướt áo,
Mưa tuôn, mưa xối như ngoài trời”.

Hoàn cảnh chiến trường khó khăn, cái chết là những thử thách lớn với những người lái xe trên con đường Trường Sơn khói lửa.

Diệp ngữ “ không có kính” ở đầu các khổ thơ vừa có tác dụng nhấn mạnh cho ta cảm nhận được gian khổ, hiểm nguy sự khốc liệt của hiện thực cuộc chiến đối với người lính Trường Sơn vừa khắc họa được nét tiêu biểu của con người Việt Nam, dù thiếu thốn, khó khăn vẫn kiên cường chiến đấu.

Hình ảnh những người chiến sĩ lái xe trên tuyến đường Trường Sơn:

Tư thế hiên ngang, tinh thần dũng cảm , bất chấp mọi khó khăn nguy hiểm, niềm vui sôi nổi của tuổi trẻ và ý chí chiến đấu vì miền Nam.

Trong bom đạn khốc liệt của chiến tranh, anh chiến sĩ vẫn dũ vững tư thế hiên ngang hướng về phía trước, thực hiện khẩu hiệu: “tất cả vì tiền tuyến, tất cả vì miền Nam ruột thịt”. Câu thơ chuyển giai điệu, thanh thản, tự tin:

“ Ung dung buồng lái ta ngồi Nhìn
đất, nhìn trời, nhìn thẳng”.

Những từ ngữ chọn lọc “ung dung”, “nhìn đất”, “nhìn trời”, “nhìn thẳng” thể hiện tư thế, phong cách anh bộ đội lái xe trên đường ra trận.

Tư thế hiên ngang, lòng tự tin của anh bộ đội còn được biểu lộ ở chỗ bất chấp “ bom giạt, bom rung” của kẻ thù, vẫn cảm nhận cái đẹp của thiên nhiên, của đất nước, những nét đẹp lãng mạn, mặc dù cái chết còn lẩn quẩn, rình rập đâu đó quanh anh. Hình ảnh thơ đẹp, mạnh mẽ:

“ Thấy sao trời và đột ngột cánh chim
Như sa, như ùa vào buồng lái”.

Những thiếu thốn, khó khăn vật chất lại càng không ngăn được con đường anh đi tới:

“ Không có kính, ừ thì có bụi”;
“ Không có kính, ừ thì ướt áo”

Câu thơ mộc mạc như một lời nói thường ngày đầy dí dỏm, tinh nghịch: “ừ thì có bụi”, “ ừ thì ướt áo” đã giúp ta hiểu thêm về người lính trước những khó khăn gian khổ . Có khó khăn nhưng nào đáng kể gì! Có sao đâu, anh chấp nhận tất cả.

Cách giải quyết khó khăn của anh cũng thật bất ngờ,
thú vị: “Chưa cần rửa, phì phèo châm điếu thuốc
Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha”;
“ Chưa cần thay ,lái trăm cây số nữa
Mưa ngừng, gió lùa khô mau thôi”

Ngôn ngữ bình dị, âm điệu vui thể hiện niềm lạc quan yêu đời của tuổi trẻ sống có lý tưởng.

Tư thế hiên ngang, lòng dũng cảm đã làm nên sức mạnh của anh bộ đội. Sức mạnh ấy còn được nhân lên gấp bội vì cạnh anh còn có cả tập thể anh hùng. Từ trong bom đạn hiểm nguy, “tiểu đội xe không kính” được hình thành, bao gồm những con người từ bốn phương chung lý tưởng, gặp nhau thành bạn bè.

“ Gặp bè bạn suốt dọc đường đi tới
Bắt tay qua cửa kính vỡ rồi”.

Các anh đã cùng chung niềm vui sôi nổi của tuổi trẻ, của tình đồng đội, tình đồng chí. Hình ảnh sinh hoạt ấm tình đồng đội:

“ Chung bát đũa nghĩa là gia đình

Võng mắc chông chênh đường xe chạy”.

Những câu thơ này như tái hiện được những âm điệu vui tươi của bài hát “ Năm anh em trên một chiếc xe tăng”. Tuy mỗi người một tính nhưng ta chung một lòng”.

Đọc những câu thơ tiếp theo, ta thấy rõ khó khăn gian khổ càng nhiều hơn chiến tranh càng ác liệt hơn:

“ Không có kính, rồi xe không có đèn

Không có mui xe, thùng xe có nước”.

Nhưng dù khó khăn ác liệt đến mấy, ý chí chiến đấu vì miền Nam ruột thịt của anh bộ đội vẫn không hề lay chuyển: “Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước”. Hình ảnh tượng “Chỉ cần trong xe có một trái tim” của bài thơ đã nêu bật được lòng yêu nước và ý chí quyết tâm dành chiến thắng của các anh...

Đánh giá chung về sự suy ngẫm liên tưởng đến thế hệ trẻ hôm nay và thế hệ cha ông đi trước.

Bài thơ thành công trong việc khắc họa hình ảnh những anh bộ đội lái xe trên tuyến đường Trường Sơn đầy gay go, thử thách, một lực lượng tiêu biểu cho thế hệ trẻ Việt Nam trong giai đoạn ác liệt nhất của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Họ là hình ảnh “Nhân dân ta rất anh hùng”.

Âm điệu trẻ chung, vui tươi, lời thơ gần với những lời nói trong sinh hoạt thường ngày và cách xây dựng hình tượng thơ độc đáo đã thể hiện phong cách thơ riêng của Phạm Tiến Duật.

III.Kết bài

Khẳng định giá trị bài thơ về mặt nội dung về mặt nội dung, nghệ thuật

Đề 3: Cảm nhận của em về vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên lúc giao mùa trong đoạn thơ sau:

Bỗng nhận ra hương ổi
Phả vào trong gió se
Sương chùng chình qua ngõ
Hình như thu đã về
Sông được lúc dềnh dàng
Chim bắt đầu vội vã
Có đám mây mùa hạ
Vắt nửa mình sang thu

(Hữu Thỉnh – Sang thu – Ngữ văn 9)

Dàn bài

A. Mở bài

Giới thiệu nét tiêu biểu về tác giả Hữu Thỉnh, dẫn dắt vào bài thơ.....

B. Thân bài

Giới thiệu vài nét về bài thơ Sang thu

Bài thơ rút trong tập *Từ chiến hào đến thành phố* (1991). Toàn bài

gồm ba khổ thơ, diễn tả những biến chuyển nhẹ nhàng mà rõ rệt của đất trời, những nghĩ suy của lòng người qua những cảm nhận tinh tế, những hình ảnh đẹp và giàu sức gợi cảm.

2) Trình bày cảm nhận về vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên lúc giao mùa.

Bức tranh thiên nhiên quê hương mang vẻ đẹp chân thực, quen thuộc, bình dị, đơn sơ nhưng dường như trở nên kết đọng hơn, bùng lên khác lạ qua các tín hiệu chuyển mùa từ mơ hồ đến rõ nét: Từ hương ổi chín đến làn sương ngoài ngõ, ngọn gió se lạnh, xa nữa là dòng sông, cánh chim, áng mây... Từ những hình ảnh đó, đoạn thơ đã vẽ lại hình ảnh thiên nhiên làng quê Bắc bộ khi thu về.

Bức tranh thiên nhiên quê hương lúc thu về được cảm nhận:

Bằng nhiều giác quan (khứu giác, xúc giác, cảm giác...) nên có hương vị, đường nét, hình khối, có những chuyển biến tinh tế theo thời gian.

Bằng sự sáng tạo nhiều hình ảnh thơ mới mẻ gợi tả được những nét đặc trưng của khoảnh khắc chớm thu (gió heo may, sương khói..., hình ảnh đám mây gợi nhiều liên tưởng).

Bằng nghệ thuật ngôn từ chính xác, tài hoa (các từ láy, các từ ngữ gợi tả, gợi cảm) khiến cho bức tranh thu về thêm sinh động.

Bức tranh đó đẹp hơn bởi thấm đượm cảm xúc xao xuyến, băng khuâng của nhà thơ trước cảnh sắc thiên nhiên quê hương trong dòng chảy thời gian.

3) Bài tỏ cảm xúc, thái độ rước bức tranh thiên nhiên, đánh giá đoạn thơ và bài thơ

(Có thể so sánh với các sáng tác khác cùng đề tài để khẳng định ấn tượng, cảm xúc trước sự độc đáo của bài thơ trước một đề tài đã rất quen thuộc).

B. Kết luận

Đánh giá khái quát lại giá trị bài thơ.

Đề4: Tóm tắt đoạn trích truyện ngắn Chiếc lược ngà (Nguyễn Quang Sáng) trong sách giáo khoa Ngữ văn 9 bằng một đoạn văn. Phân tích tình cảm cha con ông Sáu và bé Thu.Từ câu chuyện em rút ra cho mình bài học gì?

Dàn ý

A. Mở bài

Giới thiệu khái quát về tác giả Nguyễn Quang Sáng và tác phẩm Chiếc lược ngà....

B. Thân bài

1 Tóm tắt đoạn trích Chiếc lược ngà (Nguyễn Quang Sáng)

Hình thức: Đoạn văn dài không quá dài

Nội dung: Nêu được cốt truyện, nhân vật và các tình tiết chính.

Phân tích tình cảm cha con ông Sáu và bé Thu, từ đó rút ra bài học

Lưu ý: Phân tích tình cảm cha con anh Sáu và bé Thu

Có thể phân tích vấn đề theo hai nhân vật chính (Ông Sáu và bé Thu)

Cũng có thể phân tích theo hai tình huống truyện (Cuộc gặp gỡ sau tám năm xa cách của hai cha con và sự kiện ông Sáu làm chiếc lược ngà ở khu căn cứ).

Sau đây là các ý trọng tâm cần làm rõ:

Sự bộc lộ tình cảm mạnh mẽ, nồng nhiệt của bé Thu đối với cha, mặc dù trước đó em cố tình xa cách, cứng đầu, ương ngạnh.

Sự thể hiện tình cảm sâu sắc, thiết tha của ông Sáu đối với con đặc biệt qua kỉ vật “*chiếc lược ngà*” – biểu hiện của tình cảm cha con cao đẹp.

Để diễn tả tình cha con sâu nặng, xúc động, thiêng liêng trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh, Nguyễn Quang Sáng đã xây dựng thành công: tình huống truyện bất ngờ, hợp lý; hệ thống nhân vật chân thực, tự nhiên; ngôn ngữ tác phẩm đặc sắc, đậm chất Nam bộ.

Bài học rút ra từ câu chuyện: Học sinh có thể nêu nhiều bài học khác nhau, trong đó các ý cơ bản là:

Tình cảm cha con nói riêng, tình cảm gia đình nói chung là tình cảm quý, mỗi người cần biết trân trọng, giữ gìn, phát huy.

Con người phải sống và làm việc sao cho xứng đáng với các tình cảm cao quý đó.

+ Đây cũng là truyền thống đạo lý của dân tộc, cần kế thừa và gìn giữ... ***C, Kết bài***

Khái quát và đánh giá lại giá trị của bài thơ.....

Đề 5: Ấn tượng sâu sắc của em về nhân vật ông Hai trrong truyện ngắn Làng của Kim Lân.

Dàn ý

A.Mở bài:

Nêu những nét cơ bản, khái quát về tác giả, tác phẩm và nhân vật.

B. Thân bài.

Ấn tượng sâu sắc về nhân vật ông Hai: ấn tượng về vẻ đẹp phẩm chất của nhân vật:

Tình yêu làng quê: nỗi nhớ làng, nhớ những kỉ niệm về làng, muốn về làng.

Tinh thần yêu nước:

+ Thái độ ông Hai khi nghe tin làng theo giặc: phân tích các chi tiết *cổ nghen ắng, da mặt tê rân rân, lặng đi, tưởng đến không thở được, cúi mặt, tủi thân nhìn đàn con, chỉ quanh quẩn ở nhà...* => đau xót, tủi hổ trước cái tin làng theo giặc.

+ Khi cần lựa chọn, biết đặt tình yêu nước lên trên tình yêu làng: phân tích suy nghĩ *làng thì yêu thật, nhưng làng theo tây thì phải thù*, không chịu về làng vì không muốn làm nô lệ.

Tấm lòng chung thủy với kháng chiến, với cách mạng (biểu tượng là cụ Hồ): chi tiết tâm sự với đứa con nhỏ, lời độc thoại như lời thề...

Ấn tượng về nghệ thuật xây dựng nhân vật

+ Đặt nhân vật vào tình huống có thử thách bên trong để bộc lộ chiều sâu tâm trạng: chi tiết nghe tin làng Chợ Dầu theo Tây.

Miêu tả thành công diễn biến tâm trạng nhân vật thông qua hành vi, ngôn ngữ, dẫn vật nội tâm...

Ngôn ngữ truyện đặc sắc, đặc biệt ngôn ngữ nhân vật ông Hai: ngôn ngữ mang nét chung của người nông dân trước cách mạng, lại có nét riêng mang đậm cá tính nhân vật khiến câu chuyện rất sinh động.

Kim Lân am hiểu sâu sắc người nông dân và thế giới tinh thần của họ. Ông đã diễn tả thành công vẻ đẹp tinh thần của người nông dân Việt Nam trước cách mạng; góp phần tạo nên sức hấp dẫn và sức sống của truyện.

Kết luận:

Đánh giá chung về nhân vật: tiêu biểu cho vẻ đẹp người nông dân Việt Nam trước Cách mạng; đặt lợi ích của đất nước, của dân tộc lên trên lợi ích làng quê, cá nhân.

Lưu ý: học sinh có thể trình bày ấn tượng về nhân vật như nội dung hướng dẫn trên (gồm cả phẩm chất nhân vật và nghệ thuật xây dựng nhân vật), nhưng cũng có thể *chỉ* chọn trình bày ấn tượng sâu sắc về một trong hai vấn đề trên hoặc một vấn đề nhỏ nhưng hiểu đề, trình bày sâu sắc, bám sát yêu cầu của đề.

Đề 6: Trình bày cảm nhận của em về vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ qua hai văn bản *Chuyện người con gái Nam Xương* của Nguyễn Dữ và *Truyện Kiều* của Nguyễn Du.

Dàn ý

A. Mở bài.

Nêu vấn đề cần nghị luận: Vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ qua hai nhân vật văn bản *Chuyện người con gái Nam Xương* của Nguyễn Dữ và *Truyện Kiều* của Nguyễn Du.

B. Thân bài:

Học sinh có nhiều cách thể hiện suy nghĩ của mình, song cần đảm bảo bảo các nội dung cơ bản sau:

Người phụ nữ được khắc hoạ trong hai văn bản là những người có nhan sắc, có đức hạnh song lại chịu một số phận oan nghiệt để rồi cuối cùng đều phải tự chọn cho mình một lối thoát: tự vẫn. Với tấm lòng nhân đạo cao cả, các nhà văn đã thể hiện niềm cảm thương sâu sắc trước những nỗi thống khổ của họ, trân trọng, đề cao vẻ đẹp của họ, nhất là vẻ đẹp tâm hồn.

Người phụ nữ trong hai văn bản mang những nét đẹp của người phụ nữ trong xã hội cũ: Công, dung, ngôn, hạnh.

Họ là những người phụ nữ đẹp, dịu dàng, hiền hậu: Vũ Nương “*tính tình thủy mị, nét na lại thêm tư dung tốt đẹp*”; Thuý Kiều “*Làn thu thủy, nét xuân sơn/ Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh*”...

Họ là những người phụ nữ đảm đang, tháo vát: khi chồng đi lính, Vũ Nương một mình vừa lo chuyện gia đình, nuôi dạy con nhỏ, vừa chăm sóc mẹ chồng chu đáo. Thúy Kiều bán mình chuộc cha- phận nữ nhi nhưng gánh vác việc gia đình.....

+ Họ là những người phụ nữ thủy chung, nhân hậu và đầy tình yêu thương

Vũ Nương: Là người vợ thủy chung, yêu chồng tha thiết. Khi bị chồng nghi oan, không thể giải bày, đau khổ đến cùng cực, nàng đành nhảy xuống sông tự vẫn để bày tỏ tấm lòng trong trắng của mình

Là người mẹ yêu con, hiếu thảo với mẹ chồng, nàng luôn “*lấy lời ngọt ngào khôn khéo khuyên lơn*”, lo thuốc thang, lễ bái thần phật khi mẹ ốm; lo “*ma chay tế lễ*” chu đáo như đối với cha mẹ đẻ mình khi mẹ mất.

Thúy Kiều: Là người con gái trong trắng, thủy chung, giàu lòng vị tha: dù phải mười năm lưu lạc, nàng không lúc nào nguôi nổi nhớ chàng Kim, lúc nào cũng cảm thấy mình có lỗi khi tình yêu của hai người bị tan vỡ,

Là người con hiếu thảo: Gia đình bị vu oan, cha và em bị đánh đập, Kiều đã quyết định hi sinh mọi tình đầu đẹp để để bán mình chuộc cha và em.

Đánh giá: + Họ là những người phụ nữ với vẻ đẹp chuẩn mực của xã hội xưa...

Ngày nay vẻ đẹp đó luôn được tôn thờ và phát triển phù hợp với thời

đại.....

C. Kết bài:

Nhấn mạnh đánh giá lại vấn đề.....

Đề 7 : Tô Hoài có nhận xét như sau về truyện ngắn của Nguyễn Thành Long:

“Mỗi truyện ngắn của Nguyễn Thành Long tương tự một trang đời, một mảng, một nét của cuộc sống chất ra. Ta thường gặp ở Nguyễn Thành Long những nhận xét nho nhỏ như nhắc khẽ người đọc”

Theo em nhận xét đó có đúng với truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa không? Hãy phân tích truyện ngắn để làm rõ ý kiến của em.

Dàn ý

A. Mở bài: - Giới thiệu Nguyễn Thành Long là một cây bút chuyên viết truyện ngắn
Giới thiệu nhận xét của Tô Hoài...

Nhận xét ấy đúng với Lặng lẽ Sa Pa một truyện ngắn hay được nhà văn viết 1970 trong giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội và chống chiến tranh phá hoại của giặc Mĩ trên miền Bắc.

B. Thân bài:

Giá trị hiện thực: Lặng lẽ Sa Pa như một trang đời, một mảng, một nét của cuộc sống chất lọc ra.

a. Trong truyện ta bắt gặp một trang đời, một mảng hoặc một nét của cuộc sống của miền Bắc trong gd xdcnxx và chống chiến tranh phá hoại của giặc Mĩ.

Anh thanh niên, cô kĩ sư trẻ, ông họa sĩ già, người lái xe hiệu khách, ông kĩ sư vườn rau, một đ/c nghiên cứu khoa học (tuy không phản ánh hết nhưng đã vẽ lên một bức tranh về hiện thực cuộc sống lúc bấy giờ)

Đây chính là một trong biết bao con người của miền Bắc mỗi người một công việc riêng nhưng họ đều bằng những tình yêu công việc hay tình yêu đất nước, con người để hoàn thành nhiệm vụ của mình. Họ chính là hình ảnh của người dân miền Bắc đang hằng say lao động để chủ nghĩa xã hội để chống lại kẻ thù.

Qua những nhân vật ấy Nguyễn Thành Long đã đưa vào Lặng lẽ Sa Pa những trong đời khác nhau hay đó chính là một mảng một nét của cuộc sống.

b. Tất cả đều được chắt lọc từ cuộc sống, vừa tinh tế vừa đẹp

Những nhân vật trên có tâm hồn của những con người thật đáng trân trọng (anh thanh niên, kĩ sư trồng rau, kĩ sư sét, ông hoạ sĩ già)

Vd: “ Hình ảnh người con gái nhỏ nhẹ e lệ đứng trước các luống rơm không cần hái hoa nữa, ôm nguyên bó hoa trong tay, lắng tai nghe. Vị hoạ sĩ đã bắt gặp một điều thật ra ông đã ao ước được biết, một nét thôi đủ khẳng định một tâm hồn, khơi gợi một ý sáng tác, một nét mới đủ là giá trị của một chuyến đi dài.

Hoặc “trao một cái bắt tay như trao một cái gì...”

Đó là một vài nét chấm phá của cảnh sắc thiên nhiên:

“ Lúc bấy giờ nắng đã mạ bạc cả con đèo, đốt cháy rừng cây hùng hực như một bó đuốc lớn. Nắng chiếu làm cho bó hoa càng thêm rực rỡ và làm cho cô gái càng thêm rực rỡ theo”.

Tác dụng giáo dục: Lặng lẽ Sa Pa có những nhận xét nho nhỏ, như nhắc khẽ người đọc.

a. Đó là những nhận xét nho nhỏ rút ra từ những sự việc, những cảnh đời đã trải qua.

Lời hoạ sĩ nói với cô kĩ sư:

“ Đối với người nghệ sĩ trong cuộc đời, có hai hồi thích nhất: đó là hồi mình còn trẻ và hồi này của tôi. Mình có thể năng nổ đi về như thời thanh niên. Mình có thêm sự chính chắn hồi ấy mình chưa có”

“ Đối với một người khao khát trời rộng, sự dứt bỏ tình yêu nhiều khi lại nhẹ nhàng”

Hoạ sĩ già còn tự nhủ: “ Thanh niên bây giờ lạ thật, các anh chị cứ như con bướm...”

Lời của anh thanh niên:

“ ... Cái lặng im lúc đó mới thật dễ sợ: nó như bị chặt ra từng khúc, mà gió thì giống như những nhát chổi lớn muốn quét đi tất cả, ném vứt lung tung... Những lúc im lặng lạnh cứng mà hùng hực cháy”.

“ Công việc của cháu gian khổ thế đấy chứ vứt nó đi cháu buồn chết mất con người thì ai mà chả thèm hờ hắt? Cháu bỗng dừng tự hỏi: cái nhớ xe nhớ người ấy thật

ra là cái gì vậy? Nếu là nỗi nhớ phần hoa đô thị thì xoàng”.

“ Khi ta làm việc ta với công việc là đôi...”

“ Ông kĩ sư làm cháu thấy cuộc đời đẹp quá”

Lời của cô gái: “ Một ấn tượng hàm ơn khó tả dạt lên trong lòng cô gái. không phải chỉ vì bó hoa rất to sẽ đi theo cô trong chuyến đi thứ nhất ra đời. Mà vì một bó hoa

khác nữa, bó hoa của những hào hức mơ màng ngẫu nhiên anh cho thêm cô”.

b. Những nhận xét đó nhắc nhở người đọc

Hãy tự nhìn lại mình để sống tốt đẹp hơn.

Hãy nhìn vào mọi người để thấy hết những cái đẹp mà mình vô tình bỏ qua.

Mình sẽ làm gì có ích hơn để người khác được vui hơn, hạnh phúc hơn => cuộc sống này thật nhiều điều tốt đẹp...

C. Kết bài

Khẳng định lại vấn đề.

Đề 8: Phân tích vẻ đẹp nhân cách, tâm hồn của nhân vật anh thanh niên trong truyện ngắn *Lặng lẽ Sa Pa* của nhà văn Nguyễn Thành Long.

Dàn ý

A. Mở bài

Giới thiệu khái quát về tác giả tác phẩm. Dẫn dắt nhấn mạnh yêu cầu của đề.

B. Thân bài

Có thể lí giải, trình bày theo những cách khác nhau trên cơ sở có những hiểu biết về tác giả Nguyễn Thành Long và truyện ngắn *Lặng lẽ Sa Pa*, phát hiện, phân tích, làm sáng lên vẻ đẹp nhân cách, tâm hồn nhân vật anh thanh niên cơ bản như sau:

Biết làm chủ mình, làm chủ cuộc sống, vượt lên hoàn cảnh sống, lao động thiếu thốn gian khó, ý thức sâu sắc về trách nhiệm của mình với công việc và cuộc sống; đồng thời chủ động tạo cho mình một cuộc sống có ý nghĩa, hữu ích và tốt đẹp.

Tự nguyện sống và làm việc một mình trên đỉnh núi cao Sa Pa dự báo thời tiết phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu.

Biết chủ động tạo cho mình một phong cách sống khoa học, nề nếp, một đời sống vật chất, tinh thần tốt đẹp.

Tâm hồn rộng mở yêu đời, yêu người, khiêm tốn và trung thực.

Yêu thiên nhiên, cuộc sống, cởi mở, chân tình, biết quý trọng tình cảm của mọi người.

Trung thực với công việc, với mình, với mọi người, thể hiện đức tính khiêm tốn rất đáng được quý trọng.

Hình tượng nhân vật anh thanh niên đã để lại một ấn tượng sâu đậm về vẻ đẹp nhân cách, tâm hồn của anh và cũng là cũng là của con người Việt Nam trong kháng chiến chống xâm lược và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

C. Kết bài

Đánh giá khái quát lại vấn đề.

Đề 9: So sánh hình ảnh người lính cách mạng qua hai bài thơ Đồng chí của Chính Hữu và Bài thơ về tiểu đội xe không kính của Phạm Tiến Duật..

Dàn ý

A. Mở bài.

Giới thiệu về hai tác phẩm hai tác giả...

B. Thân bài. Cần đảm bảo các ý sau

1: Giới thiệu chung

Về đề tài: Dân tộc ta đứng lên tiến hành hai cuộc chiến tranh cách mạng oanh liệt chống Pháp và chống Mỹ. Lẽ tất nhiên, ở đất nước hơn ba mươi năm chưa dời tay súng. Hình ảnh anh Bộ đội cụ Hồ là hình ảnh con người đẹp nhất đáng yêu nhất trong văn thơ và là niềm tự hào lớn của dân tộc.

Về hai tác phẩm: Cùng với nhiều bài thơ khác, bài thơ Đồng chí sáng tác vào đầu năm 1948 khi tác giả Chính Hữu chiến đấu trong chiến dịch Việt Bắc, bài thơ Tiểu đội xe không kính sáng tác năm 1969 khi tác giả Phạm Tiến Duật tham gia hoạt động ở tuyến đường Trường Sơn đã khắc họa thành công về đề tài người lính.

Về luận đề: hình tượng anh bộ đội được ghi lại trong hai bài thơ đã lưu giữ trong văn chương Việt Nam hai gương mặt đẹp, đáng yêu của người lính trong hai thời kỳ lịch sử.

Ý 2: Phân tích

Những điểm chung: Đây là người lính của nhân dân nên họ cùng mang những vẻ đẹp chung:

Yêu nước, yêu quê hương yêu đồng chí:

Có thể phân tích các câu thơ: Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính (Đồng chí) và Xe vẫn chạy vì miền nam phía trước (Tiểu đội xe không kính).

Có thể phân tích cử chỉ nắm tay chặt chứa bao tình cảm không lời trong cả hai bài thơ thể hiện sự gắn bó đồng chí.

Vượt qua mọi khó khăn gian khổ để quyết tâm tiêu diệt giặc hoàn thành nhiệm vụ: + Tất cả những khó khăn gian khổ, thử thách được tái hiện bằng những chi tiết hết sức thật, không né tránh tô vẽ trong cả hai bài thơ.....

Thế mà, các chiến sĩ đều có một tư thế ngoan cường chờ giặc tới, ung dung nhìn thẳng.

Lạc quan tin tưởng: Cả hai bài thơ đều thể hiện tinh thần lạc quan của người lính. Từ miệng cười buốt giá của anh bộ đội kháng chiến chống Pháp đến nhìn nhau mặt lấm cười ha ha của anh lính lái xe thời chống Mỹ đều thể hiện tinh thần lạc quan, khí phách anh hùng.

Những điểm riêng khác nhau

Bài thơ Đồng chí của Chính Hữu khắc hoạ hình ảnh người lính nông dân thời kỳ đầu cuộc kháng chiến chống Pháp với vẻ đẹp giản dị, mộc mạc mà sâu sắc. Tình đồng chí thiêng liêng hòa quyện với tình yêu nước khi lý tưởng chiến đấu đã rực sáng trong tâm hồn.

Súng bên súng đầu sát bên đầu

Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỷ

Đồng chí!

Bài thơ Tiểu đội xe không kính của Phạm Tiến Duật thể hiện người lính lái xe trong cuộc kháng chiến chống Mỹ với vẻ đẹp trẻ trung, ngang tàng. Đây là thế hệ những người lính có học vấn, có bản lĩnh chiến đấu, có tâm hồn nhạy cảm, có tính cách riêng mang chất lính đáng yêu. Họ tất cả vì miền Nam ruột thịt với trái tim yêu nước cháy bỏng.

Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước

Chỉ cần trong xe có một trái tim

C. Kết luận: Đánh giá chung

Hình tượng người lính dù ở thời kỳ kháng chiến chống Pháp hay kháng chiến chống Mỹ đều mang phẩm chất cao đẹp của anh bộ đội cụ Hồ thời đại đã cung cấp cho các nhà thơ những nguyên mẫu đẹp đẽ, họ tạo nên những hình tượng làm xúc động lòng người.

Viết về những người lính, các nhà thơ nói về chính mình và những người đồng đội của mình. Vì thế, hình tượng người chân thật và sinh động...

Đề 10: Hiện nay ở nước ta có nhiều cá nhân, gia đình, tổ chức thu nhận trẻ em cơ nhỡ, lang thang kiếm sống trong các thành phố, thị trấn về những mái ấm tình thương để nuôi dạy, giúp các em học tập, rèn luyện, vươn lên sống lành mạnh, tốt đẹp. Anh (chị) hãy bày tỏ suy nghĩ về hiện tượng đó.

Dàn ý

A. Mở bài:

Trong truyền thống tương thân tương ái của dân tộc; trẻ em luôn là đối tượng giành được nhiều sự quan tâm của xã hội, đặc biệt là những trẻ em lang thang cơ nhỡ. . .

Hiện nay, nhiều cá nhân, gia đình, tổ chức thu nhận trẻ em cơ nhỡ, lang thang kiếm sống trong các thành phố, thị trấn về những mái ấm tình thương để nuôi dạy, giúp các em học tập, rèn luyện, vươn lên sống lành mạnh. Hiện tượng ấy đặt ra cho tuổi trẻ học đường nhiều suy nghĩ.

B.Thân bài :

1. Trình bày hiện tượng:

Làm rõ tình trạng sống của trẻ em cơ nhỡ, lang thang kiếm sống ở các thành phố, thị trấn (các em không có nơi nương tựa, cuộc sống vất vả, thiếu thốn, phải đi nhặt rác, đánh giày kiếm sống, không được đến trường, dễ mắc các thói hư tật xấu và tệ nạn xã hội, thiếu tình yêu thương chăm sóc)

Phát huy truyền thống tương thân tương ái của dân tộc, đã và đang xuất hiện nhiều cá nhân, gia đình, tổ chức thu nhận các em về những mái ấm tình thương để nuôi dạy, giúp đỡ các em học tập, rèn luyện, vươn lên sống lành mạnh, tốt đẹp (lấy ví dụ dẫn chứng, chú ý nêu rõ xuất xứ những tin ấy : từ những báo nào, đài nào. . .)

ý nghĩa của những nghĩa cử cao đẹp nêu trên:

Thể hiện truyền thống đạo lí tốt đẹp của dân tộc (lá lành đùm lá rách) và ý thức trách nhiệm đối với trẻ em (Trẻ em như búp trên cành...)

Mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc: giúp đỡ các em có được nơi nương tựa, có cuộc sống ổn định hơn, tránh được các thói hư tật xấu và tệ nạn xã hội, được yêu thương chăm sóc

Mang ý nghĩa xã hội rộng lớn: góp phần ổn định an ninh xã hội, tăng chất lượng và ý nghĩa của việc giáo dục. . .

Suy nghĩ, đánh giá:

Đó là những nghĩa cử cao đẹp, xứng đáng được xã hội tôn vinh (báo đài tôn vinh, xã hội biết ơn. Ví dụ.....) .

Xúc động trước những tấm lòng cao cả đã cứu mang trẻ em cơ nhỡ (gửi thư chia sẻ, bày tỏ sự đồng cảm, ngợi ca)

Lên án mạnh mẽ đối với những kẻ giả danh cứu mang trẻ em cơ nhỡ nhằm phục vụ những mục đích cá nhân vụ lợi (lợi dụng sức lực của trẻ em để thu lợi)

Bài học rút ra cho bản thân:

Phải biết yêu thương và chia sẻ hơn nữa với những số phận bất hạnh.

Tình thương và sự sẻ chia không chỉ nói bằng lời mà còn phải thể hiện bằng hành động: giúp đỡ, ủng hộ cho các quỹ từ thiện, tham gia các hoạt động từ thiện, . . .

Trân trọng những may mắn và hạnh phúc đủ đầy mình đang có để học tập và rèn luyện tốt hơn.

C. Kết bài:

Đánh giá vấn đề.....

Đề 11: Tuổi trẻ học đường suy nghĩ và hành động để góp phần giảm thiểu tai nạn giao thông.

Dàn ý

A. Mở bài :

Đặt vấn đề : trong nhiều năm trở lại đây, vấn đề tai nạn giao thông đang là điểm nóng thu hút nhiều sự quan tâm của dư luận bởi mức độ thiệt hại mà vấn đề này gây ra.

Tuổi trẻ học đường những công dân tương lai của đất nước cũng phải có những suy nghĩ và hành động để góp phần giảm thiểu tai nạn giao thông.

B. Thân bài:

Thực trạng tai nạn giao thông ở Việt nam hiện nay:

Đang diễn ra hàng ngày hàng giờ trên cả nước, 33 -34 người chết và bị thương/1 ngày

Trong số đó, có không ít các bạn học sinh, sinh viên là nạn nhân hoặc là thủ phạm gây ra các vụ tai nạn giao thông.

Hậu quả của vấn đề:

Thiệt hại lớn về người và của, để lại những thương tật vĩnh viễn cho các cá nhân và hậu quả nặng nề cho cả cộng đồng.

Gây đau đớn, mất mát, thương tâm cho người thân, xã hội.

3. Nguyên nhân của vấn đề :

ý thức tham gia giao thông của người dân còn hạn chế, thiếu hiểu biết và không chấp hành nghiêm chỉnh luật lệ giao thông (lạng lách, đánh võng, vượt đèn đỏ, coi thường

việc đội mũ bảo hiểm. . .)

Thiếu hiểu biết về các quy định an toàn giao thông (lấy trộm ốc vít đường ray, chiếm dụng đường . . .)

+ Sự hạn chế về cơ sở vật chất (chất lượng đường thấp, xe cộ không đảm bảo an toàn...)

Đáng tiếc rằng, góp phần gây ra nhiều tai nạn giao thông, còn có những bạn học sinh đang ngồi trên ghế nhà trường

4. Hành động của tuổi trẻ học đường góp phần giảm thiểu tai nạn giao thông:

Tham gia học tập luật giao thông đường bộ ở trường lớp. Ngoài ra, bản thân mỗi người phải tìm hiểu, nắm vững thêm các luật lệ và quy định đảm bảo an toàn giao thông.

Chấp hành nghiêm chỉnh quy định về an toàn giao thông: không lạng lách, đánh võng trên đường đi, không đi xe máy khi chưa có bằng lái, không vượt đèn đỏ, đi đúng phần đường, dừng đỗ đúng quy định, khi rẽ ngang hoặc dừng phải quan sát cẩn thận và có tín hiệu báo hiệu cho người sau biết, đi chậm và quan sát cẩn thận khi qua ngã tư...

Đi bộ sang đường đúng quy định, tham gia giúp đỡ người già yếu, người tàn tật và trẻ em qua đường đúng quy định.

Tuyên truyền luật giao thông: trao đổi với người thân trong gia đình, tham gia các hoạt động tuyên truyền xung kích về an toàn giao thông để góp phần phổ biến luật giao thông đến tất cả mọi người, tham gia các đội thanh niên tình nguyện đảm bảo an toàn giao thông...

C. Kết bài:

An toàn giao thông là hạnh phúc của mỗi người mỗi gia đình và toàn xã hội.

Tuổi trẻ học đường với tư cách là chủ nhân tương lai của đất nước, là thế hệ tiên phong trong nhiều lĩnh vực, có sức khỏe, có tri thức... cần có những suy nghĩ đúng đắn và gương mẫu thực hiện những giải pháp thiết thực để góp phần giảm thiểu tai nạn giao thông. . .

Đề 12: Một hiện tượng khá phổ biến ngày nay là vứt rác ra đường hoặc ở những nơi công cộng. Ngồi bên hồ, dù là hồ đẹp nổi tiếng, người ta cũng tiện tay vứt rác xuống... Em hãy đặt một nhan đề gọi ra hiện tượng ấy và viết bài văn nêu suy nghĩ của mình.

Dàn ý

A.Mở bài:

-Nhìn vào bộ mặt của các đô thị, người ta có thể đánh giá trình độ và mức độ phát triển của 1 quốc gia.Ở các nước tiên tiến, vấn đề giữ gìn vệ sinh nơi công cộng,bảo vệ môi trường sạch đẹp được quan tâm thường xuyên.

Ở nước ta,chuyện vứt rác, xả nước bẩn làm ô uế nơi công cộng khá phổ biến.Có thể gọi hiện tượng này là nếp sống thiếu văn hóa,văn minh.

B.Thân bài:

1. Nguyên nhân:

-Do lối sống ích kỉ, chỉ nghĩ đến mình mà không nghĩ đến người khác (muốn cho nhà mình sạch đem rác vứt ra đường hoặc sông, hồ, công viên)

Do thói quen xấu đã có từ lâu (tiện tay vứt rác ở mọi nơi kể cả các khu di tích hay thắng cảnh nổi tiếng)

Do không ý thức được hành vi của mình góp phần phá hoại môi trường,vô ý thức và thiếu văn hóa.

-Do việc giáo dục ý thức người dân chưa được làm thường xuyên và việc xử phạt chưa nghiêm túc.

2. Hậu quả:

- Mất vẻ mỹ quan đô thị (dc)

-Ô nhiễm môi trường nước, không khí, đất.....(dc)

-Góp phần làm phát triển dịch bệnh(dc)

-Tốn kém nhiều trong việc thuê người dọn dẹp khác khu di tích,đường phố,công viên. (dc)

3.Biện pháp:

-Đẩy mạnh tuyên truyền,giáo dục cho ng dân ý thức bảo vệ môi trường.

-Xử phạt nghiêm và nặng với những hành vi cố tình làm ảnh hưởng xấu tới môi trường - Không chỉ có lực lượng thu dọn rác ở đường phố mà cần chú ý đến sông ngòi, kênh rạch.

-Quan trọng hơn cả là mỗi người cần có ý thức, sửa đổi được thói quen xấu của mình.

C.Kết bài:

-Những hành vi thiếu văn hóa trên rất đáng phê phán vì nó gây ảnh hưởng không nhỏ tới xã hội.

-Mỗi người cần nhận thức rõ hành vi của mình,cùng nhau bảo vệ môi trường, bảo vệ môi trường cũng đồng nghĩa với việc bảo vệ bản thân con người khỏi những nguy cơ diệt vong.

Đề 13: Bác Hồ là vị lãnh tụ vĩ đại của nhân dân Việt Nam, anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hoá thế giới. Hãy viết bài văn nêu suy nghĩ của em về Người.

Dàn ý

A.Mở bài:

Đất nước Việt Nam tự hào về Bác Hồ bởi Bác chính Bác là tinh hoa kết tinh những truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta, là lãnh tụ vĩ đại, anh hùng cứu nước, danh nhân văn hóa thế giới....

B. Thân bài:

Bác Hồ là vị lãnh tụ vĩ đại:

Bác đã hoàn thành xuất sắc sứ mệnh của mình đối với nhân dân,với đất nước.

Bác là người sáng lập ra Đảng CSVN, cùng Đảng dẫn đường chỉ lối cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc thoát khỏi xiềng xích nô lệ của thực dân, phong kiến.

Bác đã trở thành vị chủ tịch nước đầu tiên của nước VN có chủ quyền, tự do, độc lập. Bác cống hiến cuộc đời mình cho lí tưởng cao đẹp: giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, xây dựng VN thành một quốc gia hùng cường.

Bác lãnh đạo nhân dân ta chiến thắng thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, khẳng định tên tuổi VN trên trường quốc tế.

Công lao của Bác có thể sánh với trời cao, biển rộng.

(Vận dụng thơ ca làm nổi bật nội dung trên)

Bác Hồ - tấm gương sáng ngời về quan điểm sống Minh vì mọi người.

Nếp sống của Bác vô cùng giản dị, gần gũi với cuộc sống nhân dân.

Bác hi sinh tất cả, chỉ quên mình, lấy công hiến cho đất nước làm niềm vui và hạnh phúc (Dẫn chứng trong thơ văn)

Đức tính giản dị và khiêm tốn của Bác có sức cảm hóa và thuyết phục mọi ng rất lớn.

Ở Bác hội tụ đủ 3 yếu tố cao quý của phẩm giá: đại trí, đại nhân, đại dũng.

3.Tình cảm của nhân dân VN và nhân dân thế giới với Bác Hồ:

Yêu mến, khâm phục và biết ơn sâu sắc.

-Bác được tôn vinh là lãnh tụ cách mạng kiệt xuất, chiến sĩ hòa bình, danh nhân văn hóa thế giới.

Bác sống mãi với đất nước và dân tộc với lòng người.....

(Vận dụng lời ca tiếng hát để cho bài viết thêm sâu sắc)

C.Kết bài:

-Tên tuổi của Chủ tịch HCM đã đem lại vinh quang cho dân tộc và đất nước VN.

-Các thế hệ sau đang ra sức thực hiện tâm nguyện của Bác Hồ, xây dựng Tổ quốc giàu mạnh, văn minh, sánh vai với các cường quốc năm châu. Bác sống mãi cùng con người, non sông Việt Nam. Đời đời, người người luôn nhớ về Bác....

Đề 14:: Trong thư gửi thầy hiệu trưởng của con trai mình, Tổng thống Mỹ A.

Lin-côn (1809-1865) viết: “Xin thầy hãy dạy cho cháu biết chấp nhận thi rớt còn vinh dự hơn gian lận khi thi”. (Theo Ngữ văn 10, tập 2, NXB Giáo dục, 2006, tr. 135). Từ

kiến trên, anh/chị hãy viết 1 bài văn ngắn (không quá 600 từ) trình bày suy nghĩ của mình về đức tính trung thực trong khi thi và trong cuộc sống.

Dàn ý

A. Mở bài

Dẫn dắt, nêu đúng yêu cầu của đề: bàn luận về đức tính trung thực trong thi cử và trong cuộc sống.

Thân bài. Đảm bảo các ý chính sau

Trình bày thực trạng thiếu trung thực:

Trong thi cử, hiện tượng gian lận ngày càng phổ biến về đối tượng, tính vi về hình thức, nghiêm trọng về mức độ.

Trong cuộc sống, sự gian dối thiếu trung thực cũng rất phổ biến từ gia đình đến xã hội với mọi lứa tuổi...

Điều đó làm ảnh hưởng tới đạo đức xã hội, phần nào làm đổ vỡ niềm tin của con người vào những giá trị tốt đẹp, cản trở sự phát triển bền vững của đất nước.

Sự cần thiết của việc giáo dục, rèn luyện đức tính trung thực trong thi cử và trong cuộc sống:

+Trung thực là ngay thẳng, thật thà, đúng với sự thật, không làm sai lạc đi, không gian dối , thể hiện đúng trình độ năng lực của mình....

+Trung thực đánh giá đúng hiệu quả giáo dục, giúp cho người học, người dạy, các cơ quan quản lí nắm đúng thực trạng để đề ra các biện pháp phù hợp.

Trung thực là một trong những đức tính nền tảng của đạo đức con người, xây dựng một xã hội văn minh, thân thiện, đáng tin cậy...

Biện pháp để giáo dục tính trung thực:

Cần có sự phối hợp đồng bộ giữa gia đình, nhà trường và xã hội...

Cần xử lí nghiêm với những biểu hiện thiếu trung thực, gian dối

Cần biểu dương những tấm gương trung thực, dám đấu tranh với những biểu hiện gian dối.

Liên hệ thực tế rút ra bài học với bản thân.

C.Kết bài

Nhấn mạnh vấn đề bàn bạc

Đề 15 : Phân tích xung đột kịch trong tác phẩm "Bắc Sơn" của Nguyễn Huy Tưởng để làm rõ quá trình chuyển biến của nhân vật Thơm theo cách mạng.

Dàn ý

A. Mở bài:

-Bắc Sơn là vở kịch đầu tiên về đề tài cách mạng của Nguyễn Huy Tưởng, được công diễn năm 1946, những ngày đầu sau Cách mạng tháng Tám.

Vở kịch thành công ở việc tạo dựng xung đột kịch qua các tuyến nhân vật khác nhau, làm rõ quá trình chuyển biến của nhân vật Thơm theo cách mạng.

B. Thân bài:

Tóm tắt diễn biến chính của vở kịch .

Giới thiệu đoạn trích : xung đột cao trào có ý nghĩa quyết định để nhân vật Thơm nhận rõ bộ mặt Việt gian của Ngọc - chồng cô, kiên quyết và mưu trí bảo vệ cán bộ bị truy đuổi.

a. Thái độ nghi ngờ của Thơm về Ngọc :

Thái độ được thể hiện qua màn đối thoại giữa hai vợ chồng Thơm - Ngọc. Ngôn ngữ giàu kịch tính và hành động kịch được tổ chức chặt chẽ cho thấy rạn nứt trong niềm tin của Thơm với chồng. Nhưng Thơm vẫn còn ngây thơ, hy vọng không phải là sự thật .

Sự gian ngoan, xảo quyệt và hèn nhát của Ngọc (tránh ánh mắt của Thơm, vu vạ cho Cửu Thái là việt gian,...). Bên cạnh đó là tâm địa xấu xa, cơ hội, loá mắt vì đồng tiền

nhờ bản mà làm tay sai cho kẻ thù.

- Nỗi đau khổ, ân hận của Thơm

b. Tình huống kịch tính:

Thái và Cừu - hai chiến sĩ Bắc Sơn bị kẻ thù truy đuổi chạy nhầm vào nhà Thơm.

Cách xử trí tình huống : Cừu nôn nóng, nghi ngờ Thơm trong khi Thái tỏ rõ sự điềm tĩnh tin tưởng vào phẩm chất của Thơm.

Thơm xúc động và lo lắng trước tình thế nguy nan của hai chiến sĩ, quyết che chở họ như người em gái ân cần.

c. Thơm đối phó với Ngọc:

Cuộc đối thoại thể hiện rõ sự khôn khéo nhằm che mắt tên Việt gian lợi hại, nhưng ngoài mặt lại tỏ vẻ ân cần của người vợ vô tư trước việc làm của chồng.

Thơm tìm cách cảnh tỉnh Ngọc nhưng không thay đổi được tham vọng điên cuồng đã thành bản chất của Ngọc.

Bằng hành động mưu trí, Thơm đã tỏ rõ tấm lòng với cách mạng, không do dự như trước, đứng hẳn về những người khởi nghĩa.

Đánh giá về ý nghĩa tình huống kịch: sự thành công của nhà văn trong việc tạo dựng tính cách nhân vật sinh động, tự nhiên để giúp hiểu hơn về tấm lòng nhân dân với cách mạng trong giờ phút nguy nan.

C. Kết bài:

Thành công của tác phẩm cũng là nền tảng phát triển cho kịch về đề tài cách mạng.

Đặc biệt, giá trị của vở kịch tạo được niềm tin cho nhân dân vào cách mạng trong những ngày chính quyền cách mạng còn non trẻ.

Đề 16: Phân tích bài thơ Mùa xuân nho nhỏ của Thanh Hải

Dàn ý

A. Mở bài:

Giới thiệu khái quát về tác giả Thanh Hải và bài thơ mùa xuân nho nhỏ.....

B. Thân bài:

1. Hình ảnh mùa xuân của thiên nhiên hiện lên trong khổ thơ đầu:

Được miêu tả bằng hình ảnh dòng sông xanh, bông hoa tím, tiếng chim chiền chiện hót vang trời, với vài nét phác họa đã vẽ ra được cả không gian cao rộng với dòng sông và bầu trời bao la, cả màu sắc tươi thắm của mùa xuân (sông xanh, hoa tím biếc - màu đặc trưng của xứ Huế), cả âm thanh vang vọng, tươi vui của chim chiền chiện (Hót chi mà vang trời).

Hình ảnh thơ đẹp, giàu tính tạo hình, bộc lộ cảm xúc tươi vui, hồn nhiên, trong trẻo của tác giả trước mùa xuân: từng giọt - tôi hứng. Có thể từng giọt mưa long lanh rơi trong ánh sáng của trời xuân, ngoài ra còn có thể hiểu theo cách khác: nhà thơ đưa tay hứng từng giọt âm thanh của tiếng chim chiền chiện. Theo hướng này, câu thơ có sự chuyển đổi cảm giác rất kì diệu: từ thính giác chuyển sang thị giác và xúc giác. Âm thanh tiếng chim tạo ra hình khối, ánh sáng, màu sắc cụ thể đến mức hứng được. Hình thơ đẹp một cách bất ngờ, diễn tả niềm say sưa, ngây ngất của nhà thơ trước cảnh đất trời.

Hai khổ thơ tiếp: mùa xuân của đất nước

Hình ảnh mùa xuân ra đồng nói về mùa xuân của đất nước với 2 nhiệm vụ chính là chiến đấu và lao động là ý thơ quen thuộc. Hay ở chỗ gắn hình ảnh người lính, người nông dân với màu xanh của lá non lộc giắt đầy, lộc trái dài, hình ảnh trùng điệp làm hiện ra cả mùa xuân của đất trời trong màu xanh bất tận của lộc mới. Mùa xuân theo người cầm súng và người ra đồng đến với mọi miền đất nước. Hoặc chính họ mang đến mùa xuân. Trong màu xanh non ẩn hiện một sức sống tràn trề, nhà thơ nghe trong màu xanh ấy tất cả như hồi hã - tất cả như xuân xao.

Từ đó say sưa ngắm về tổ quốc, đất nước phía trước. Hai câu đầu bình thường, nhưng hai câu cuối là hình ảnh so sánh đẹp và đầy ý nghĩa: đất nước đẹp, tỏa sáng như vì sao, đang thẳng tiến bằng sức mạnh bốn nghìn năm vất vả và gian lao. Bộc lộ niềm cảm phục, niềm tin vào một dân tộc anh hùng qua nhịp thơ nhanh, phấn chấn. hồi hã

Tâm niệm của nhà thơ:

Khổ 5 và 6 mạch thơ chuyển sang bày tỏ suy nghĩ, tâm niệm trước mùa xuân của đất nước: ta làmkhi tóc bạc.

Phép trùng điệp ta làm, ta nhập vào diễn tả tha thiết khát vọng được hòa nhập vào cuộc sống của đất nước, cống hiến phần tốt đẹp dù là nhỏ bé cho sự nghiệp chung.

Thể hiện qua những hình ảnh thơ đẹp tự nhiên, giản dị

Con chim hót, một cành hoa: khổ đầu, vẻ đẹp của mùa xuân bắt đầu từ bông hoa tím biếc, âm thanh của tiếng chim chiền chiện vang trời. Còn khổ này, tác giả mượn những hình ảnh ấy để nói lên nguyện vọng của mình, đem cuộc đời hiến dâng cho đất nước.

Giữa mùa xuân của đất nước, tác giả chỉ xin làm một con chim hót, một nhành hoa. Giữa bản hòa ca tươi vui đầy sức sống của cuộc đời, nhà thơ chỉ xin làm một nốt trầm

xao xuyến. Điệp từ một diễn tả sự ít ỏi, nhỏ bé. Những hình ảnh con chim, nhành hoa, nốt nhạc trầm cuối cùng dồn vào một mùa xuân nho nhỏ - lặng lẽ dâng cho đời. Tất cả đều mang hình ảnh ẩn dụ mang vẻ đẹp bình dị, khiêm nhường, thể hiện xúc động điều tâm niệm chân thành, tha thiết của nhà thơ.

Bằng giọng tâm sự nhỏ nhẹ, sâu lắng, ước nguyện của Thanh Hải đã đi vào lòng người đọc, lung linh trong ánh sáng của một nhân sinh quan cao đẹp: mỗi người mang đến cho

cuộc đời chung một nét đẹp riêng, cống hiến sức mình dù là nhỏ bé cho đất nước, phải không ngừng cống hiến dù là tuổi hai mươi - dù là khi tóc bạc, đó mới là ý nghĩa của kiếp làm người.

Nghệ thuật:

Thể thơ 5 chữ gần với làn điệu dân ca xứ Huế, có âm hưởng nhẹ nhàng, tha thiết. Âm hưởng ấy xuyên suốt toàn bài, thể hiện rõ ở khổ cuối. Gieo vần liền giữa các khổ thơ tạo

sự liên mạch trong cảm xúc. Giọng thơ biến đổi, phù hợp với nội dung cảm xúc từng đoạn.....

- Kết hợp hình ảnh cụ thể, tự nhiên với hình ảnh giàu ý nghĩa biểu trưng, khái quát...

C. Kết bài

Đánh giá lại giá trị của bài thơ

Đề 17 : suy nghĩ về vẻ đẹp của bài thơ "Bài thơ về tiểu đội xe không kính của Phạm Tiến Duật.

Dàn ý

A. Mở bài:

Hoàn cảnh sáng tác : năm 1969, trong cuộc chiến đấu gian khổ của những chiến sĩ lái xe đường Trường Sơn thời chống Mỹ.

Là một trong những nhà thơ tiêu biểu của thế hệ nhà thơ trẻ những năm chống Mỹ "xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước - Mà lòng phơi phới dậy tương lai"(Tố Hữu), Phạm Tiến Duật có giọng thơ mang chất lính, khoẻ, dạt dào sức sống, tinh nghịch vui tươi, giàu suy tưởng. "Bài thơ về tiểu đội xe không kính" (trong chùm thơ được giải nhất cuộc thi thơ báo Văn nghệ năm 1969-1970) được Phạm Tiến Duật viết năm 1969 là bài thơ tự do mang phong cách đó.

B. Thân bài: (Đảm bảo những luận điểm sau)

1. Cái độc đáo đã bộc lộ ngay từ nhan đề bài thơ.

Hai chữ bài thơ nói lên cách khai thác hiện thực : không phải chỉ viết về những chiếc xe không kính, chỉ viết về hiện thực khốc liệt của chiến tranh mà chủ yếu khai thác chất thơ vút lên từ hiện thực ấy, chất thơ của tuổi trẻ Việt Nam vượt lên những khắc nghiệt của chiến tranh.

Sáng tạo độc đáo nhất là hình ảnh những chiếc xe không kính:

"Không có kính không phải vì xe không có kính" : câu thơ như một câu văn xuôi

Hình ảnh thơ lạ :

Hình ảnh xe cộ tàu thuyền đi vào trong thơ thường là được "mỹ lệ hoá", "lãng mạn hoá" và thường mang ý nghĩa tượng trưng hơn tả thực :

Đùng đùng gió giục mây vùn

Một xe trong cõi hồng trần như bay

(chiếc xe đưa Thuý Kiều ra đi với Mã Giám Sinh ; Truyện Kiều - Nguyễn Du) Tế Hanh trong bài Quê hương tả con thuyền rất lãng mạn:

Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã Phăng

mái chèo, mạnh mẽ vượt trường giang

Chính Phạm Tiến Duật trong bài thơ "Trường Sơn Đông, Trường Sơn Tây" :

Anh lên xe, trời đổ cơn mưa

Cái gạt nước xua đi nỗi nhớ.

Hình ảnh những chiếc xe không kính là hình ảnh thực, giọng thơ thân nhiên , chất thơ rất đẹp từ hình ảnh ấy.

Nguyên nhân : "Bom giật, bom rung kính vỡ đi rồi"

Không có kính, không có đèn, không có mui xe, thùng xe có xước.

Khái quát hiện thực trần trụi của chiến tranh.....

Vẻ đẹp của hình ảnh người lính lái xe trên tuyến đường Trường Sơn:

Tư thế ung dung mà hiên

ngang : Ung dung buồng lái ta

ngồi Nhìn đất, nhìn trời, nhìn

thẳng.

Điệp từ "nhìn" như một niềm sáng khoái bất tận ; "nhìn thẳng":hiên ngang. + Diễn tả cụ thể cảm giác của người lính lái xe :

Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng

Nhìn thấy con đường chạy thẳng vào tim

Thấy sao trời và đột ngột cánh chim

Như sa như ùa vào buồng lái.

ấn tượng thực, qua cảm nhận của tác giả trở thành hình ảnh lãng mạn.

Thái độ bất chấp gian khổ, hiểm nguy :

Không có kính, ừ thì có bụi
Bụi phun tóc trắng như người già
Chưa cần rửa phì phèo châm điếu thuốc
Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha.

Không có kính, ừ thì ướt áo
Mưa tuôn mưa xối như ngoài trời
Chưa cần thay, lái trăm cây số nữa
Mưa ngừng, gió lùa mau khô thôi

"Không có kính, ừ thì...", "chưa cần ..." điệp khúc tạo nên giọng điệu ngang tàng, bất chấp.

Niềm vui, lạc quan của người lính:

Gặp bè bạn suốt dọc đường đi tới
Bắt tay qua cửa kính vỡ rồi

Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời
Chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy

"Lại đi, lại đi, trời xanh thêm": câu thơ với năm thanh bằng và điệp ngữ lại đi tạo âm điệu thanh thản, nhẹ nhàng. Hình ảnh bầu trời xanh phơi phới một niềm lạc quan, yêu đời.

Điều làm nên sức mạnh để người lính vượt qua khó khăn chính là tình yêu nước, là ý chí chiến đấu giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc:

Không có kính, rồi xe không có đèn
Không có mui xe, thùng xe có xước,
Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước:
Chỉ cần trong xe có một trái tim.

+ Nghệ thuật tương phản giữa vật chất và tinh thần, giữa bên ngoài và bên trong, giữa cái không có và cái có.

Sức mạnh để chiếc xe băng mình ra trận chính là sức mạnh của trái tim người lính, một trái tim nồng nàn tình yêu nước và sôi trào ý chí chiến đấu giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Liên hệ thơ Tố Hữu :Tố Hữu đã ca ngợi :

Thiếu tất cả, ta rất giàu dũng khí
Sống chẳng cúi đầu, chết vẫn ung dung
Giặc muốn ta nô lệ, ta lại hoá anh hùng
Sức nhân nghĩa mạnh hơn cường bạo

C. Kết bài :

Đánh giá bài thơ, phong cách thơ Phạm Tiến Duật.

"Bài thơ về tiểu đội xe không kính" là một bài thơ đặc sắc tiêu biểu cho phong cách thơ Phạm Tiến Duật cũng như một số tác phẩm tiêu biểu của nhà thơ: Trường Sơn Đông Trường Sơn Tây, Nhớ,...Chất giọng trẻ, chất lính của bài thơ bắt nguồn từ tâm hồn phơi phới của thế hệ chiến sĩ Việt Nam thời chống Mỹ mà chính nhà thơ đã sống, đã trải nghiệm. Từ sự giản dị của ngôn từ, sự sáng tạo của hình ảnh chi tiết, sự linh hoạt của nhạc điệu, bài thơ đã khắc hoạ, tôn vinh vẻ đẹp phẩm giá con người, hoà nhập với cảm hứng lãng mạn cách mạng và âm hưởng sử thi hào hùng của văn học Việt Nam trong ba mươi năm chống xâm lược 1945 - 1975.

Đề 18: Phân tích và phát biểu suy nghĩ của em về bài thơ Đoàn thuyền đánh cá của Huy Cận.

Dàn bài

A. Mở bài

Huy Cận viết bài thơ Đoàn thuyền đánh cá năm 1958 tại Hồng Gai (Quảng Ninh).

-Tái hiện cảnh sắc thiên nhiên và không khí lao động của một vùng biển giàu đẹp của miền Bắc trong những năm đầu cải tạo xã hội chủ nghĩa, bài thơ là một tiếng hát ca ngợi công việc lao động đánh cá trên biển, ca ngợi sự giàu đẹp của biển cả hùng vĩ, bao la.

B. Thân bài

Cảnh đoàn thuyền đánh cá ra khơi (Khổ 1)

Hoàng hôn xuống biển cả

Cảnh “ Mặt trời xuống biển như hòn lửa” đẹp một cách hùng vĩ: Mặt trời như hòn lửa “lặn” xuống biển mà vẫn rực cháy.

Sóng biển là then cài, màn đêm là cánh cửa. Cửa đã sập, then đã cài (sóng đã cài then, đêm sập cửa), một ngày đã chấm dứt, bắt đầu một đêm.Khai thác nghệ thuật so sánh, ẩn dụ để làm nổi bật điều đó.

b) Đoàn thuyền đánh cá ra khơi

Đêm bắt đầu là bắt đầu cảnh lao động của người ngư dân: “ Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi”

Tiếng hát của những người đánh cá như cùng với gió khơi làm căng thêm buồm, đưa đoàn thuyền đánh cá chạy nhanh ra khơi xa. “Câu hát căng buồm cùng gió khơi”, một sự mở đầu của một đêm lao động vui, hào hứng và khẩn trương.

Cảnh lao động đánh cá trên biển cả bao la, hùng vĩ và giàu có (các khổ thơ 2, 3, 4, 5, 6)

a) Biển giàu có

Cá thu, một loại cá quý ở biển, nhiều như đoàn thoi (Cá thu biển Đông như đoàn thoi).

Từ sự ví von (cá thu như đoàn thoi), tạo nên một sự liên tưởng ý vị:

Cá đi trên biển là cá dật biển:

“ Đêm ngày dật biển muôn luồng sáng”

Cá vào lưới là cá dật lưới:

“ Đến dật lưới ta, đàn cá ơi”

Biển hùng vĩ, công việc lao động đánh cá thật hùng tráng:

Biển hùng vĩ với gió, trăng, mây, với chiều cao, chiều

rộng, chiều sâu: “ Thuyền ta lái gió với buồm trăng

Lướt giữa mây cao với biển bằng

Ra đậu dạm xa dò bụng biển”.

Công việc lao động đánh cá trên biển thật hùng tráng:

Thuyền đánh cá có gió làm lái, trăng làm buồm và lướt giữa cái mênh mông bao la của trời, biển giữa mây cao và biển bằng.

Công việc đánh cá là thăm dò tài nguyên của biển (dò bụng biển),

là: “Dàn đan thế trận lưới vây giăng”.

Con người làm chủ thiên nhiên làm chủ công việc lao động...

Biển đẹp và ân tình; công việc lao động đánh cá đầy thi vị lãng mạn và hết sức hào hùng

-Biển đẹp và ân tình:

Biển đẹp. Đó là cái đẹp “lấp lánh” của những con cá biển:

“ Cá song lấp lánh đuốc đen hồng”.

Con cá song đã đẹp, lại càng đẹp trong một cảnh biển đẹp:

“ Cá đuôi em quẫy trắng vàng chóa

Đêm thơ: sao lùa, nước Hạ Long”.

Biển ân tình như lòng mẹ:

“ Biển cho ta cá như lòng mẹ

Nuôi lớn đời ta tựa buổi nào”.

Công việc lao động đánh cá trên biển thật đầy thi vi lãng mạng và hết sức hào hùng:

Cảnh lao động đánh cá đầy thi vi lãng mạng:

“ Ta hát bài cá gọi cá vào

Gõ thuyền đã có nhịp trăng cao”.

Cảnh lao động đánh cá hết sức hào

hùng: “ Ra đàu dậm xa dò bụng biển

Dàn đan thế trận lưới vây giăng”.

“ Sao mờ kéo lưới kịp trời sáng

Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng”.

Cảnh đoàn thuyền đánh cá từ khơi xa trở về (Khổ thơ cuối)

a) Đoàn thuyền đánh cá trở về

Tác giả lặp lại câu thơ ở khổ thơ đầu “ Câu hát căng buồm cùng gió khơi” làm cho khổ thơ cuối giống như một điệp khúc trong một bài hát. Đoàn thuyền ra đi hào hứng, khấn trương. Đoàn thuyền trở về cũng vẫn tinh thần ấy: khấn trương, hào hùng.

Một hình ảnh được xây dựng theo lối khoa trương (Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời), nói lên vẻ đẹp hùng tráng và nhịp điệu lao động khấn trương của đoàn thuyền đánh cá trên đường về.

b) Bình minh trên biển cả

Mở đầu bài thơ là cảnh hoàng hôn trên biển và kết thúc bài thơ là cảnh bình minh trên biển:

“Mặt trời đội biển nhô màu mới”.

-Một sự so sánh ngầm (ẩn dụ) táo bạo, bất ngờ và thú vị. Nó gắn bó công việc lao động đánh cá với thiên nhiên trời đất:

“ Mặt cá huy hoàng muôn dặm phơi”.

Kết bài

-Đoàn thuyền đánh cá là một khúc hát ca ngợi lao động đánh cá trên biển của người ngư dân làm chủ cuộc đời và biển cả, ca ngợi biển cả bao la, hùng vĩ , giàu và đẹp.

-Miêu tả một cảnh lao động trên biển cả trong đêm, bài thơ đầy ánh sáng, tiếng hát và con người thì lồng lộng giữa trời cao, biển rộng. Bài thơ là một bức tranh đẹp và là một bài ca hào hùng về thiên nhiên và con người , về biển cả và sự lao động của con người làm chủ thiên nhiên, về những năm tháng thi đua lao động và sản xuất xây dựng xã hội ở miền Bắc.

Đề 19: Suy nghĩ của em về nhân vật anh thanh niên trong truyện ngắn lặng lẽ SaPa của Nguyễn Thành Long.

A. Mở bài:

Tác giả: Nguyễn Thành Long là nhà văn tham gia viết văn từ kháng chiến chống Pháp. Ông là cây bút chuyên viết truyện ngắn và kí.

Tác phẩm: Truyện ngắn lặng lẽ Sa Pa được ra đời sau chuyến đi thực tế của tác giả vào năm 1970.

Nội dung: Tác phẩm đề cập tới những nét đẹp của những con người đang ngày đêm sống và cống hiến một cách âm thầm và lặng lẽ cho đất nước.

Giới thiệu nhân vật: Trong tác phẩm anh thanh niên làm công tác khí tượng thủy văn kiêm vật lý địa cầu - nhân vật chính của tác phẩm đã kể lại cho chúng ta những ấn tượng khó quên.

B. Thân bài:

1, Hoàn cảnh sống và làm việc của anh thanh niên.

Anh thanh niên một mình sống trên đỉnh núi Yên Sơn cao 2600 mét. Bốn bề chỉ có cỏ

cây và mây núi SaPa.

_Công việc của anh là " đo gió ", " đo mưa ", " đo nắng ", " đo chấn động mặt đất ".

_Công việc tuy không vất vả nhưng đòi hỏi con người phải có tinh thần trách nhiệm rất cao, tỉ mỉ, chính xác. Nhất là nửa đêm gió lạnh tuyết rơi, lại đúng và giờ ốp, anh thanh niên phải một mình vùng dậy ra khỏi nhà trong đêm tối mịt mù. Cái lạnh như cắt da cắt thịt gió thì chỉ trực chờ người ra là cuốn đi.

Nhưng nổi vất vả nhất mà anh thanh niên ohair vượt qua đó là sự cô đơn, chỉ có một mình anh với núi rừng SaPa, nhiều khi " thèm " người quá anh đã phải một mình vác gỗ chắn đường không cho xe chạy để được nhìn thấy những hành khách trên xe.

2, Nhân vật anh thanh niên có 1 tâm lòng yêu nghề yêu đời và tinh thần trách nhiệm cao với công việc lắm gian khổ của mình:

Mặc dù đã mấy năm rồi, anh sống một mình trên đỉnh Yên Sơn như vậy, công việc cũng chỉ một mình. Vậy mà anh rất yêu công việc đó. Anh đã tâm sự với ông họa sĩ " khi ta làm việc, ta với công việc là đôi sao lại gọi là một mình được? Huống chi việc vừa cháu vẫn gắn liền với việc của bao anh em đồng chí dưới kia. Công việc của cháu gian khổ thế đấy chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất. "

Anh cũng có những suy nghĩ rất đúng về hạnh phúc của cuộc đời: Một lần do phát hiện ra đám mây khô, anh đã góp phần với không quân ta bắn rơi bao máy bay Mỹ trên cầu Hàm Rồng. Nghe tin ấy, anh cảm thấy cuộc đời của mình thật là hạnh phúc.

Tuy sống trong điều kiện thiếu thốn về vật chất tinh thần nhưng người thanh niên ấy vẫn ham mê công việc, vẫn biết sắp xếp lo toan cuộc sống riêng ngăn nắp ổn định: Anh nuôi gà, trồng hoa đọc sách, thỉnh thoảng anh lại xuống đường tìm gặp bác lái xe để trò chuyện cho người nổi nhớ nhà, vơi bớt nỗi cô đơn.

3, Anh Thanh niên còn là một nhân vật ở nổi "thèm" người, lòng hiếu khách đến nồng nhiệt , quan tâm đến người khác một cách chu đáo:

Ngay từ những phút gặp gỡ ban đầu, long mến khách nhiệt tình của anh đã gây được thiện cảm tự nhiên đối với người họa sĩ già và cô kĩ sư trẻ. Niềm vui được đón khách dào dạt trong lòng anh toát lên trên nét mặt qua từng cử chỉ. Anh biểu bác lái xe củ tam

thất để mang về cho vợ bác mới ốm dậy. Anh mừng quỳnh đón quyển sách bác mới mua hộ. Anh hồ hởi đón mọi người lên thăm nhà mình hồn nhiên kể về công việc cuộc sống của mình. của bạn bè nơi SaPa lặng lẽ.

Có lẽ, chúng ta khó có thể quên được việc làm đầu tiên khi mọi người lên thăm nhà: hái một bó hoa rực rỡ tặng người con gái chưa hề quen biết "anh con trai rất tự nhiên như với một người bạn đã quen thân, trao bó hoa vừa cắt cho cô gái, rất tự nhiên cô đỡ lấy."

Củ tam thất gửi vợ bác lái xe, làn trứng, bó hoa tặng bác họa sĩ già và cô gái trẻ tiếp tục cuộc hành trình đó chính là những kỉ niệm của một tấm lòng sốt sáng tận tình

4, Công việc vất vả, có những đóng góp quan trọng cho đất nước nhưng người thanh niên hiếu khách và sôi nổi ấy lại rất khiêm tốn:

Anh luôn cảm thấy những đóng góp của mình là bình thường nhỏ bé so với những người khác bởi thế anh ngượng ngùng khi ông họa sĩ già phác thảo chân dung của mình vào cuốn sổ tay.

Con người khiên tốn ấy còn hào hứng giới thiệu cho họa sĩ những người đáng để vẽ hơn mình đó là bác kĩ sư vườn rau và anh cán bộ nghiên cứu sét.

C. Kết bài:

Bằng cốt truyện nhẹ nhàng, chi tiết chân thực tinh tế, Nguyễn Thành Long đã kể lại cuộc gặp gỡ tình cờ mà thú vị nơi SaPa lặng lẽ. Để từ đó chúng ta thêm yêu mến một con người bình thường nhưng thật đáng yêu.

Với truyện ngắn này, nhà văn muốn nói với chúng ta một điều: " trong cái lặng im của SaPa, dưới những dinh thự cũ kĩ của SaPa. SaPa nói đến người đã nghĩ tới sự nghỉ ngơi, đã có những con người đang sống và cống hiến như vậy cho đất nước" Mà tiêu biểu là anh thanh niên.

Đề 20: Phân tích bài thơ bếp lửa của Bằng Việt

Dàn ý

A. Mở bài:

Giới thiệu khái quát nhất về tác giả Bằng Việt và bài thơ "Bếp lửa"

Qua dòng hồi tưởng và suy ngẫm của người cháu về người bà kính yêu, đồng thời cũng thể hiện lòng biết ơn vô hạn tới bà, cũng như với quê hương, đất nước.

B. Thân bài:

Nội dung:

a. Hình ảnh bếp lửa gắn với kỉ niệm vui buồn của tuổi thơ:

Bài thơ bắt đầu với hình ảnh "bếp lửa" và gắn bó mật thiết với người bà tần tảo sớm khuya.

"Bếp lửa" khơi dòng kỉ niệm, là chứng nhân tuổi thơ, là bước đệm giúp cháu vượt qua cả chặng đường dài. Đặc biệt ở từ "ấp iu" giúp ta liên tưởng đến bàn tay khéo léo và tấm lòng kiên trì của người nhóm lửa. Ngày qua ngày bà gắn bó với bếp lửa, đó là công việc đã quá quen thuộc.

b. Hồi tưởng về thời gian được sống trong tình yêu thương, chăm chút của bà:

Cuộc sống trong thời kì này cũng vô cùng cực khổ, bóng đen ghê rợn của nạn đói năm 1945 với hơn hai triệu dân Việt Nam đã chết đói vì chính sách cai trị của bọn thực dân Pháp. Tất cả những hình ảnh như :đói mòn đói mỏi, bố đi đánh xe khô rạc ngựa gầy , khói hun,.....đã làm cháu xúc động.

-Tám năm trường kì, gian khổ cháu được ở cùng bà: bà đã ươm mầm tuổi thơ, bà không chỉ nhóm lửa cuộc sống , bà thay cha mẹ cháu để dạy cháu thành người . Sao cháu có thể quên những năm tháng ấy. Bà luôn quan tâm , chăm sóc từng bữa cơm giấc ngủ. ở bà còn hiện lên một tình yêu thương vô hạn đến đứa cháu bé bỏng của bà.

Không chỉ vậy mà bà có một sự dũng cảm, một nghị lực sống. Khi kháng chiến đang ở những giai đoạn ác liệt nhất bà đã vượt qua, luôn là hậu phương vững chắc của các con đang ở chiến trường.Có thể nói bà chính là hình ảnh tiêu biểu cho các bà mẹ Việt Nam tiêu biểu.

Dòng cảm xúc của tác giả ở trong khổ thơ này như lên đến tột đỉnh, bà như một bà tiên trong truyện cổ tích. Bếp lửa tay bà nhóm lên mỗi sớm mai ững chính là nhóm lên niềm yêu thương, bà luôn đặt niềm tin vào cháu, mong cháu có thể tự tin bước trên đường một cách vững vàng nhất .

c.Những suy ngẫm của người cháu về bà:

Dù cháu không được ở bên bà nhưng trái tim cháu luôn dẽo theo hình bóng của bà.Và cháu cũng đã thành công trên con đường mình mong ước. Nhưng chẳng lúc nào có thể quên bếp lửa của bà.....

Nghệ thuật:

Tác giả đã thể hiện rất thành công hình ảnh " Bếp lửa" , dùng hàng loạt các câu cảm thán, xen lẫn kể tả biểu cảm, những hình ảnh thơ đẹp tràn đầy cảm xúc

Kết luận:

Tình âm gia đình không thể thiếu trong cuộc sống của mỗi con người và Bằng Việt cũng vậy. Bài thơ mang một triết lí sâu sắc

- Nêu lên suy nghĩ của mình.

Đề 21: Tự lập là một trong những yếu tố cần thiết làm nên sự thành công trong học tập cũng như trong cuộc sống.

Hãy viết một đoạn văn hoặc một bài văn ngắn (khoảng 20 dòng) trình bày suy nghĩ của em về tính tự lập của các bạn học sinh hiện nay.

Dàn ý

A. Mở bài.

Giới thiệu vấn đề cần bàn luận.

Thân bài: Cần đảm bảo những nội dung sau

Giải thích thế nào là tự lập

Tự lập, nghĩa đen là khả năng tự đứng vững và không cần sự giúp đỡ của người khác.

Tầm quan trọng của tự lập

Tự lập là một trong những yếu tố cần thiết làm nên sự thành công trong học tập cũng như trong cuộc sống.

Trong học tập, người học sinh có tính tự lập sẽ có thái độ chủ động, tích cực, có động cơ và mục đích học tập rõ ràng, đúng đắn. Từ đó, nó sẽ giúp cho học sinh tìm được phương pháp học tập tốt. Kiến thức tiếp thu được vững chắc. Bản lĩnh được nâng cao.

Hiện nay, nhiều học sinh không có tính tự lập trong học tập. Họ có những biểu hiện ỷ lại, dựa dẫm vào bạn bè, cha mẹ. Từ đó, họ có những thái độ tiêu cực : quay cóp, gian lận trong kiểm tra, trong thi cử; không chăm ngoan, không học bài, không làm bài, không chuẩn bị bài. Kết quả: những học sinh đó thường rơi vào loại yếu, kém cả về hạnh kiểm và học tập.

Học sinh cần phải rèn luyện tính tự lập trong học tập vì điều đó vừa giúp học sinh có thái độ chủ động, có hứng thú trong học tập, vừa tạo cho họ có bản lĩnh vững chắc khi tiếp thu tri thức và giải quyết vấn đề. Tự lập không phải là cô lập, không loại trừ sự giúp đỡ chân thành, đúng đắn của bạn bè, thầy cô khi cần thiết, phù hợp và đúng mức.

Tính tự lập trong học tập là tiền đề để tạo nên sự tự lập trong cuộc sống. Điều đó, là một yếu tố rất quan trọng giúp cho học sinh có được tương lai thành đạt. Tính tự lập là một đức tính vô cùng quan trọng mà học sinh cần có, vì không phải lúc nào cha mẹ, bạn

bè và thầy cô cũng ở bên cạnh họ để giúp đỡ họ. Nếu không có tính tự lập, khi ra đời học sinh sẽ dễ bị vấp ngã, thất bại và dễ có những hành động nông nổi, thiếu kiềm chế.(Ví dụ)

Kết bài

Khái quát nhấn mạnh lại vấn đề.

Lời khuyên, lời nhắn nhủ đến bạn bè.

Đề 21: Phân tích truyện cũ trong phủ chúa Trịnh của Phạm Đình Hổ

Dàn ý

A Phần mở bài.

Phạm Đình Hổ (1768 1839), là người có bút pháp nghệ thuật tinh tế tài hoa, một phong thái thư nhàn cao nhã, ông tiêu biểu cho cốt cách kẻ sĩ Bắc Hà cuối thời Lê Trịnh và thời kì đầu nhà Nguyễn.

Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh là một trang tùy bút đặc sắc, rút trong Vũ trung tùy bút của Phạm Đình Hổ. Tác phẩm tập trung đi sâu vào phản ánh cảnh ăn chơi xa hoa của Chúa Trịnh Sâm, cảnh bán hàng của bọn nội thần nội thị, cảnh tấu nhạc của bọn nhạc công cung đình tại chùa Trấn Quốc nơi Hồ Tây giữa TK XVIII, sự những nhieu của bọn hoạn quan khắp chốn dân gian

Phần thân bài.

Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh đã xảy ra vào 2 năm Giáp Ngọ ất mùi (1774 1775), đó là lúc Đàng Ngoài vô sự, là những năm tháng hoàng kim của Chúa Trịnh Sâm Khi Đặng Thị Huệ được Chúa sùng ái trở thành nguyên phi Trịnh Sâm sống xa hoa thích đi

chơi ngắm cảnh đẹp, thường ngự ở các li cung trên Tây Hồ, núi Tử Trầm, núi Dũng Thuý.

Cảnh đón tiếp với các nghi lễ thật tung bừng độc đáo. Có binh lính dàn hầu vòng quanh bốn mặt hồ. Có tổ chức hội chợ, do quan nội thần cải trang đầu bịt khăn, mặc áo đàn bà, bày bán hoá chung quanh hồ để bán. Thuyền ngự đi đến đâu thì các quan hô tụng đại thần tùy ý ghé vài bờ để mua bán các thứ. Gác chuông chùa Trấn Quốc trở thành nơi hoà nhạc của bọn nhạc công cung đình. Đèn đài cung điện được xây dựng liên tục nhằm thoả mãn cuộc sống ăn chơi của bọn vua chúa và bọn quan lại. Bao nhiêu tiền của, vàng bạc, châu báu, nước mắt, mồ hôi của nhân dân bị bòn vét đến kiệt cùng.

=> Phạm Đình Hổ đã được mắt thấy, tai nghe những Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh nên cách kể, cách tả của ông ở đây hết sức sống động.

Để được sống trong xa hoa, hưởng lạc cuộc đời vàng son đế vương, từ Chúa đến quan đều trở thành bọn cướp ngày ra sức hoành hành, trấn lột khắp chốn cùng quê. Chúa thì sức thu lượm những loài trân cầm dị thú, cỏ mộc quái thạch, chậu hoa cây cảnh ở chốn nhân gian, không thiếu một thứ gì. có những cây cảnh cành lá rườm rà như cây cổ thụ mọc trên đầu non hốc đá, rễ dài đến vài trượng ở bên bắc phải dùng đến một cơ binh mới mang về nổi cũng được chúa trở qua sông đem về. Trong phủ chúa điểm xuyết bao núi non bộ trông lạ mắt như bên bể đầu non. Vườn ngự uyển trong những đêm thanh cảnh vắng, tiếng chim kêu vượn hót ran khắp bốn bề, hoặc nửa đêm ồn ào như trận mưa xa, bão táp, vỡ tổ tan đàn.

Bọn hoạn quan trong phủ Chúa vừa trắng trợn vừa xảo quyệt, như dân gian đã khinh bỉ chửi vào mặt Cướp đêm là giặc, cướp ngày là quan. Chúng dùng thủ đoạn nhờ gió bẻ măng, ra ngoài dọa dẫm. Chỉ bằng hai chữ phụng thủ biên ngay vào chậu hoa cây cảnh, chim tốt khiếu hay của bất cứ nhà nào là chúng cướp được. Chúng còn lập mưu đêm đến cho tay chân sai lính lên vào lấy phăng đi, rồi buộc tội đem đầu vật cung phụng để dọa dẫm lấy tiền. Chúng ngang ngược phá nhà, huỷ tường của dân để khiêng hòn đá hoặc cây cối gì mà chúng cướp được. Đối với nhà giàu thì chúng lập mưu vu cho là đầu vật cung phụng để hành hạ, để làm tiền, nhiều người phải bỏ cửa ra kêu van chí chết, có gia

đình phải đập bỏ núi non bộ, hoặc phá bỏ cây cảnh để tránh khỏi tai vạ.

Gia đình tác giả thuộc hàng quan lại, quý tộc thời Lê Trịnh. Trước sự nhũn nhũn hoành hành, mẹ của Phạm Đình Hổ là bà Cung Nhân phải sai người nhà chặt cây lê cao vài mươi trượng, lúc nở hoa, trắng xoá thơm lừng đây là chi tiết rất sống, rất thực là chuyện có thực của chính gia đình tác giả => tạo niềm tin cho người đọc, vừa phê phán bộ mặt tham lam, ghê tởm của bọn quan lại thời Lê Trịnh, vạch trần sự thối tha trong phủ Chúa.

=> Cuộc sống cực kì xa hoa và tàn ác ấy chính là nguyên nhân cho sự sụp đổ ngai vàng xảy ra đối với nhà Chúa Lê Trịnh sau này - Đó là vào năm 1782, Trịnh Sâm qua đời, loạn kiêu binh bùng nổ, kinh thành Thăng Long bị đốt phá tan hoang => 1786, Nguyễn Huệ kéo quân ra Bắc Hà lần thứ nhất, cơ nghiệp họ Trịnh đã tan trong nháy mắt. Đó là quy luật cuộc đời vô cùng cay nghiệt nhưng cũng hết sức sòng phẳng như Nguyễn Du đã từng nói trong tác phẩm Văn chiêu hồn.

Thịnh mãn lắm, oán thù càng lắm,
Trăm loài ma mò nắm chung quanh.
Nghìn vàng không đổi được mình
Lầu ca viện hát, tan tành còn đâu? .

Phần kết bài.

Trang tùy bút Chuyện cũ trong phủ Chúa Trịnh của Phạm Đình Hổ là tác phẩm có giá trị lịch sử sâu sắc, nó đã làm hiện lên cảnh vật và con người, cuộc sống ăn chơi xa hoa của vua chúa, hành động ăn cướp, làm tiền trắng trợn của bọn quan lại trong phủ Chúa.

Tác phẩm thể hiện một ngòi bút rất trầm tĩnh và hết sức sâu sắc. Mọi cảm hứng, suy nghĩ của tác giả về nhân tình thế sự đã được gửi gắm qua những chi tiết, tình tiết, mẫu chuyện rất sống, rất chọn lọc, đậm đà và sâu sắc.

**Đề 22: Phân tích đoạn trích Mã Giám Sinh mua Kiều trích Truyện Kiều
- Nguyễn Du**

Dàn ý

A. Mở bài.

Có thể nói trong thực tế cũng như trong văn học nhân loại, hiếm có người phụ nữ nào chịu nhiều bất hạnh như Thúy Kiều trong Đoạn trường Tân Thanh của ND

Cuộc đời nàng chỉ thoáng qua những tháng ngày êm đềm của tuổi thơ.

Cuộc đời nàng chỉ thoáng qua những giây phút nồng nàn, tươi đẹp bên người yêu. Còn chuỗi đời còn lại là những chuỗi ngày bất hạnh với những đau đớn ê chề.

Khởi đầu cho những chuỗi ngày bất hạnh là nàng trở thành món hàng cho bọn buôn thịt bán người trong đoạn trích Mã Giám sinh mua Kiều - Đoạn bi thảm trong truyện Kiều của Nguyễn Du.

B. Thân bài.

Vị trí- Tóm tắt đoạn trích.

Từ câu 619 đến 652 gồm 34 câu.

Mối tình Kim- Kiều đang độ nồng nàn- Trọng dot ngọt phải về Liễu Dương hộ tang

chú.

Gia đình Kiều bị vu oan giá họa.

Trước cảnh tan nát của gia đình Kiều can đảm gánh chịu.

Trao duyên lại cho em- Kiều bán mình chuộc cha và em.

2. Phân tích 2 câu đầu - Đức hi sinh của Kiều

Mở đầu cho nỗi bất hạnh, t/g cô đọng đức hi sinh của một người

con hiếu thảo: Hạt mưa sá nghĩ phận hèn

Liều đem tác cỏ quyết đền ba xuân

-Hai câu thơ hòa hợp lại hình ảnh dân gian hạt mưa h/ả ẩn dụ với điển cố bác học Tác cỏ, ba xuân (Hạt mưa= ả đi : người con gái- nàng Kiều; Tác cỏ= người con; Ba xuân = công ơn cha mẹ) nói được cái nhỏ nhoi vô định của kiếp đàn bà. Vừa thể hiện được lòng hiếu thảo của người con quyết hi sinh bản thân, HP, T/y để đền ơn sinh thành của cha mẹ

Bức chân dung của tên lái buôn trơ trẽn.- Trích Gần miền ... kíp ra

a, Giới thiệu:

MGS chung lưng với Tú Bà mở hàng (lầu xanh)

Hắn đi mua hàng(người) về cho Tú Bà bán.

MGS làm việc dơ bẩn đó lúp dưới chiêu bài đi mua Kiều về làm vợ lẽ.

Thúy Kiều cũng hạ mình đến mức ấy thôi - đã quá đủ rồi(làm vợ lẽ cũng là chuyện thường tình trong XH xưa)

b, Màn kịch vãn danh.

Trong lễ vãn danh MGS x. hiện là một sinh viên trường Quốc tử Giám đến mua Kiều làm lẽ.

Giới thiệu: là người viễn khách khách phương xa

Quê huyện lâm Thanh cũng gần. Họ tên không rõ ràng.

Tuổi ngoại tứ tuần.

Diện mạo: mày râu nhẵn nhụi , áo quần bảnh bao chải chuốt, trai lơ.

+Thói quen: Thị của khinh người

Cách nói: Hỏi tên, rằng: MGS. Hỏi tên, rằng: huyện Lâm Thanh cũng gần cộc lốc

Cử chỉ hành vi: Ghế trên ngai tốt sỗ sàng sỗ sàng, thô lỗ, kịch cỡm.

Phối bày chân tướng MGS một con buôn vô học. ND đã giết chết nhân vật MGS bằng từ tốt cũng như sau này t/g giết chết Tú Bà bằng từ ăn gì, giết Sở Khanh bằng từ lên

Ngòi bút sắc sảo- thể hiện nhân vật bằng cách vạch trần những mâu thuẫn giữa họ, tuổi tác, vai trò, hành động lời nói thực chất.

thể hiện rõ sự mâu thuẫn trong lời giới thiệu(người có học đi mua tì thiếp) với thực chất(một kẻ lái buôn vô học).

Ngôn ngữ miêu tả : dùng từ đắt: nhẵn nhụi, bảnh bao, ngai tốt

c.MGS lọt tầy trong màn mua bán.

Gặp Kiều: hấn nhìn, hấn ngắm, hấn cân đo, xoay lên đặt xuống coi Kiều như một món hàng ngoài chợ

khi bằng lòng : hấn mặc cả cò kè bộc lộ rõ bản chất bỉ ổi, trắng trợn, ti tiện bản thủ hình thức là một lễ văn danh nhưng thực chất lại là cuộc mua thịt bán người, trắng trợn bỉ ổi.

Từ việc mua bán đề cập tới một hiện thực: xã hội đồng tiền và một loại người xuất hiện ở đó đồng tiền có thể lực vạn năng nên việc mua bán con người dễ dàng như mua một món đồ ngoài chợ.

Từ việc mua bán còn có giá trị tố cáo. Nhân vật MGS là sự nhảy nhót của đồng tiền. Có tiền thì dù người đó là ai, dù vô học, bất tài đến mấy cũng có thể ngồi vào vị trí mà người bất hạnh dù lương thiện cũng phải cúi đầu.

Nhưng đồng tiền tự nó biết cách nguy trang, lèo lá. Nó dùng từ hoa mỹ với tư cách của kẻ đi mua để lấy lòng người bán. Một khi điều đó không phát huy tác dụng nó sẵn sàng bộc lộ bản chất, hiện nguyên hình của một kẻ đầu cơ.

Truyện Kiều nhiều nhân vật phản diện nhưng MGS là một nhân vật khá sắc sảo của ND. Ông đã có ý thức dụng công trong nghệ thuật khắc họa chân dung. ND phối hợp cái riêng của MGS với cái chung(đầy tư lao sao), xa với gần, ngoại hình với tính cách. Cũng là phường buôn thịt bán người nhưng MGS nổi bật hẳn nên với bản chất kịch cỡm, rẻ tiền, thô bỉ, đúng hạng buôn, hăng buôn người.

Thúy Kiều với nỗi đau đầu đời.

Nỗi mình thêm tức nỗi nhà

Thềm hoa một bước lệ hoa mấy hàng.

Tâm trạng đau khổ ê chề, nỗi đau khổ tột cùng nhưng vẫn không làm suy giảm vẻ trang đài của nàng. Nghệ thuật đối ngữ thềm hoa một bước/ lệ hoa mấy hàng người đẹp buồn cũng đẹp, bước chân đẹp, giọt nước mắt cũng đẹp

Thềm hoa: bước chân người đẹp ngai ngừng, đau đớn tủi nhục, nặng nề.

Lệ hoa: giọt lệ người đẹp giọt lệ buồn tủi của sự ê thẹn, bẽ bàng

“Nét buồn như cúc/ điệu gầy như mai đối lập với hành vi thô bạo, xúc phạm đến thân thể yêu kiều của người đẹp. Nàng Kiều - 1 món hàng cho bọn con buôn lựa chọn đắn đo đó là những hành vi chỉ thấy ở những chợ buôn nô lệ thời trung cổ. Như cơn ác mộng, trong khoảng khắc, một tiêu thư khuê các, xinh đẹp trong trắng đang sống yên vui trong một gia đình lương thiện, một cô gái chớm yêu mối tình đầu đang say đắm phải đi lấy chồng, mà chồng thì lại là một kẻ buôn bán vô học bị biến thành món hàng cho bọn con buôn mặc cả ngã giá đó là bi kịch thứ nhất. Bi kịch người thiếu nữ

Bị kịch tình yêu lòng hiếu thảo là một người con hiếu thảo Liều đem tác cớ quyết đền ba xuân>< là một người yêu thủy chung nguyện ước trung tình nàng đau đớn giằng xé bên tình bên hiếu quyết giữ trọn chữ hiếu, nàng cảm nhận sâu sắc được nỗi tủi nhục, cảnh ngộ éo le, đau đớn của mình.

Ngại ngừng dín gió e sương

Nhìn hoa bỗng thẹn. trông gương mặt dày

Kiều thông minh nên nàng cảm nhận sâu sắc được cảnh ngộ của mình, nàng tỏ ra như một món hàng, mặc cho bọn con buôn đặt điều - nàng câm lặng, vô hồn. Nàng chủ động chịu đựng nỗi đau, tự nguyện bán mình mong cứu cha em, gia đình. Qua đó ta thấy được đức hi sinh, sự chịu đựng, lòng hiếu thảo của một người con. Thấy được bi kịch đau đớn, ê chề đầu đời của Kiều. Thấy được sự cảm thông, lòng yêu thương sâu sắc của tác giả với số phận nhân vật của mình.

Nội dung: Rất hiện thực ND hoàn thành bức chân dung của một tên lái buôn ghê tởm,

bị bọm núp dưới những điều mỹ miều canh thiếp, làm ghi..., nạt thái vu quy thì tác giả nổi giận nói tạc ra: Đây là cuộc mua bán man rợ Tiền lung đã sẵn việc gì chẳng xong
=> Rõ ràng cái việc mua bán thịt người, nhan sắc, phẩm hạnh con người có tiền là xong. Đồng tiền đã vấy mùi tanh bắn lên tất cả những gì thiêng liêng quý giá nhất.

=> Phản ánh hiện thực cuộc sống => tố cáo những hạng người xấu xa dùng tiền làm quyền lực; tố cáo xã hội mà số phận người phụ nữ không được trân trọng, không được bảo vệ.

=> Tình cảm của ND với nhân vật của mình

Nghệ thuật: Miêu tả chân dung nhân vật phản diện bằng bút pháp tả thực được thể hiện qua : Từ ngữ, hình ảnh, hành vi, lời nói, hành động...=> chi tiết đời sống hàng ngày.

Đối lập với việc miêu tả nhân vật chính diện: lý tưởng hoá (dùng điển tích, điển cố, đối, ước lệ tượng trưng..)

C.Kết luận.

Đoạn trích là một đoạn bi thương, đau đớn nhất trong Truyện Kiều của ND. ở đó con người bị trà đạp, vùi dập đem ra mua bán với đủ những hình thức bị bọm

Ngòi bút của ND phần nộ trong từng chữ mỗi khi nhắc đến tên buôn người nọ và cũng xót xa đau đớn khi phải nói về Kiều, người con gái xinh đẹp, tài hoa mà bất hạnh. -

Đoạn trích như một thông điệp gửi đến muôn đời của Nguyễn Du: Mong cuộc đời sẽ không còn những cảnh con người bị đem ra làm vật để mua bán, trao đổi, mong cho kiếp người phụ nữ không còn phải đón đau, ê chề đầy bi kịch như nàng Kiều. Đoạn trích cũng là tiếng nói của tấm lòng nhân đạo cao cả của ND với cuộc đời, với con người.

Đề 23: Nói không với các tệ nạn xã hội

Dàn ý

A. Mở bài:

Trong cuộc sống, bên cạnh nhiều nề nếp, thói quen tốt còn không ít thói quen xấu và tệ nạn có hại cho con người, xã hội.

Những thói xấu có sức quyến rũ ghê gớm như cờ bạc, thuốc lá hoặc ma túy, sách xấu, băng đĩa có nội dung độc hại...

Nếu không tự chủ được mình, dần dần con người sẽ bị nó ràng buộc, chi phối, dần dần biến chất, tha hóa.

- Chúng ta hãy kiên quyết nói "Không!" với các tệ nạn xã hội.

B. Thân bài:

Tại sao phải nói "không!"

Cờ bạc, thuốc lá, ma túy... là thói hư tật xấu, những tệ nạn xã hội gây ra tác hại ghê gớm đối với bản thân, gia đình và xã hội về nhiều mặt: tư tưởng, đạo đức, sức khỏe, kinh tế, nòi giống...

Tệ nạn xã hội là mối nguy trước mắt và lâu dài của đất nước, dân tộc.

Sự ràng buộc, chi phối ghê gớm của thói hư tật xấu:

Do bạn bè xấu rủ rê hoặc tò mò thử cho biết. Sau một vài lần không có thì bòn chòn, khó chịu. Dần dần dẫn tới nghiện ngập. Không có thuốc cơ thể sẽ bị hành hạ, mọi suy nghĩ và hành động đều bị cơn nghiện chi phối. Để thỏa mãn, người ta có thể làm mọi thứ, kể cả giết người, trộm cắp... Một khi đã nhiễm thì rất khó từ bỏ, nó sẽ hành hạ và làm cho con người điêu đứng.

Thói hư tật xấu là bạn đồng hành của chủ nghĩa cá nhân ích kỉ.

Tác hại của cờ bạc, ma túy, sách xấu sẽ dẫn đến thoái hóa đạo đức, nhân cách con người.

Cờ bạc:

Đó cũng là một loại ma túy, ai đã sa chân thì không thể bỏ.

Trò đỏ đen, may rủi kích thích máu cay cú, hiếu thắng.

Mất nhiều thời gian, sức khỏe, tiền bạc và sự nghiệp.

Ảnh hưởng rất lớn đến nhân cách và hạnh phúc gia đình, an ninh trật tự xã hội.

Hành vi cờ bạc bị luật pháp cấm và tùy theo mức độ vi phạm mà có mức xử lí khác nhau.

Thuốc lá:

Là sát thủ giấu mặt với sức khỏe con người.

Khói thuốc có thể gây ra nhiều bệnh: ung thư phổi, ung thư vòm họng, tai biến tim mạch...

Khói thuốc không chỉ ảnh hưởng đến sức khỏe của bản thân mà còn ảnh hưởng tới những người xung quanh.

Tiêu tốn tiền bạc, làm giảm thu nhập gia đình, ảnh hưởng đến kinh tế quốc dân.

Trên thế giới, nhiều nước đã cấm quảng cáo thuốc lá, cấm hút thuốc ở công sở và chỗ đông người.

- Ma túy:

Thuốc phiện, hêrôin là chất kích thích gây nghiện rất nhanh. Người dùng thuốc sẽ rơi

vào trạng thái ảo giác, hoang tưởng. Nghiện ma túy nghĩa là tự mang án tử hình.

Khi mắc nghiện, võ não bị tổn thương rất lớn, sức khỏe suy kiệt nhanh chóng.

Đối với người nghiện ma túy thì tiền bạc bao nhiêu cũng không đủ.

Nghiện ma túy cũng đồng nghĩa với việc mất hết danh dự, đạo đức, tình yêu, hạnh phúc, gia đình, sự nghiệp...

Văn hóa phẩm độc hại:

Khi tiếp xúc với loại này, con người sẽ bị ám ảnh bởi những hành vi không lành mạnh, có những ham muốn phi đạo đức, sa vào lối sống ích kỉ, bản năng, mất hết khả năng phấn đấu, sống không mục đích.

Nếu làm theo những điều bậy bạ sẽ dẫn đến sự thay đổi đạo đức, nhân cách, ảnh hưởng đến uy tín bản thân và gia đình, có thể sẽ dẫn tới vi phạm pháp luật.

c. Kết bài:

-Chúng ta cần:

Tránh xa những thói hư tật xấu và tệ nạn xã hội

Khi đã lỡ mắc thì phải có quyết tâm từ bỏ và làm lại cuộc đời

Xây dựng cho mình và tuyên truyền cho mọi người lối sống lành mạnh.

Đề 24: Quanh em có một số bạn lơ là trong học tập, em hãy viết một bài văn nghị luận để khuyên các bạn

Dàn ý

A. Mở bài

Nêu khái quát về hiện tượng các bạn lơ là trong học tập . lí do viết bài văn nghị luận này

B. Thân bài

- Nguyên nhân :

+ Bên ngoài tác động vào : các trò chơi điện tử , những văn hóa phẩm không tốt , hay lúc nào cũng gắn với cái máy tính đã tiêu tốn rất nhiều thời gian cho việc học . + Hoặc do gia đình vất vả bạn vừa đi học vừa phải phụ giúp ba mẹ đi làm nên bạn kkoong có thời gian để học

Từ nhỏ có nhiều bạn sống trong gia đình giàu, khá giả nên mọi thứ đều đầy đủ . Bạn sinh ra lười biếng bố mẹ lại hay đi làm suốt nên ko ai nhắc nhở bạn về việc học . Chính vì vậy đã gây nên 1 tật xấu lơ là đi việc học

Nêu về mục đích việc học

Việc học giúp ta có thêm vốn kiến thức , vốn hiểu biết sâu sắc

Học giúp ta mở mang con mắt , làm ta hiểu rõ thêm về thế giới ta đang sống

Nêu dẫn chứng

Nếu không có sử sao ta hiểu hết được về những điều hào hùng những vị anh hùng của đất nước đã sẵn sàng ngã xuống vì độc lập tự do của nước nhà.

Nếu ko có môn Sinh sao ta hiểu thêm về tự nhiên , làm sao ta có thể biết để dc những loài cây này chúng cũng phải trải qua 1 quá trình tiến hóa lâu dài vất vả

Học là việc cần thiết và quan trọng cần được đặt lên hàng đầu . Nó giúp 1 xã hội tiến xa hơn , giúp 1 đất nước lạc hậu thành 1 đất nước phát triển . Đưa con người lên thời kì mới .

Những vị anh hùng đã có công bảo vệ đất nước trog thời chiến . Và giờ đây trong thời bình chúng ta những con dân đã được sống được phát triển phải biết dựa trên cái nền tảng đó để đưa đất nước lên tầm cao mới sánh ngang với các cường quốc năm châu trên thế giới này .

Học cho cuộc sống của ta thêm mới mẻ .

Tác hại của việc ko học lười học

Hãy tưởng tượng gần hơn nếu bạn lười học: bạn sẽ khó lòng làm dc 1 bài dù là dễ nhất, bạn sẽ phải đối mặt với những ánh mắt của bạn bè . Họ thất vọng nhiều về bạn, bạn sẽ thấy mình chìm trong mặc cảm và xấu hổ bạn sẽ không còn như trước nữa . Sẽ có 1 bức tường ngăn cách , bức tường dày cao đó sẽ đưa bạn vào bóng tối . Bố mẹ bạn sẽ cảm thấy sao về con mình . Chẳng lẽ bạn muốn nhìn về u sầu đôi mắt thâm quầng vì phiền não của bố mẹ bạn ư ? Bạn nhấn tâm vậy sao ?

+ Hay xa hơn: Nếu chúng ta không học con người sẽ quay lại thời kì trước sẽ lạc hậu trở lại về quá khứ, ta sẽ tụt hậu

Lời khuyên: Hãy đứng dậy , hỡi người hùng dũng cảm của hôm nay vứt bỏ quá khứ và làm lại. Bạn sẽ làm dc nếu bạn cố gắng thật sự cố gắng. Bạn sẽ được mọi người yêu quý bởi bạn có cố gắng . Người ta không nhìn vào thành tích mà phải xem về mặt quyết tâm cố gắng của bạn. Bạn có mọi người, bạn có tất cả và bạn có thể chiếm lĩnh thế giới nếu như bạn học hành thật chăm chỉ. Bạn có thể đưa tất cả đi lên không?...

C. Kết bài !

Khái quát lại vấn đề, gửi lời nhắn nhủ, lời quyết tâm với bạn bè cùng tiến bộ.

\

MỘT SỐ BÀI VIẾT THAM KHẢO

Bài 1: Phân tích bài thơ nói với con của Y Phương
--

Bài làm

Xưa nay tình mẫu tử là đề tài phong phú cho thơ ca. Nhưng những bài thơ về tình cha con thì có lẽ khá ít. Bài thơ "Nói với con" của Y Phương là 1 trong những tác phẩm hiếm hoi đó. Bài thơ thể hiện tình cảm gia đình êm ấm, tình quê hương tha thiết, ngọt ngào và ngợi ca truyền thống nghĩa tình, sức sống mạnh mẽ của người dân tộc miền núi.

Cảm nhận đầu tiên trong lời cha nói là hình ảnh con lớn lên trong tình yêu thương của cha mẹ, sự đùm bọc, che chở của người đồng mình, của quê hương. Bài thơ mở ra với khung cảnh gia đình ấm cúng, đầy ắp giọng nói tiếng cười:

Chân phảitiếng cười.

Khung cảnh ấy đẹp như 1 bức tranh: hình ảnh em bé ngây thơ lẫm chẫm tập đi, bi bô tập nói trong vòng tay, trong tình yêu thương, chăm sóc, nâng niu của cha mẹ; hình ảnh cha mẹ giang rộng vòng tay, chăm chút từng bước đi, từng nụ cười, tiếng nói của con. Gia đình chính là cái nôi êm ái, là tổ ấm để con sống, lớn khôn và trưởng thành trong niềm yêu thương con cái. Đó là không khí thường thấy trong các gia đình hạnh phúc. Nhưng cách diễn đạt ở đây có nét độc đáo riêng của người miền núi: nói bằng hình ảnh cụ thể, điệp ngữ "bước tới", trong tình cảm người cha, không thoát khỏi niềm sung sướng, tự hào.

Không chỉ có gia đình, con còn lớn lên, trưởng thành trong cuộc sống lao động, giữa quê hương sâu nặng nghĩa tình:

Người đồng mình yêu lắm con ơi

.....tâm lòng

Một cách nói rất riêng, rất ngộ : "người đồng mình", là người miền mình, người vùng mình, là những người cùng sống trên một miền đất, cùng quê hương, cùng một dân tộc. Đó là cách nói mộc mạc, mang tính địa phương của dân tộc Tày nhưng giàu sức biểu cảm, Tác giả vận dụng lối diễn đạt của người dân tộc miền núi để xây dựng hình ảnh thơ. Những suy nghĩ, tình cảm, cảm xúc đều được diễn tả trực tiếp bằng hình ảnh. Đan lờ để bắt cá, dưới bàn tay của người Tày, những nan trúc, nan tre đã trở thành "nan hoa". Vách nhà không chỉ ken bằng gỗ mà còn được ken bằng "câu hát". Rừng đâu chỉ cho nhiều gỗ quý, lâm sản mà còn cho hoa. Ba động từ "đan", "cài", "ken" còn thể hiện sự

đoàn kết, gắn bó của quê hương. Lao động đã đem đến cho con bao điều tốt đẹp, "người đồng mình" và quê hương ấp ủ, nuôi sống con trong tình thương yêu, trong tình đoàn kết buôn làng. Và con đường đâu chỉ để đi mà nó còn cho "những tấm lòng" nhân hậu, bao dung, nghĩa tình. Con đường đó là hình bóng thân thuộc của quê hương, còn in dấu những bước chân đi xuôi ngược, làm ăn sinh sống của buôn làng, nên nó mang 1 ý nghĩa thật to lớn trong quá trình khôn lớn của con. Sung sướng nhìn con khôn lớn, nhà thơ suy ngẫm về tình làng bản quê nhà, về cội nguồn hạnh phúc:

Cha mẹtrên đời

Không chỉ gọi cho con về nguồn sinh dưỡng, cha còn nói với con về những đức tính cao đẹp của "người đồng mình" và ước mơ của cha về con. Đó là lòng yêu lao động, hăng say lao động với cả tấm lòng. Đó là sức sống bền bỉ mạnh mẽ vượt qua mọi khó khăn, gian khổ.

Người đồng mình thương lắm con ơi

..... Không lo cực nhọc

Trước hết đó là tình thương yêu, đùm bọc nhau. Cách nói mộc mạc mà chứa đựng bao ân tình rất cảm động đó được lặp đi lặp lại như một điệp khúc trong bài ca. Chính tình thương đó là sức mạnh để "người đồng mình" vượt qua bao gian khổ cuộc đời. Những câu thơ ngắn, đối xứng nhau "cao đo nỗi buồn xa nuôi chí lớn" diễn tả thật mạnh mẽ chí khí của "người đồng mình": sống vất vả, nghèo đói, cực nhọc, lam lũ nhưng có chí lớn, luôn yêu quý tự hào, gắn bó với quê hương. Đó là phẩm chất thứ hai. Thứ ba, về cách sống, người cha muốn giáo dục con sống phải có nghĩa tình, chung thủy với quê hương, biết chấp nhận vượt qua gian nan, thử thách bằng ý chí và niềm tin của mình. Không chê bai, phản bội quê hương : "không chê...không chêkhông lo" dù quê hương còn nghèo,

còn vất vả. "Người đồng mình sống khoáng đạt, hồn nhiên, mạnh mẽ "như sông như suối-lên thác xuống ghềnh-không lo cực nhọc". Lời cha nói với con mà cũng là lời dạy con về bài học đạo lý làm người. Đoạn thơ rất dồi dào nhạc điệu, tạo nên bởi điệp từ, điệp ngữ, điệp cấu trúc câu và nhịp thơ rất linh hoạt , lúc vưon dài, khi rút ngắn, lời thơ giản dị, chắc nịch mà lay động, thấm thía, có tác dụng truyền cảm mạnh mẽ.

Để nhắc nhở giáo dục con, người cha nhấn mạnh truyền thống của người đồng mình:

Người đồng mình thô sơ da thịt

..... Nghe con

Truyền thống ấy thật đáng tự hào, tuy "thô sơ da thịt", ăn mặc giản dị, áo chàm, khăn piêu, cuộc sống mộc mạc thiếu thốn... nhưng không hề nhỏ bé về tâm hồn, ý chí nghị lực và đặc biệt là khát vọng xây dựng quê hương. Họ xây dựng quê hương bằng chính sức lực và sự bền bỉ của mình: "tự đục đá kê cao quê hương". Họ sáng tạo, lưu truyền và bảo vệ phong tục tốt đẹp của mình biết tự hào với truyền thống quê hương, dặn dò con cần tự tin, vững bước trên đường đời, không bao giờ được sống tầm thường, nhỏ bé, ích kỷ. Hai tiếng "nghe con" kết thúc bài thơ với tấm lòng thương yêu, kỳ vọng, vừa là lời dặn dò nhắc nhở ý chí tình của người cha đối với đứa con thân yêu. Hai tiếng ấy nghe sao mà thân thương triu mến quá.

Bài thơ có giọng điệu nhẹ nhàng, chân tình và rất mới lạ trong phong cách, một phong cách miền núi với ngôn ngữ "thô cảm" rất độc đáo, với cảm xúc, tư duy rất riêng. Qua đó, Y Phương đã thể hiện tình cảm gia đình ấm cúng, ca ngợi truyền thống cần cù, sức sống mạnh mẽ của quê hương và dân tộc mình. Bài thơ giúp ta hiểu thêm sức sống và vẻ đẹp tâm hồn của 1 dân tộc miền núi, gợi nhắc tình cảm gắn bó với truyền thống, với quê hương và ý chí vươn lên trong cuộc sống.

Bài 2: Phân tích tình cảm cha con trong truyện " Chiếc lược ngà" của

Nguyễn Quang Sáng

Bài làm

Có câu nói: "Những tình cảm đẹp sẽ là động lực mạnh mẽ trong tâm hồn mỗi người!". Vì lòng yêu cha, một cô bé nhỏ mới tám tuổi nhưng nhất quyết không nhận người khác làm bố, cho dù bị đánh. Vì lòng thương con, một người chiến sỹ dù ở sa trường vẫn luôn cặm cụi làm một chiếc lược để tặng đứa con gái bé bỏng. Có người nhận xét rằng tình phụ tử không thể ấm áp và đẹp đẽ như tình mẫu tử. Song nếu đọc truyện ngắn Chiếc lược ngà của Nguyễn Quang Sáng, có thể bạn sẽ phải có cái nhìn khác mới mẻ và chân thực hơn. Câu chuyện khắc họa hình ảnh một nhân vật bé Thu đầy ấn tượng và tinh tế, hơn thế lại ca ngợi tình cha con thiêng liêng, vĩnh cửu dù trong chiến tranh.

Nguyễn Quang Sáng sinh năm 1933 ở An Giang. Thời kỳ kháng chiến chống Pháp ông tham gia bộ đội và hoạt động ở chiến trường Nam Bộ. Sau năm 1945, ông tập kết ra Bắc và bắt đầu viết văn. Có lẽ vì sinh ra và hoạt động chủ yếu ở miền Nam nên các tác phẩm của ông hầu như chỉ viết về cuộc sống và con người Nam Bộ. Các tác phẩm chính là Chiếc lược ngà (1968), Mùa gió chướng (1975), Dòng sông thơ ấu (1985), ... Nguyễn Quang Sáng có lối viết văn giản dị, mộc mạc nhưng sâu sắc, xoay quanh những câu chuyện đời thường nhưng ý nghĩa. Chiếc lược ngà viết năm 1966 tại chiến trường Nam Bộ chống Mỹ, là tác phẩm tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật của Nguyễn Quang Sáng, khẳng định nghệ thuật miêu tả tâm lý đặc sắc, xây dựng tình huống bất ngờ và ca ngợi tình cha con thấm thiết. Văn viết về một đề tài dường như đã cũ song truyện mang nhiều giá trị nhân văn sâu sắc.

Câu chuyện xoay quanh tình huống gặp mặt của bé Thu và ông Sáu. Khi ông Sáu đi kháng chiến chống Pháp, lúc đó bé Thu chưa đầy một tuổi. Khi ông có dịp thăm nhà thì con gái đã lên 8 tuổi. Song bé Thu lại không chịu nhận cha vì vết sẹo trên má làm ông Sáu không giống như bức ảnh chụp chung với má. Trong ba ngày ở nhà, ông Sáu dùng mọi cách để gần gũi nhưng con bé vẫn không chịu gọi một tiếng Ba. Đến khi bé Thu nhận ra cha mình thì cũng là khi ông Sáu phải ra đi. Ông hứa sẽ mang về tặng con

một cái lược ngà. Những ngày chiến đấu trong rừng, ông cặm cụi làm chiếc lược cho con gái. Chiếc lược làm xong chưa kịp trao cho con gái thì ông đã hi sinh. Trước khi nhắm mắt ông chỉ kịp trao cây lược cho người bạn nhờ chuyển lại cho con mình.

Hình ảnh bé Thu là nhân vật trọng tâm của câu chuyện, được tác giả khắc họa hết sức tinh tế và nhạy bén, là một cô bé giàu cá tính, bướng bỉnh và gan góc. Bé Thu gây ấn tượng cho người đọc về một cô bé dường như lì lợm đến ghê gớm, khi mà trong mọi tình huống em cũng nhất quyết không gọi tiếng ba, hay khi hất cái trứng mà ông Sáu gấp cho xuống, cuối cùng khi ông Sáu tức giận đánh một cái thì bỏ về nhà bà ngoại. Nguyễn Quang Sáng đã khéo léo xây dựng nhiều tình huống thử thách cá tính của bé Thu, nhưng điều khiến người đọc phải bất ngờ là sự nhất quán trong tính cách của bé, dù là bị mẹ quơ đũa dọa đánh, dù là bị dồn vào thế bí, dù là bị ông Sáu đánh, bé Thu luôn bộc lộ là một con người kiên quyết, mạnh mẽ. Có người cho rằng tác giả đã xây dựng tính cách bé Thu hơi thái quá, song thiết nghĩ chính thái độ ngang ngạnh đó lại là biểu hiện vô cùng đẹp đẽ mà đứa con dành cho người cha yêu quý. Trong tâm trí bé Thu chỉ có duy nhất hình ảnh của một người cha chụp chung trong bức ảnh với má. Người cha ấy không giống ông Sáu, không phải bởi thời gian đã làm ông Sáu già đi mà do cái sẹo trên má. Vết sẹo, dấu tích của chiến tranh đã hằn sâu làm biến dạng khuôn mặt ông Sáu. Có lẽ trong hoàn cảnh xa cách và trắc trở của chiến tranh, nó còn quá bé để có thể biết đến sự khốc liệt của bom lửa đạn, biết đến cái cay xè của mùi thuốc súng và sự khắc nghiệt của cuộc sống người chiến sỹ. Cái cảm giác đó không đơn thuần là sự bướng bỉnh của một cô bé đồng đánh, nhiều sách mà là sự kiên định, thẳng thắn, có lập trường bền chặt, bộc lộ phần nào đó tính cách cứng cỏi ngoan cường của cô gian liên giải phóng sau này.

Nhưng xét cho cùng, cô bé ấy có bướng bỉnh, gan góc, tình cảm có sâu sắc, mạnh mẽ thế nào thì Thu vẫn chỉ là một đứa trẻ mới 8 tuổi, với tất cả nét hồn nhiên, ngây thơ của con trẻ. Nhà văn tỏ ra rất am hiểu tâm lý của trẻ thơ và diễn tả rất sinh động với tấm lòng yêu mến và trân trọng một cách đẹp đẽ, thiêng liêng những tâm tư tình cảm vô giá ấy. Khi bị ba đánh, bé Thu cầm đũa gấp lại cái trứng cá để vào chén rồi

lặng lẽ đứng dậy, bước ra khỏi mâm. Có cảm giác bé Thu sợ ông Sáu sẽ nhìn thấy những giọt nước mắt trong chính tâm tư của mình? Hay bé Thu dường như lờ mờ nhận ra mình có lỗi? Lại một loạt hành động tiếp theo: Xuống bên nó nhảy xuống xuống, mở lời tới, cố làm cho dây lời tới khua rổ rang, khua thật to, rồi lấy dầm bơi qua sông. Bé Thu bỏ đi lúc bữa cơm nhưng lại có ý tạo tiếng động gây sự chú ý. Có lẽ cô bé muốn mọi người trong nhà biết bé sắp đi, mà chạy ra vỗ về, dỗ dành. Có một sự đối lập trong những hành động của bé Thu, giữa một bên là sự cứng cỏi, già giặn hơn tuổi, nhưng ở khía cạnh khác cô bé vẫn mong được yêu quý vỗ về. Song khi chiều đó, mẹ nó sang dỗ dành mấy nó cũng không chịu về, cái cá tính cố chấp một cách trẻ con của bé Thu được tác giả khắc họa vừa gần gũi, vừa tinh tế. Dù như thế thì bé Thu vẫn chỉ là một đứa trẻ 8 tuổi hồn nhiên, đâu có vẻ như cứng rắn và mạnh mẽ trước tuổi.

đoạn cuối, khi mà bé Thu nhận ra cha, thật khó để phủ nhận bé Thu là đứa bé giàu tính cảm. Tình cha con trong Thu giữ gìn bấy lâu nay, giờ trời đây, vào cái giây phút mà cha con phải tạm biệt nhau. Có ai ngờ một cô bé không được gặp cha từ năm 1 tuổi vẫn luôn vun đắp một tình yêu bền bỉ và mãnh liệt với cha mình, dù người cha ấy chưa hề bông bế nó, cưng nựng nó, săn sóc, chăm lo cho nó, làm cho nó một món đồ chơi kể từ khi nó bắt đầu làm quen với cuộc sống. Nó gần như chưa có chút ấn tượng nào về cha, song chắc không ít lần nó đã tự tưởng tượng hình ảnh người cha nó tài giỏi nhường nào, cao lớn nhường nào, có vòng tay rộng để ôm nó vào lòng ra sao? Tình cảm mãnh liệt trong nó ngăn không cho nó nhận một người đàn ông lạ kia làm bố. Khi đến ngày ông Sáu phải đi, con bé cứng cỏi mạnh mẽ ngày hôm nào lại như thể bị bỏ rơi, lúc đứng ở góc nhà, lúc đứng tựa cửa và cứ nhìn mọi người vây quanh ba nó, dường như nó thêm khát cái sự ấm áp của tình cảm gia đình, nó cũng muốn chạy lại và ôm hôn cha nó lắm chứ, nhưng lại có cái gì chặn ngang cổ họng nó, làm nó cứ đứng nguyên ở ấy, ước mong cha nó sẽ nhận ra sự có mặt của nó. Và rồi đến khi cha nó chào nó trước khi đi, có cảm giác mọi tình cảm trong lòng bé Thu bỗng trào dâng. Nó không nén nổi tình cảm như trước đây nữa, nó bỗng kêu hét lên “Ba..., vừa kêu vừa chạy xô đến nhanh như một con sóc, nó chạy thót lên và dang hai tay ôm chặt lấy cổ ba nó,” Nó hôn ba nó cùng khắp. Nó hôn

tóc,hôn cổ,hôn vai, hôn cả vết sẹo dài trên má của ba nó nữa.Tiếng kêu Ba từ sâu thẳm trái tim bé Thu,tiếng gọi mà ba nó đã dùng mọi cách để ép nó gọi trong mấy ngày qua,tiếng gọi ba gần gũi lần đầu tiên trong đời nó như thể nó là đứa trẻ mới bi bô tập nói,tiếng gọi mà ba nó tha thiết được nghe một lần.Bao nhiêu mơ ước,khao khát như muốn vỡ òa ra tring một tiếng gọi cha.Tiếng gọi ấy không chỉ khiến ba nó bật khóc mà còn mang một giá trị thiêng liêng với nó.Lần đầu tiên nó cảm nhận mơ hồ về niềm sung sướng của một đứa con có cha.Dường như bé Thu đã lớn lên trong đầu óc non nớt của nó.Ngoài bút nhà văn khẳng định một nhân vật giàu tình cảm,có cá tính mạnh mẽ,kiên quyết nhưng vẫn hồn nhiên, ngây thơ: Nhân vật bé Thu.

Không chỉ khắc họa thành công nhân vật bé Thu, truyện ngắn Chiếc lược ngà ca ngợi tình cha con sâu đậm mà đẹp đẽ. Bên cạnh hình ảnh bé Thu, hình ảnh ông Sáu được giới thiệu là người lính chiến tranh, vì nhiệm vụ cao cả mà phải tham gia chiến đấu, bỏ lại gia đình, quê hương, và đặc biệt ông là người yêu con tha thiết. Sau gần năm năm tham gia kháng chiến, ông Sáu vẫn luôn nung nấu khao khát cháy bỏng là được gặp con và nghe con gọi một tiếng cha. Nhưng cái ngày gặp lại con thì lại nảy sinh một nỗi éo le là bé Thu không nhận cha. Ông Sáu càng muốn gần gũi thì dường như sự lạnh lùng, bướng bỉnh của con bé làm tổn thương những tình cảm da diết nhất trong lòng ông. Còn gì đau đớn hơn một người cha giàu lòng thương con mà bị chính đứa con gái ấy từ chối. Có thể coi việc bé Thu hất cái trứng ra khỏi chén như một ngòi nổ làm bùng lên những tình cảm mà bấy lâu nay ông dồn nén, chứa chất trong lòng. Có lẽ ông biết rằng mình cũng không đúng vì suốt bảy năm trời chẳng thể về thăm con,chẳng làm gì được cho con, nên nhân những ngày này ông muốn bù đắp cho con phần nào. Giá gì không có cái bi kịch ấy, giá gì bé Thu nhận ra ông Sáu sớm hơn, thì có thể ông Sáu và bé Thu sẽ có nhiều thời gian vui vẻ, hạnh phúc. Nhưng sợ rằng một câu chuyện như vậy sẽ chẳng thể gây được cảm động cho người đọc với những xúc cảm khác nhau, có lúc dồn nén, có lúc lại thương xót, có lúc lại mừng mừng tủi tủi cho ông Sáu khi mà bé Thu cất tiếng gọi Ba”, tiếng gọi muồn màng nhưng lại có ý nghĩa đẹp đẽ! Ai có thể ngờ được một người lính dạn dày nơi chiến trường,quen với cái chết cận kề lại là người vô cùng yếu mềm

trước con gái mình. Những giọt nước mắt hiếm hoi của một cuộc đời từng trải nhiều gian khổ vất vả, song lại rơi khi lần đầu tiên ông cảm nhận được sự ấm áp của cha con thực sự! (“Không ghìm được xúc động và không muốn cho con thấy mình khóc, anh Sáu một tay ôm con, một tay rút khăn lau nước mắt).” Ba về! Ba mua cho con một cây lược nghe ba!”, đó là mong ước đơn sơ của con gái bé bỏng trong giây phút cha con từ biệt. Nhưng đối với người cha thì đó là mơ ước đầu tiên và duy nhất, cho nên nó cứ thôi thúc trong lòng ông. Tình cảm ông Sáu dành cho bé Thu trở nên thiêng liêng, cao cả và mãnh liệt hơn biết bao khi ông tự tay làm chiếc lược ngà cho con. Khi ông Sáu túm được khúc ngà sung sướng như trẻ con vớ được quả. Ông thận trọng tỉ mỉ, Ông gò lưng khắc từng nét. Một loạt hành động cảm động như khẳng định tình cha con sâu đậm. Tất cả tình yêu, nỗi nhớ con dồn cả vào công việc làm chiếc lược ấy. Ông nâng niu chiếc lược như nâng niu đứa con bé nhỏ của mình. Lòng yêu con đã biến một người chiến sỹ trở thành một nghệ nhân sáng tạo tài tình, dù chỉ sáng tạo một tác phẩm duy nhất trong đời. Cuối truyện có chi tiết ông Sáu đưa tay vào túi, móc lấy cây lược, đưa cho bác Ba và nhìn một hồi lâu. Ông Sáu hi sinh mà không kịp trăng trối điều gì, chỉ có một ánh mắt với niềm ước nguyện cháy bỏng mong người bạn của mình sẽ là người thực hiện nốt lời hứa duy nhất của mình với con. Tình cảm của ông Sáu khiến người ta phải thấy ấm lòng và cảm động sâu sắc.

Người mất, người còn nhưng kỷ vật duy nhất, gạch nối giữa cái mất mát và sự tồn tại, chiếc lược ngà vẫn còn ở đây. Chiếc lược ngà là kết tinh tình phụ tử mộc mạc, đơn sơ mà đầm thắm, kỳ diệu, là hiện hữu của tình cha con bất tử giữa ông Sáu và bé Thu; và là minh chứng chứng kiến lòng yêu thương vô bờ bến của ông Sáu với con. Có thể chiếc lược ấy chưa chải được mái tóc của bé Thu nhưng lại gỡ rối được tâm trạng của ông. Chiếc lược ngà xuất hiện đánh dấu một kết cấu vòng tròn cho câu chuyện, và cũng là bài ca đẹp tồn tại vĩnh cửu của tình cha con.

Cái mất mát lớn nhất mà thiên truyện nhắc đến là những người đã khuất, là tổ ấm gia đình không còn trọn vẹn. (Người đọc có thể bắt gặp tình huống này một lần nữa ở truyện Chuyện người con gái Nam Xương). Đó thật sự là tội ác, những đau

thương mất mát mà chiến tranh tàn bạo đã gây ra. Chính chiến tranh đã làm cho con người phải xa nhau, chiến tranh làm khuôn mặt ông Sáu biến dạng, chiến tranh khiến cuộc gặp gỡ của hai cha con vô cùng éo le, bị thử thách, rồi một lần nữa chiến tranh lại khắc nghiệt để ông Sáu chưa kịp trao chiếc lược ngà đến tận tay cho con mà đã phải hi sinh trên chiến trường. Câu chuyện như một lời tố cáo chiến tranh phi nghĩa gây đổ máu vô ích, làm nhà nhà li tán, người người xa nhau vĩnh viễn. Song cái chúng ta thấy lại không có sự bi lụy mà là sức mạnh, lòng căm thù đã biến Thu trở thành một cô giao liên dũng cảm, mạnh mẽ, đã gắn bó với cuộc đời con người mất mát xích lại gần nhau để cùng đứng lên hát tiếp bài ca chiến thắng,

Chiếc lược ngà như một câu chuyện cổ tích hiện đại, thành công trong việc xây dựng hình tượng bé Thu và gửi gắm thông điệp đẹp về tình cha con. Nhân vật ông Ba- người kể chuyện hay chính là nhà văn Nguyễn Quang Sáng, phải là người từng trải, sống hết mình vì cách mạng kháng chiến của quê hương, gắn bó máu thịt với những con người giàu tình yêu, nhân hậu mà rất kiên cường, bất khuất, nhà văn mới có thể nhập hồn được vào các nhân vật, sáng tạo nhiều hình tượng với các chi tiết sinh động, bất ngờ, hơn nữa lại có giọng văn dung dị, cảm động!

Chiến tranh là hiện thực đau xót của nhân loại, nhưng từ chính trong gian khổ khốc liệt, có những thứ tình cảm đẹp vẫn nảy nở: tình đồng chí, tình yêu đôi lứa, tình cảm gia đình, và cả tình của một người cha với con gái. Truyện ngắn Chiếc lược ngà là một áng văn bất hủ ca ngợi tình phụ tử giản dị mà thiêng liêng, với những con người giàu tình cảm và đẹp đẽ, như nhân vật bé Thu.

Bài 3: Bài thơ "Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ" của nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm đã thể hiện tình yêu thương con gắn với lòng yêu nước gắn với tinh thần chiến đấu của người mẹ miền Tây Thừa Thiên bằng những khúc ru nhịp nhàng, mang giọng điệu ngọt ngào trù mấn". Hãy làm rõ nhận định trên.

Bài làm

Bài thơ " Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ" của Nguyễn Khoa Điềm ra đời ngay tại chiến khu Trị-Thiên, trong những ngày kháng chiến chống Mỹ đang dần đến thắng lợi nhưng vẫn còn vô cùng gian khổ. Nhà thơ đã tận mắt chứng kiến hình ảnh những bà mẹ Tà- ôi già gạo nuôi bộ đội đánh Mỹ, để cảm xúc từ hiện thành những vần thơ có sức lay động mãnh liệt . Bài thơ "thể hiện tình yêu thương con gắn với lòng yêu nước, với tinh thần chiến đấu của người mẹ miền tây Thừa Thiên bằng những khúc ru nhẹ nhàng, mang giọng điệu nhịp nhàng, trù mấn".

Người mẹ trong thi ca từ sau Cách mạng tháng Tám luôn là hình tượng trung tâm, có sự phát triển về tầm vóc, về chiều sâu tình cảm, tư tưởng hài hoà riêng chung. Từ những người mẹ trong thơ Tố Hữu thời kỳ kháng chiến chống Pháp như bà Bầm, bà Bủ, bà mẹ Việt Bắc đến người mẹ trong "Tiếng hát con tàu" của Chế Lan Viên, chúng ta đã từng được cảm nhận sự gắn kết giữa người mẹ với cách mạng và kháng chiến. Đến thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, với tính chất quyết liệt, gian khổ, chúng ta từng gặp những vẻ đẹp như hình tượng người mẹ đào hầm giấu hàng sư đoàn dưới đất ở "Đất quê ta mệnh mông" của nhà thơ Dương Hương Ly. Có thể nói, hình tượng người mẹ trong bài thơ của Nguyễn Khoa Điềm là sự kế thừa tốt đẹp những đặc trưng người mẹ quê hương - người mẹ chiến sĩ, tập trung những cảm xúc trong trẻo nhất của nhà thơ, gọi về vẻ đẹp tâm hồn của đồng bào dân tộc theo kháng chiến . Không phải ngẫu nhiên khi phổ nhạc bài thơ này, nhạc sĩ Trần Hoàn đã đặt lại tựa đề là "Lời ru trên nương", bởi lẽ chính lời ru đã làm thành cấu tứ của bài thơ dẫn dắt ta vào một thế giới mang đậm bản sắc riêng của người Tà-ôi. Bài thơ như là minh chứng của tấm lòng đồng bào dân tộc một lòng tin theo Đảng, thương con, thương bộ đội, thương yêu núi rừng nương rẫy làng bản,

thương đất nước. Tình thương thành điệp khúc xuyên suốt theo nhịp chày của mẹ :

Em cu Tai ngủ trên lưng mẹ ơi

Em ngủ cho ngoan đừng rời lưng mẹ

Có lẽ đây là lời của nhà thơ, hàm chứa bao trù mến dành cho chú bé Tà-ôi như muốn góp thêm bao thương mến hoà cùng khúc ru của mẹ. Hình ảnh trong kháng chiến chống Pháp của nhà thơ Tố Hữu :

Nhớ người mẹ nắng cháy lưng

Địu con lên rẫy bẻ từng bắp ngô

Người mẹ chống Pháp và người mẹ chống Mỹ có những điểm tương đồng trong công việc. Nhưng ở Nguyễn Khoa Điềm, hình ảnh thơ này không xuất phát từ nỗi nhớ mà được cất lên ngay giữa hiện thực chống Mỹ. Nét đẹp của hình tượng được khơi lên từ tính chất công việc "Mẹ già gạo mẹ nuôi bộ đội". Người mẹ được khắc hoạ trong từng chi tiết sống động nhất, nổi bật với tứ thơ thật đẹp :

Nhịp chày nghiêng, giấc ngủ em nghiêng.

Tưởng như trong động tác của mẹ cũng đã ngân lên nhịp điệu ru ngọt ngào và nhịp đưa em đều đặn an bình như trên một cánh võng êm. Tác giả hoàn toàn không thi vị hóa mà bằng ngòi bút tả thực giúp người đọc nhận ra : mồ hôi mẹ nóng hổi, vai mẹ gầy - bao vất vả như đọng cả trên đôi vai mẹ. Mỗi khúc ru hiện lên hình ảnh mẹ trong nhiều tư thế cũng như công việc khác nhau : già gạo, tía bắp, chuyển lán, đập rừng,...như hoàn chỉnh bức chân dung lao động khoẻ khoắn cũng như niềm hân hoan được hòa vào những công việc kháng chiến. Không những thế, qua những hình ảnh này, ta còn hình dung một nhịp sống bình thản của những người dân và cán bộ chiến sĩ ở chiến khu chống Mỹ. Mặc dù, trong thực tế, đây là nơi hứng chịu rất nhiều bom đạn kẻ thù và luôn phải đương đầu với những cuộc hành quân lùng sục "tìm và diệt", càn quét hòng xoá sạch dấu tích của vùng chiến khu đầu mối Bắc Nam này. Cuộc sống khó khăn thiếu thốn đòi hỏi phải tự cung tự cấp, tăng gia sản xuất , bảo đảm nuôi dân đánh giặc. Hình ảnh người mẹ già gạo khiến ta lại liên tưởng đến những nhịp chày trong bài hát " Tiếng chày trên sóc Bom Bo" của cô nhạc sĩ Xuân Hồng. Ở đâu cũng vậy, khi cách mạng được bao bọc, chăm chút

bằng tất cả tình cảm yêu nước của nhân dân, khi biết dựa vào dân thì không sức mạnh tàn bạo nào của kẻ thù có thể khuất phục được.

Gạo dùng để nuôi quân, mẹ lại lên tía bắp, cùng với a-kay. Đằng sau hành động đó lại ẩn chứa vẻ đẹp của sự hy sinh nhường cơm sẻ áo cho người cách mạng. Lòng mẹ bao dung lại được cảm nhận bằng tình cảm thương mến của nhà thơ :

Lung núi thì to mà lưng mẹ nhỏ
Em ngủ ngoan em đừng làm mẹ mỏi
Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi
Mặt trời của mẹ, em nằm trên lưng.

Lời thơ thật dịu dàng như ru sâu thêm giấc ngủ cho em cu Tai, như muốn sẻ chia những vất vả nhọc nhằn trong công việc của mẹ. Không gian mênh mông của vùng rừng núi tây Thừa Thiên như mở ra với ánh mặt trời lan toả khắp núi đồi. Nổi bật giữa khung cảnh là người mẹ Tà-ôi với công việc cần mẫn. Nhưng mẹ không hề đơn độc chính vì có mặt trời của mẹ - em cu Tai đang ngon giấc. Với cách ví von đặc sắc này, nhà thơ đã tạo nên liên tưởng về mối quan hệ mật thiết của con người với núi rừng, nương rẫy. Không có tình cảm gắn bó, không thể tạo được liên tưởng thú vị giữa hạt bắp với con nằm trên lưng. Mặt trời không gợi ra cảm giác về độ nóng, độ chói mà trở thành hình tượng biểu trưng cho nguồn sống mạnh mẽ. Mặt trời của bắp đem lại hạt nảy mầm, hạt chắc. Mặt trời của mẹ - em cu Tai là hạnh phúc, nguồn sống của mẹ. Những chú bé Tà-ôi được tắm trong ánh sáng sẽ trở nên vạm vỡ săn chắc, ánh mặt trời hào phóng ban tặng cho mẹ những đứa con khỏe mạnh của núi rừng. Hình tượng sáng tạo của Nguyễn Khoa Điềm đã đem lại những rung cảm thẩm mỹ đặc biệt.

Người đọc còn nhận ra tấm lòng mẹ mênh mông trong hình ảnh mẹ con không cách xa : "Lung đưa nôi và tim hát thành lời". Lời tim ngân nga suốt ba đoạn thơ thành điệp khúc dạt dào thương mến :

Ngủ ngoan a-kay ơi, ngủ ngoan a-kay hỡi
Mẹ thương a-kay...

Khởi nguồn của mọi hành động cao cả bắt đầu từ tình yêu bình dị nhất. Điểm xuất phát

của lời ru chính từ tấm lòng mẹ thương a-kay vô bờ bến này ! Còn tình thương nào bình dị, gần gũi mà sâu sắc bằng tình mẹ thương con? Âm vang lòng mẹ cất thành lời ru, thành lời thơ đầy xúc cảm của Nguyễn Khoa Điềm. Với những chiều liên tưởng gần bó trực tiếp với từng công việc của mẹ, bộc lộ vẻ đẹp rất giản dị mà cao cả. Mẹ thương a-kay ! - Rất ngắn gọn nhưng cũng rất đầy đủ, đẹp đẽ - vẻ đẹp tâm hồn mẹ. Hơn thế nữa, đó là xuất phát điểm của những tình cảm thời đại : mẹ thương bộ đội. Có ranh giới nào của tình thương rất đậm ấm ấy không ?

Sự sống của a-kay cũng là tương lai của buôn làng. Bởi thế, cũng rất tự nhiên khi mẹ thương a-kay, mẹ thương làng đói. Cuộc sống của người Tà-ôi những năm chống Mỹ còn bao cơ cực, thiếu thốn nhưng sức mạnh của tình thương sẽ giúp người mẹ vượt lên tất cả. Bàn tay mẹ cần mẫn tĩa bắp, gieo mầm sự sống với niềm mong mỏi thật bình dị : hạt bắp lên đều. Núi rừng, làng buôn và đứa con thân thương vô cùng với tâm hồn mẹ. Tình cảm yêu thương ấy còn thăng hoa trong những ước mơ về sự sống buôn làng. Đẹp thay và cũng dạt dào thương mến là lời thơ : "Con mơ cho mẹ ... hạt gạo trắng ngần, hạt bắp lên đều". Giấc mơ giản dị truyền sang em cu Tai còn chứa đựng niềm mong ước về tương lai của con :

Mai sau con lớn vùng chày lún sân

.....Mai sau con lớn phát mười ka lui

Hình ảnh gắn với tương lai của con thật kỳ vĩ, như mang theo sức mạnh của các nhân vật sử thi huyền thoại. Ước vọng về con làm nên sức mạnh, sự bền bỉ của mẹ. Đồng thời còn hội tụ cả sức mạnh cộng đồng từ quá khứ đến hiện tại gắn với tinh thần cuộc kháng chiến lâu dài, vượt qua bao sóng gió thử thách.

Cảm hứng của khúc ru cuối gắn với hiện thực khốc liệt và khản trương của cuộc kháng chiến chống Mỹ, với nhịp sống chiến khu Trị Thiên. Hình ảnh của mẹ trong đoạn thơ này có sự thay đổi, không phải trong một dáng chênh chao trong nhịp chày nghiêng, không lặng thầm nhẩn nại gieo từng hạt giống mà rất dứt khoát, mạnh mẽ :

Mẹ đi chuyển lán, mẹ đi đập rừng

Dáng vẻ con người được tô đậm qua hai động từ "đi" gọi tư thế chủ động với những

công việc tiếp sức chiến đấu : chuyển lán, đập rừng như hàm chứa ý thức tự hào của người Tà-ôi làm chủ vùng núi rừng của ta. Con người trong tư thế đối mặt với kẻ thù, quyết tâm chiến đấu giữ đất, giữ rừng. Kẻ thù với dã tâm "đuổi ta phải rời con suối", người Tà-ôi vẫn một dạ kiên trung ! Không chỉ có mẹ, mà anh trai cầm súng, chị gái cầm chông và em cu Tai cũng theo mẹ vào trận cuối. Những câu thơ hùng hực tinh thần bất khuất của người dân tộc miền tây Thừa Thiên, đem lại cảm hứng lạc quan của cuộc chiến đấu chống Mỹ. Sự trưởng thành của mỗi con người từ nhận thức đến hành động đã được khẳng định bằng hai câu thơ thật khoẻ khoắn :

Từ trên lưng mẹ, em đến chiến trường

Từ trong đói khổ, em vào Trường Sơn

Tinh thần của bao thế hệ người Tà-ôi theo cách mạng đã truyền cả sang a-kay, dạt dào một niềm tin, khẳng định dứt khoát con đường em đi sẽ hoà vào đội ngũ chiến đấu với ý chí quyết thắng. Đó là cơ sở cho ước mơ thật đẹp :

Con mơ cho mẹ được thấy Bác Hồ

Mai sau con lớn làm người Tự do.

Trong tình cảm của người Tà-ôi cũng như của những đứa con chiến đấu chống Mỹ, Bác Hồ luôn là nguồn động viên, là biểu tượng sáng chói của cách mạng, của chiến thắng. Bởi vậy, mong ước được gặp Bác luôn là cảm xúc thường trực, dù cho thời điểm viết bài thơ này là năm 1971. Bởi lẽ, chỉ có thống nhất, mẹ mới được ra với Bác. Giấc mơ đẹp gắn liền với ước nguyện giành lại trọn vẹn non sông, thoả lòng Bác mong. Lời ru kết lại cùng hình tượng em cu Tai của tương lai là người Tự do của một đất ước hoà bình. Đó cũng chính là ước mong chung của nhân dân, của những người Việt Nam yêu nước.

"Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ" đã tạo được những cảm xúc đồng điệu với bao con người miền Nam anh dũng thời chống Mỹ, nói lên trọn vẹn vẻ đẹp và tâm tư của người dân tộc miền Tây Thừa Thiên trung dũng kiên cường, thuỷ chung với cách mạng. Cảm xúc bình dị trong sáng với hình tượng người mẹ đã làm nên sức hấp dẫn riêng của tác phẩm. Từ ngôn ngữ đến hình ảnh thơ đều đậm chất dân tộc, đem đến cho người đọc những cảm nhận đặc biệt thương mến cùng hoà theo lời ru cho giấc ngủ thanh

bình của em bé Tà-ôi. Bài thơ toát lên tinh thần lạc quan cách mạng , kết đọng những ân tình sâu lắng của nhà thơ về nhân dân đất nước, cũng như niềm tin vào thắng lợi cuối cùng của cuộc kháng chiến chống Mỹ.

Niềm tin ngày ấy giờ đây đã thành hiện thực. Em cu Tai ngày ấy giờ đây cũng đã trưởng thành và sống làm người tự do như niềm mong mỏi ngày nào tha thiết trong lời ru của mẹ. Nhưng lời ru ngày ấy vẫn còn sức vang ngân trong lòng bao thế hệ, bồi đắp tình yêu quê hương đất nước, con người Việt Nam.

Bài 4: Phân tích bài thơ Đồng chí của Chính Hữu

Bài làm

Nói đến thơ trước hết là nói đến cảm xúc và sự chân thành. Không có cảm xúc, thơ sẽ không thể có sức lay động hồn người, không có sự chân thành chút hồn của thơ cũng chìm vào quên lãng. Một chút chân thành, một chút lãng mạn, một chút âm vang mà Chính Hữu đã gieo vào lòng người những cảm xúc khó quên. Bài thơ "Đồng chí" với nhịp điệu trầm lắng mà như ấm áp, tươi vui; với ngôn ngữ bình dị dường như đã trở thành những vần thơ của niềm tin yêu, sự hy vọng, lòng cảm thông sâu sắc của một nhà thơ cách mạng. Phải chăng, chất lính đã thấm dần vào chất thơ, sự mộc mạc đã hòa dần vào cái thi vị của thơ ca tạo nên những vần thơ nhẹ nhàng và đầy cảm xúc?

Trong những năm tháng kháng chiến chống thực dân Pháp gian lao, lẽ đương nhiên, hình ảnh những người lính, những anh bộ đội sẽ trở thành linh hồn của cuộc kháng chiến, trở thành niềm tin yêu và hy vọng của cả dân tộc. Mở đầu bài thơ "Đồng chí", Chính Hữu đã nhìn nhận, đã đi sâu vào cả xuất thân của những người lính:

"Quê hương anh đất mặn đồng chua

Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá"

Sinh ra ở một đất nước vốn có truyền thống nông nghiệp, họ vốn là những người nông dân mặc áo lính theo bước chân anh hùng của những nghĩa sĩ Cần Giuộc năm xưa. Đất nước bị kẻ thù xâm lược, Tổ quốc và nhân dân đứng dưới một trời áp bức. "Anh" và "tôi", hai người bạn mới quen, đều xuất thân từ những vùng quê nghèo khó. Hai câu thơ vừa như đối nhau, vừa như song hành, thể hiện tình cảm của những người lính. Từ những vùng quê nghèo khổ ấy, họ tạm biệt người thân, tạm biệt xóm làng, tạm biệt những bãi mía, bờ dâu, những thảm cỏ xanh mướt màu, họ ra đi chiến đấu để tìm lại, giành lại linh hồn cho Tổ quốc. Những khó khăn ấy dường như không thể làm cho những người lính chùn bước:

"Anh với tôi đôi người xa lạ

Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau

Súng bên súng, đầu sát bên đầu

Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ

Họ đến với Cách mạng cũng vì lý tưởng muốn dâng hiến cho đời. "Sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình". Chung một khát vọng, chung một lý tưởng, chung một niềm tin và khi chiến đấu, họ lại kề vai sát cánh chung một chiến hào

Dường như tình đồng đội cũng xuất phát từ những cái chung nhỏ bé ấy. Lời thơ như nhanh hơn, nhịp thơ dồn dập

hơn, câu thơ cũng trở nên gần gũi hơn:

"Súng bên súng đầu sát bên đầu

Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ

Đồng chí !..."

Một loạt từ ngữ liệt kê với nghệ thuật điệp ngữ tài tình, nhà thơ không chỉ đưa bài thơ lên tận cùng của tình cảm mà sự ngắt nhịp đột ngột, âm điệu hơi trầm và cái âm vang lạ lùng cũng làm cho tình đồng chí đẹp hơn, cao quý hơn. Câu thơ chỉ có hai tiếng nhưng âm điệu lạ lùng đã tạo nên một nốt nhạc trầm ấm, thân thương trong lòng người đọc. Trong muôn vàn nốt nhạc của tình cảm con người phải chăng tình đồng chí là cái cung ài bthoặc cũng cao đẹp như nhất, mãnh liệt và mai hơn nhất..Dường.Nhịp thơ như của Chính bài Hữuthơ như đã thnhệo

vn hàng ào linh hơn, ồn hơicủa thỏ bài củathơ tình đồng chí keo sơn, gắn bó và một âm vang bất diệt làm cho bài thơ mãi trở thành một phần đẹp nhất trong thơ Chính Hữu.

Hồi ức của những người lính, những kỉ niệm riêng tư quả là bất tận:

"Ruộng nương anh gửi bạn thân cày

Gian nhà không mặc kệ gió lung lay"

Cái chất nông dân thuần phác của những anh lính mới đáng quý làm sao ! Đối với những người nông dân, ruộng nương, nhà cửa những thứ quý giá nhất. Họ sống nhờ vào đồng ruộng, họ lớn lên theo câu hát ầu ơ của bà của mẹ. Họ lớn lên trong những "gian nhà không mặc kệ gió lung lay". Tuy thế, họ vẫn yêu, yêu lắm chứ những mảnh đất thân quen, những mái nhà thân thuộc.....Nhưng...họ đã vượt qua chân trời của cái tôi bé nhỏ

để đến với chân trời của tất cả. Đi theo con đường ấy là đi theo khát vọng, đi theo tiếng gọi yêu thương của trái tim yêu nước. Bỏ lại sau lưng tất cả những bóng hình của quê hương vẫn trở thành nỗi nhớ khôn nguôi của mỗi người lính. Dẫu rằng" mặc kệ" nhưng trong lòng họ vị trí của quê hương vẫn bao trùm như muốn ôm ấp tất cả mọi kỉ niệm. Không liệt kê, cũng chẳng phải lối đảo ngữ thường thấy trong thơ văn, nhưng hai câu thơ cũng đủ sức lay động hồn thơ, hồn người:

"Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính"

Sự nhớ mong chờ đợi của quê hương với những chàng trai ra đi tạo cho hồn quê có sức sống mãnh liệt hơn. Nhà thơ nhân hóa" giếng nước gốc đa" cũng có nỗi nhớ khôn nguôi với những người lính. Nhưng không kể những vật vô tri, tác giả còn sử dụng nghệ thuật hoán dụ để nói lên nỗi nhớ của những người ở nhà, nỗi ngóng trông của người mẹ đối với con, những người vợ đối với chồng và những đôi trai gái yêu nhau..... Bỏ lại nỗi nhớ, niềm thương, rời xa quê hương những người lính chiến đấu trong gian khổ:

"Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh
Sốt run người vàng trán đẫm mồ hôi
áo anh rách vai
Quần anh có vài mảnh vá
Miệng cười buốt giá
Chân không giày"

Câu thơ chậm chậm vang lên nhưng lại dứt quãng, phải chăng sự khó khăn, vất vả, thiếu thốn của những người lính đã làm cho nhịp thơ Chính Hữu sâu lắng hơn. Đất nước ta còn nghèo, những người lính còn thiếu thốn quân trang, quân dụng, phải đối mặt với sốt rét rừng, cái lạnh giá của màn đêm.....Chỉ đôi mảnh quần vá, cái áo rách vai, người lính vẫn vững lòng theo kháng chiến, mặc dù nụ cười ấy là nụ cười giá buốt, lặng câm. Tình đồng đội quả thật càng trong gian khổ lại càng tỏa sáng, nó gần gũi mà chân thực, không giả dối, cao xa....Tình cảm ấy lan tỏa trong lòng của tất cả những người lính. Tình đồng

chí:

"Là hớp nước uống chung, năm cơm bẻ nửa
Là chia nhau một trưa nắng, một chiều
mưa Chia khắp anh em một mẫu tin nhà
Chia nhau đứng trong chiến hào chật hẹp
Chia nhau cuộc đời, chia nhau cái chết"
(Nhớ- hồng Nguyên)

Một nụ cười lạc quan, một niềm tin tất thắng, một tình cảm chân thành đã được Chính Hữu cô lại chỉ với nụ cười - biểu tượng của người lính khi chiến đấu, trong hòa bình cũng như khi xây dựng Tổ quốc, một nụ cười ngạo nghễ, yêu thương, một nụ cười lạc quan chiến thắng...

"Đêm nay rừng hoang sương muối
Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới"

Nhịp thơ đều đều 2/2/2 - 2/2/3 cô đọng tất cả nét đẹp của những người lính. Đó cũng chính là vẻ đẹp ngời sáng trong gian khổ của người lính. Vượt lên trên tất cả, tình đồng đội, đồng chí như được sưởi ấm bằng những trái tim người lính đầy nhiệt huyết. Vẫn đứng canh giữ cho bầu trời Việt Nam dù đêm đã khuya, sương đã xuống, màn đêm cũng chìm vào quên lãng. Hình ảnh người lính bỗng trở nên đẹp hơn, thơ mộng hơn. Đứng cạnh bên nhau sẵn sàng chiến đấu. Xem vào cái chân thực của cả bài thơ, câu thơ cuối cùng vẫn trở nên rất nên thơ:

" Đầu súng trăng treo"

ánh trăng gần như gắn liền với người lính:

Hồi chiến tranh ở rừng
Vầng trăng thành tri kỉ"

(ánh trăng- Nguyễn Duy)

Một hình ảnh nên thơ, lãng mạn nhưng cũng đậm chất chân thực, trữ tình. Một sự quyện hòa giữa không gian, thời gian, ánh trăng và người lính. Cái thực đan xen vào cái mộng, cái dũng khí chiến đấu đan xen vào tình yêu làm cho biểu tượng người lính không những chân thực mà còn rực rỡ đến lạ kì. Chất lính hòa vào chất thơ, chất trữ tình hòa vào chất Cách mạng, chất thép hòa vào chất thi ca. Độ rung động và xao xuyến của cả bài thơ có lẽ chỉ nhờ vào hình ảnh ánh trăng này. Tình đồng chí cũng thế, lan tỏa trong không gian, xoa dịu nỗi nhớ, làm vơi đi cái giá lạnh của màn đêm. người chiến sĩ như cất cao tiếng hát ngợi ca tình đồng chí. Thiêng liêng biết nhường nào, hình ảnh những người lính, những anh bộ đội cụ Hồ sát cạnh vai nhau " kề vai sát cánh" cùng chiến hào đấu tranh giành độc lập.

Quả thật, một bài thơ là một xúc cảm thiêng liêng, là một tình yêu rộng lớn, trong cái lớn lao nhất của đời người. Gặp nhau trên cùng một con đường Cách mạng, tình đồng chí như được thắt chặt hơn bằng một sợi dây yêu thương vô hình.

Bài thơ " Đồng chí" với ngôn ngữ chân thực, hình ảnh lãng mạn, nụ cười ngạo nghễ của các chiến sĩ đã lay động biết bao trái tim con người. Tình đồng chí ấy có lẽ sẽ sống mãi với quê hương, với Tổ quốc, với thế hệ hôm nay, ngày mai hay mãi mãi về sau

.....

Bài 5: Phân tích xung đột kịch trong tác phẩm "Bắc Sơn" của Nguyễn Huy Tưởng để làm rõ quá trình chuyển biến của nhân vật Thơm theo cách mạng.

Bài làm

Bắc Sơn là vở kịch nổi tiếng của nhà văn Nguyễn Huy Tưởng, là tác phẩm mở đầu của kịch nói cách mạng. Tác phẩm đã giúp chúng ta hiểu về ý nghĩa cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn và sức mạnh cảm hoá của cách mạng với quần chúng. Đoạn trích hồi IV của vở kịch Bắc Sơn đã tạo được những xung đột kịch điển hình, qua đó tái hiện sinh động chân dung các chiến sĩ cách mạng và tấm lòng của Thơm - nhân vật trung tâm của

vở kịch.

Thơm là con của cụ Phương và là chị của Sáng, hai chiến sĩ tham gia vào khởi nghĩa Bắc Sơn. Nhưng cô còn là vợ của Ngọc, một tên Việt gian đã dẫn quân Pháp về tấn công làng Vũ Lăng, đại bản doanh của cuộc khởi nghĩa, gây thiệt hại nặng nề cho cách mạng. Trong trận chiến đấu không cân sức, cụ Phương và Sáng đã hy sinh anh dũng. Ngọc cố tình che giấu vợ về hành động theo giặc vì hấn sợ bị trừng trị. Mặt khác, hấn lại ôm tham vọng có thật nhiều tiền thưởng của Pháp vì thành tích bắt cán bộ. Một tình huống trở trêu đầy bất ngờ khi những người bị hấn lòng bắt là Thái và Cửu lại lọt vào chính ngôi nhà của vợ chồng Thơm - Ngọc. Chính trong thời điểm này, người xem được chứng kiến một sự chuyển biến dứt khoát của Thơm, mưu trí đánh lừa Ngọc, bảo vệ an toàn cho các chiến sĩ cách mạng.

Màn kịch bắt đầu bằng những đối thoại giữa Thơm và Ngọc. Lúc này, qua lời đồn đãi, Thơm đã bắt đầu nghi ngờ Ngọc làm tay sai cho giặc Pháp. Bản tính của một người vợ yêu chồng, nhẹ dạ cả tin và trong sáng khiến cho đến tận lúc ấy cô không hề tin vào những dư luận chung quanh. Cộng vào đó, Ngọc vốn là kẻ xảo trá và khéo nịnh vợ nên cô nàng không có cơ sở để nghi cho Ngọc là kẻ phản động. Những lời nói lấp lửng của Ngọc cho thấy hấn cố tình che giấu và chột dạ lo sợ hành động gian manh của mình bị

phát giác. Khi Thơm nhìn, hấn đã hoảng hốt : "Mắt cứ như mắt chú đây !" (chú tức là cụ Phương - bố của Thơm). Khi Thơm tỏ ý nghi Ngọc đi bắt giáo Thái - chiến sĩ Bắc Sơn đang bị giặc truy lùng, hấn đã lu loa lấp liếm bằng những lời nói đánh trống lảng. Nhưng chính thái độ của hấn đã vạch trần bản chất hèn nhát và gian xảo : "Thơm nhìn chồng, vô thức y quay mặt nhìn đi chỗ khác". Dù từ trước đó, Thơm cũng là con người thờ ơ với thời cuộc , an phận thủ thường, nhưng bản thân cô không thể không chịu tác động của cha và em trai, biết việc đánh Tây là đúng đắn. Bởi thế, gặp ánh mắt của Ngọc lảng tránh, cô nói thẳng : "Đã làm rồi, thì thôi đi, hay ho gì cái việc ấy". Lời nói ấy cho thấy Thơm là một con người sẵn sàng khoan dung, tha thứ nhưng không chấp nhận chồng là một kẻ xấu xa. Ngọc là kẻ có nhiều tham vọng, bị đồng tiền làm mờ mắt và dựa vào thế lực của Pháp hòng kiếm chác danh vị giàu sang. Có lúc, Thơm đã tận hưởng những cảm dỗ vật chất Ngọc đem lại, nhưng giờ phút này, nàng đã dần dần thấy rõ hơn bộ mặt thật của Ngọc và những đồng tiền nhơ nhuốc hấn đem về. Bởi vậy, cô rất dứt khoát : "Làm việc ấy để có tiền thì chết đói, chết rách còn hơn. Anh thằng Sáng đừng cho tôi tiền nữa, tôi không cần tiền ấy". Nhưng Ngọc cũng thể hiện sự gian xảo, mập mờ khi tung hoả mù lừa Thơm bằng việc vu khống trắng trợn giáo Thái là mật thám. Bởi thế, lòng Thơm hoang mang chưa quyết, lẫn lộn trắng đen. Bản thân cô hấn phải mong muốn lời đồn không là sự thật, nhưng lương tâm và linh tính mách bảo lại khiến cô đau khổ trăm phần. Kết lại lớp kịch thứ nhất của hồi này, ta thấy Thơm cầm trên tay kỷ vật là khẩu súng lục của cha mà khóc. Đó là thái độ ân hận và báo hiệu một sự chuyển biến tích cực cho tính cách nhân vật : "Chú ơi ! Mé ơi ! Chỉ tại con thôi ! Con có biết đâu !". Những xung đột kịch hình thành từ chính sự giằng xé nội tâm của nhân vật, đòi hỏi phải được làm sáng tỏ : "Đã chắc gì những lời đồn !...Nhưng tiền thì lấy đâu mà lắm thế!". Tình huống đầy bất ngờ mở đầu lớp hai của hồi bốn như bổ sung thêm cho thái độ ngả về phía cách mạng của thơm. Màn đối thoại giữa ba nhân vật : Thơm - Thái - Cửu đã làm nên tình huống thử thách. Chính vào thời điểm này, ta nhận ra vai trò của Thái khi ngăn Cửu mạnh động định rút súng bắn Thơm, khi biết vào nhằm nhà của kẻ đang lùng bắt mình. Sự bình tĩnh của người cán bộ dạn dày ấy đã cảm hoá được Thơm. Vì đây là lần

đầu tiên cô được tiếp xúc với nhân vật rất được mọi người tin yêu, ca ngợi. Những gì cô chứng kiến càng khẳng định cho niềm tin vào người cách mạng. Mặc dù Thơm chưa hiểu hết về công việc cách mạng nhưng dầu sao cô cũng là con của một liệt sĩ Bắc Sơn, đó cũng là cơ sở để giáo Thái khẳng định lòng tin : "Tôi biết cô Thơm. Anh đừng nghi ngờ dòng máu cụ Phương. Tôi tin như thế. Nghe giọng nói thì biết là thật hay không thật chứ.". Nhưng điều trớ trêu, vào chính thời điểm ấy, Ngọc đã dắt quân Pháp lùng bắt Thái và Cửu. Tình thế khẩn cấp không cho phép do dự và cũng là lúc Thơm chứng minh cho tấm lòng ngay thẳng của mình. Trong hoàn cảnh ấy, Thơm thể hiện thái độ hốt hoảng, cuống quýt gần như khóc, nghẹn ngào. Tâm trạng ấy không phải là do sợ cho bản thân mà chính là đan xen nỗi lo lắng về sinh mạng những chiến sĩ đang ở trong nhà mình, cùng nỗi uất ức khi thấy tận mắt : "Có cả Tây. Ngọc cũng đi vào đấy". Thơm đã đứng hẳn về phía cách mạng khi hành động ngoan ngoãn và mau lẹ, thân mật như một người em gái để quyết tâm bảo vệ họ. Không chỉ che giấu cho những người cách mạng, Thơm còn phải thể hiện hết sự khôn khéo và bình tĩnh để đánh lạc hướng Ngọc. Trong giờ phút này, khi biết rõ bộ mặt thật của Ngọc, cô đã đóng một vai kịch bất đắc dĩ nhưng cũng rất tinh táo như nhằm vạch rõ chân tướng của Ngọc. Màn đối thoại lần thứ hai giữa Thơm và Ngọc tạo được sự hồi hộp căng thẳng của một cuộc đấu trí. Giờ phút này, không chỉ tìm cách che chở cho những cán bộ cách mạng đang ẩn nấp ngay trong buồng của mình, nói to nhằm đánh động cảnh báo để họ đề phòng kẻ địch, Thơm còn muốn Ngọc bộc lộ chân tướng Việt gian nên cô vờ như muốn níu giữ, vừa tìm cách vuốt ve lòng tự ái của Ngọc. Quả thật, giờ phút này, Ngọc bộc lộ rõ động cơ theo giặc của mình. Hoá ra, chỉ vì những tính toán ích kỷ, cá nhân : mua nhà, tậu ruộng, chạy hàm cửu phẩm để vinh vang với thiên hạ nên Ngọc đã trở thành nô lệ cho chính những tham vọng của mình. Anh ta quả là một con người đáng giận hơn đáng thương. Bởi lẽ, đã có lúc anh ta tự độc thoại để như đáp lại một sự bứt rứt trong lòng, có lẽ vì ân hận trước việc làm của mình đã gây nên cái chết của những người thân yêu của vợ, làm tan cửa nát nhà, nhưng lời lẽ của Ngọc lại là một sự nguy biện : "Đằng nào chúng nó cũng bị bắt, mình chả bắt thì cũng người khác bắt,

bắt sớm lại đỡ khổ". Để rồi cuối cùng, những toan tính nhỏ nhen đã thắng thế trước tình cảm, hẳn không thêm đếm xỉa đến sự quan tâm lo lắng thực sự của Thơm mà sấp ngửa chạy theo ảo vọng giàu sang. Bởi thế, dù lời lẽ của Thơm có xa xăm, bóng gió, nhằm cảm hoá Ngọc cũng không ngăn cản nổi anh ta, cuối cùng, cô phải bộc lộ thái độ sốt ruột cùng lời nói sảng như muốn tách xa khỏi Ngọc. Dù vậy, bề ngoài vẫn phải tỏ ra vui vẻ để tránh sự sinh nghi. Có thể nhận ra trong màn đối thoại này, những lời của Thơm không hề bày tỏ cảm xúc của người vợ thương chồng như lúc đầu mà cô đang phảo gắng gượng chịu đựng vai trò người vợ trước một tên Việt gian đầy tham vọng. Kết lại hồi kịch là khoảnh khắc thờ phào sung sướng như trút được gánh nặng của Thơm: "May thế!". Đó cũng là tín hiệu cho ta biết cô đã thực sự đứng về phía cách mạng, không còn là người thờ ơ đứng ngoài cuộc như trước. Màn kịch với những tình huống đột biến liên tục trong bối cảnh ngôi nhà của Thơm đã tạo nên những bước ngoặt tâm trạng dứt khoát của nhân vật. Qua đó, chúng ta nhận ra một con người có lòng tự trọng, ngay thẳng, tuy còn có lúc ngây thơ, cả tin nhưng khi biết rõ sự thật đã lột xác để trở thành một con người bình tĩnh, can đảm, quyết tâm bảo vệ cách mạng đến cùng. Nguyễn Huy Tưởng đã thành công trong việc khắc hoạ tính cách nhân vật kịch qua ngôn ngữ và hành động kịch rất tự nhiên. Bắc Sơn đã có sức cuốn hút công chúng bởi lẽ tác phẩm đem lại hình ảnh chân thực về những chiến sĩ cách mạng trong những ngày sục sôi của khởi nghĩa Bắc Sơn. Qua đó, nhà văn còn khẳng định tấm lòng của nhân dân không rời xa cách mạng ngay cả trong giờ phút nguy nan nhất. Qua hình tượng nhân vật Thơm, công chúng còn có dịp chứng kiến sức cảm hoá của cách mạng với quần chúng. Chính mối quan hệ này đã làm nên sức sống lâu bền của tác phẩm.

Bài 4: Phân tích bài thơ Con cò của Chế Lan Viên.

Bài làm

Bài thơ "**Con cò**" được sáng tác năm 1962, in trong tập thơ "Hoa ngày thường - Chim báo bão"(1967) của Chế Lan Viên. Viết "Con cò" nhà thơ thông qua một cánh cò tượng trưng dập dìu trong lời ru, câu hát thể hiện được tấm lòng yêu thương và những mong ước của người mẹ với đứa con còn bé thơ.

Hình ảnh con cò qua bài thơ mang nhiều ý nghĩa tượng trưng, luôn luôn biến hoá trong tiếng hát về lời ru về con cò, trong cánh cò dập dìu bay lượn. Hình ảnh con cò tượng trưng cho tấm lòng trong trắng, cho những nỗi khổ của ngày qua, cho niềm vui và mơ ước hện nay, cho tình yêu thương rộng lớn của người mẹ, cho cái bé bỏng cô đơn của con thơ. Đường như, với tính chất tượng trưng con cò trong trường hợp nào cũng đúng cả, cũng để lại cho người đọc nhiều ấn tượng .

Bài thơ "Con cò" của Chế Lan Viên viết theo thể thơ tự do, các câu thơ dài ngắn không đều. Toàn bài gồm 51 dòng thơ được chia làm 3 đoạn. Có những dòng thơ 2 tiếng, 3 tiếng, 4 tiếng và cũng có dòng thơ 7,8 tiếng. Khổ thơ cũng không nhất định, khổ đầu 20 dòng ; khổ hai 14 dòng và khổ ba 17 dòng. Rõ ràng là tác giả không hạn định số chữ trong câu, cũng không hạn định số câu trong bài. Điều đó chứng tỏ tác giả đã xây dựng bài thơ theo mạch cảm xúc và đã góp phần khá rõ một số nét phong cách của Chế Lan Viên.

bài thơ "Con cò", lượng thơ được tổ chức thích hợp với từng ý thơ, từng đoạn thơ. Nhịp thơ ở bài này chủ yếu là nhịp 2, nó trùng với dòng thơ có hai âm tiết và nó ngắt đôi những dòng thơ 4 âm tiết như ở đoạn thơ cuối và nó thường là nhịp kết thúc ở những dòng thơ có nhiều âm tiết. Do đó, nhìn toàn bài thơ "Con cò", ta thấy lượng thơ luôn luôn không ổn định, nhưng ta vẫn tìm thấy một cái ổn định khác nhất quán suốt cả bài thơ, tạo cho bài thơ một sự thống nhất từ bên trong, đó là nhịp 2, mặc dù nhịp thơ

biến đổi và có nhiều câu thơ điệp lại tạo cho nhịp điệu gần với lời hát ru nhưng chủ yếu vẫn là nhịp hai.

Kết hợp với yếu tố nhịp là cách gieo vần khá độc đáo trong bài thơ, những từ cuối nhịp đã tập trung được những nguyên âm mở và đóng xen kẽ nhau, kết hợp rất uyển chuyển với những âm tiết cuối nhịp có phụ âm vang (những âm tiết có phụ âm là : m, n...) và làm thành sự luân phiên các nhịp gần giống như nhịp đưa nôi, đệm cho những lời ru của mẹ... Cho nên, thường có những đoạn thơ bắt đầu bằng những câu thơ mang âm hưởng lời ru có nhịp ngắn, lặp lại về cấu trúc rồi đến những câu thơ dài âm vang mở ra với những liên tưởng xa rộng hoặc suy gẫm tính chất triết lý :

Con dù lớn vẫn là con của mẹ
Đi hết đời lòng mẹ vẫn theo con.

Câu thơ mang một ý nghĩa đúc kết như một phương châm, một triết lý về các mối quan hệ trong đời một con người, nói lên được cái lớn lao và tình yêu vô tận của lòng mẹ. Về mặt ý nghĩa, hình tượng bao trùm cả bài thơ là hình tượng con cò được khai thác từ trong ca dao truyền thống mang ý nghĩa ẩn dụ.

Ở đoạn đầu bài thơ, tác giả có nhắc lại một số câu quen thuộc trong những bài ca dao xưa, nhưng không nhắc lại nguyên vẹn mà chỉ khai thác và xây dựng ý nghĩa biểu tượng của hình tượng con cò ở nội dung biểu trưng cho tấm lòng người mẹ và những lời hát ru.

Ngay từ đầu bài thơ, tác giả giới thiệu :

“Con còn bế trên tay
Con chưa biết con cò
Nhưng trong lời mẹ hát
Có cánh cò đang bay
Con cò bay la
Con cò bay lả
Con cò Cồng phũ
Con cò Đồng Đăng...”

Hình ảnh con cò được gọi ra trực tiếp từ những câu ca dao dùng làm lời hát ru. Ở đây, nhà thơ chỉ dùng lại vài từ trong mỗi câu ca dao xưa vừa gọi lại lời hát ru, vừa gọi lại ít nhiều sự phong phú trong ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh con cò : "Con cò bay lả, bay la - Bay từ Cổng phủ, bay ra cánh đồng" hay "Bay từ Cửa phủ bay về Đồng Đăng" chỉ gọi tả không gian và khung cảnh quen thuộc của cuộc sống đời xưa, từ nông thôn đến phố phường. Hình ảnh con cò gọi lên vẻ nhịp nhàng, thon thả, gọi lên nhịp điệu bình yên cuộc sống của cái thuở thanh bình ngày xưa ấy. Còn hình ảnh con cò trong bài ca dao : "Con cò mà đi ăn đêm... đau lòng cò con" lại có một nội dung và ý nghĩa tư tưởng khá sâu sắc. Con cò ở đây tượng trưng cho những con người, cụ thể là người mẹ, người phụ nữ nhọc nhằn, vất vả quanh năm : "Con cò lặn lội bờ sông, gánh gạo đưa chồng tiếng khóc nỉ non" ; "Cái cò đi đón cơn mưa, tối tăm mù mịt ai đưa cò về". Với những lời ru của mẹ, hình ảnh con cò đã đến với tâm hồn tuổi ấu thơ một cách vô thức. Cùng với nhịp điệu cơ bản của bài thơ như đã nói trên, có phải chăng đây chính là sự khởi đầu cho con đường đi vào thế giới tâm hồn con người của những lời ru :

Nhưng trong lời mẹ hát

Có cánh cò đang bay...

của ca dao, dân ca và cũng qua đó là cả điệu tâm hồn dân tộc, đất nước. ở tuổi ấu thơ, con chưa thể hiểu và cũng chưa cần hiểu nội dung, ý nghĩa của những lời ru mà chỉ cần đón nhận bằng trực giác, bằng vô thức, sự vỗ về, nâng niu trong những âm điệu ngọt ngào, tha thiết, dịu dàng của lời ru thể hiện tình yêu vô bờ bến và sự chở che của người mẹ :

"Ngủ yên ! Ngủ yên ! Con ơi chớ sợ !

Cành có mềm, mẹ đã sẵn tay nâng

Trong lời ru của mẹ thấm hơi xuân

Con chưa biết con cò, con vạc

Con chưa biết những cành mềm mẹ hát

Sữa mẹ nhiều con ngủ chẳng phân vân."

Nhịp hai và vần đóng, mở ngân vang xen kẽ nhau trong dòng thơ, kết hợp biện pháp tu

từ nhân hoá, và biện pháp tu từ so sánh đã tạo nên vẻ lạ cho câu thơ và làm cho ý thơ càng thêm sâu kín:

Con chưa biết con cò con vạc.
Con chưa biết những cảnh mềm mẹ hát,
Sữa mẹ nhiều con ngủ chẳng phân vân.

Đoạn thơ khép lại bằng những hình ảnh thanh bình của cuộc sống, bằng những giấc nồng say của trẻ thơ.

Qua kết cấu của bài thơ -Hình ảnh "con cò" từ trong lời ru của đoạn 1 đã đi vào tiềm thức của tuổi thơ ở đoạn 2 - hình ảnh con cò đã trở nên gần gũi thiết thân và sẽ theo cùng con người đến suốt cuộc đời và ở đâu hình ảnh con cò trong ca dao cũng tiếp tục được sự sống của nó trong tâm thức con người. Hình ảnh con cò đã được xây dựng bằng sự liên tưởng, tưởng tượng phong phú của nhà thơ, con cò được bay ra từ những câu ca dao để sống trong tâm hồn của trẻ thơ qua lời ru của mẹ, lời ru thấm đượm tình cảm thân thương triu mến, lời ru nặng nghĩa, nặng tình :

Ngủ yên ! Ngủ yên ! Ngủ yên !
Con cò trắng đến làm quen,
Cò đứng ở quanh nôi
Rồi cò vào trong tổ.

"Cò vào trong tổ" hoà nhập cùng những ước mơ, khát vọng của tuổi thơ, hoà cùng chung những giấc mơ đẹp trong lời ru hiền hoà của mẹ, và rồi hình ảnh con cò qua lời ru đã đi theo cùng và nâng đỡ con người trong mỗi chặng đường, trong suốt cả cuộc đời :

Cái cò ... Sung chút, đào chua...
Câu ca mẹ hát gió đưa về trời
Ta đi trọn kiếp con người
Cũng không đi hết mấy lời mẹ ru.

(Ngôi buồn nhớ mẹ ta xưa - Nguyễn Duy)

Lời mẹ ru :

"Con cò bay lả bay la - Bay từ cổng Phủ bay ra cánh đồng"

"Con cò bay lả bay la - Bay từ cửa Phủ bay về Đồng Đăng"

"Cái cò đi đón cơn mưa - Tối tăm mù mịt ai đưa cò về"

"Cái cò mà đi ăn đêm..., Đứng xáo nước đục đau lòng cò con"

Như thế, hình ảnh con cò đã trở thành biểu tượng về lòng mẹ, về sự dịu dặt, nâng đỡ đầy dịu dàng, thân thương và lo lắng xót xa, suy gẫm về cuộc đời của đứa con thơ một cách bền bỉ của người mẹ thương con :

Trời mưa

Quả dưa vẹo vọ

Con ốc nằm co

Con tôm đánh đáo

Con cò kiếm ăn ...

Và cánh cò cũng đã trở thành bạn đồng hành của con người trên suốt cả đường đời từ tuổi ấu thơ trong nôi :

Con ngủ yên thì cò cũng ngủ,

Cánh của cò, hai đứa đắp chung đôi.

Và đến tuổi tới trường :

Mai khôn lớn, con theo cò đi học,

Cánh trắng cò bay theo gót đôi chân.

Và cả đến lúc trưởng thành :

Cánh cò trắng lại bay hoài không nghỉ

Trước hiên nhà

Và trong hơi mát câu văn.

Đến đoạn 3, nhịp thơ thay đổi như dồn dập hẳn lên, hình ảnh con cò như được nhấn mạnh ở ý nghĩa biểu tượng cho tấm lòng người mẹ, lúc nào cũng ở bên con suốt đời :

Dù ở gần con,

Dù ở xa con,

Lên rừng xuống bể,

Cò sẽ tìm con,

Cò mãi yêu con.

Không gian nghệ thuật của bài thơ cũng góp phần biểu hiện sự phát triển của tứ thơ, của tình cảm và hành động của nhân vật trữ tình. Từ một không gian có giới hạn ngày càng rộng dần thêm đến một không gian tâm tưởng vừa bao la vừa sâu thẳm như chính lời hát lên từ trái tim người mẹ :

Con dù lớn vẫn là con của mẹ,

Đi hết đời, lòng mẹ vẫn theo con.

Từ sự thấu hiểu tấm lòng người mẹ, nhà thơ đã khái quát, đúc kết một quy luật của tình cảm có ý nghĩa như một phương châm, một triết lý bền vững, rộng lớn và vô cùng sâu sắc. Đó cũng chính là một ưu thế của nhà thơ Chế Lan Viên khi viết về một suy tưởng đầy triết lý.

Phần cuối bài thơ trở lại với âm hưởng lời ru và đúc kết ý nghĩa phong phú của hình tượng con cò trong những lời ru ấy :

Một con cò thôi,

Con cò mẹ hát,

Cũng là cuộc đời,

Vỗ cánh qua nôi.

Lời ru ấy được lặp đi, lặp lại qua từng đoạn thơ đã tạo nên một nét nhạc vừa dân gian vừa hiện đại xuyên suốt bài thơ. Vẻ đẹp của hình ảnh con cò - một hình tượng thống nhất tuyệt vời giữa tình cảm, hành động và ước mơ qua lời ru của mẹ ngày càng được khắc thêm đậm nét. Sức biểu hiện của "con cò" cũng thật là phong phú.

Có thể nói "Con cò" là một bài thơ hay. Thông qua cánh cò tượng trưng dập dìu trong lời thơ, câu hát, Chế Lan Viên muốn nói lên tấm lòng yêu thương và những mong ước của người mẹ với đứa con và chắc rằng có em bé nào lớn lên trong lời ru ấy mà không hiền hoà hiếu thảo, không nên người !

Ngày nay, mỗi lần đọc lại bài thơ "Con cò" vẫn gợi lên những rung động và suy nghĩ sâu sắc về công ơn sinh thành của người mẹ. Từ đó mỗi người chúng ta càng thấy rõ trách nhiệm của mình trước lòng mẹ bao la, dạt dào thân thương và triu mến,

trước cuộc sống hôm nay của đất nước. "Con cò" cùng với những bài thơ khác trong " Hoa ngày thường - Chim báo bão", "Aùnh sáng phù sa" giúp chúng ta thấm thía hơn những "Trang đời, trang viết nặng nghĩa đời sau" của nhà thơ Chế Lan Viên.

Bài 7: Một bài học sâu sắc ý nghĩa mà cuộc sống tặng cho em: Bản chất của thành công

Bài làm

Đã bao giờ bạn tự hỏi thành công là gì mà bao kẻ bỏ cả cuộc đời mình theo đuổi? Phải chăng đó là kết quả hoàn hảo trong công việc, sự chính xác đến từng chi tiết? Hay đó là cách nói khác của từ thành đạt, nghĩa là có được một cuộc sống giàu sang, được mọi người nể phục? Vậy thì bạn hãy dành chút thời gian để lắng mình suy ngẫm. Cuộc sống sẽ chỉ cho bạn có những người đạt được thành công theo một cách giản dị đến bất ngờ. Thành công là khi bố và con trai có dũng khí bước vào bếp, nấu những món ăn mẹ thích nhân ngày tám tháng ba. Món canh có thể hơi mặn, món cá sốt đáng lẽ phải có màu đỏ sậm thì lại ngả sang màu đen cháy. Nhưng nhìn mâm cơm, mẹ vẫn cười. Bởi vì hai bố con không thể thành công trên chiến trường bếp núc, nhưng lại thành công khi

tặng mẹ đoá hồng của tình yêu. Một món quà ý nghĩa hơn cả những món quà quý giá, hạnh phúc ấy long lanh in trong mắt mẹ.

Thành công còn là hình ảnh một cậu bé bị dị tật ở chân, không bao giờ đi lại bình thường được. Từ nhỏ cậu đã nuôi ước mơ trở thành cầu thủ bóng đá. Sau bao nỗ lực khổ luyện, cậu bé trở thành cầu thủ dự bị trong một đội bóng nhỏ, và chưa bao giờ được chính thức ra sân. Nhưng đó không phải là thất bại. Trái lại, thành công đã nở hoa khi cậu bé năm xưa, với bao nghị lực và quyết tâm, đã chiến thắng hoàn cảnh để theo đuổi ước mơ từ ngày thơ bé. Thành công ấy, liệu có mấy người đạt được?

Sau mỗi mùa thi đại học, có bao sĩ tử buồn rầu khi biết mình trở thành tử sĩ. Hai bảy điểm, cao thật đấy. Nhưng cao mà làm gì khi nguyện vọng một lấy tới hai bảy phẩy năm? Đó thật ra không phải là thất bại, chỉ là khi thành công - bị - trì - hoãn mà thôi. Cuộc sống vẫn chào đón họ với nguyện vọng hai, nguyện vọng ba. Quan trọng là họ đã nỗ lực hết sức để khẳng định mình. Đó là ý nghĩa vẹn nguyên của các kỳ thi, và cũng là bản chất của thành công.

Ngày còn nhỏ, tôi đã được đọc một câu chuyện rất xúc động. Chuyện kể về một cậu bé nghèo với bài văn tả lại mẹ - người phụ nữ đã che chở cuộc đời em. Cậu bé viết về một người mẹ với mái tóc pha sương, với đôi bàn tay ram ráp nhăn nheo nhưng dịu hiền và ấm áp. Cậu kết luận rằng: bà ngoại là người mẹ - người phụ nữ đã nâng đỡ em trong suốt hành trình của cuộc đời. Bài văn lạc đề, phải về nhà viết lại. Nhưng đó mới chính là một tác phẩm thành công, bởi ở đó chứa tình yêu thương của đứa cháu mồ côi dành cho bà ngoại. Liệu có thành công nào, tình cảm nào thiêng liêng hơn thế?

Nhiều năm trước, báo chí từng vinh danh một cậu học trò nghèo thi đậu đại học với vị trí thủ khoa. Đối với cậu, đó là một thành công lớn. Nhưng có một thành công khác, lặng thầm mà lớn lao, đó là chiến thắng của một người cha gần hai mươi năm trời đập xích lô nuôi con ăn học. Bao niềm tin và hi vọng hiện lên trên gương mặt vốn đã chịu nhiều khắc khổ. Và ngày con trai đậu đại học cũng là ngày tốt nghiệp khoá học của một người cha.

Tôi biết có một nữ sinh tốt nghiệp đại học với tấm bằng loại ưu gần hai mươi

năm trước. Với tài năng của mình, cô có thể gạt hái thành công trên con đường sự nghiệp và danh vọng. Nhưng cô sinh viên năm ấy đã chấp nhận hi sinh những cơ hội của đời mình để trở thành một người vợ đảm đang, một người mẹ dịu hiền của hai cô công chúa nhỏ. Cho tới bây giờ, khi đã là một phụ nữ trung niên, cô vẫn nói với tôi rằng: “Chăm sóc chồng con chu đáo, đối với cô đã là một thành công lớn”. Mỗi khi nghe câu nói ấy, tôi lại hiểu sâu sắc và đầy đủ hơn về sự thành công.

Con người luôn khát khao thành công, nhưng mù quáng theo đuổi thành công thì thật là vô nghĩa. Bạn muốn mình giàu có, muốn trở thành tỷ phú như Bill Gates? Vậy thì hãy gấp đồng tiền một cách cẩn thận rồi trao nó cho bà cụ ăn xin bên đường. Với việc làm đẹp đẽ ấy, bạn sẽ cho mọi người hiểu được bạn không chỉ giàu có về vật chất mà còn giàu có tâm hồn. Khi đó, bạn đã thực sự thành công.

Cũng có khi bạn ước mơ thành công sẽ đến với mình như đến với Abramovich - ông chủ của đội bóng toàn những ngôi sao? Thành công chẳng ở đâu xa, chỉ cần bạn dành thời gian chăm sóc cho đội bóng của gia đình bạn. Ở đó, bạn nhận được tình yêu thương vô bờ bến, thứ mà Abramovich không nhận lại được từ những cầu thủ của ông ta. Thành công đến với mọi người một cách giản dị và ngọt ngào như thế!

Bạn được sinh ra, đó là một thành công vĩ đại của cha và mẹ. Trách nhiệm của bạn là phải gìn giữ cho vẻ đẹp hoàn thiện của thành công ấy. Đừng bao giờ ủ ê nghĩ rằng cuộc sống là một chuỗi của thất bại, bởi như một giáo sư người Anh từng nói: “Cuộc sống này không có thất bại, có chăng là cách chúng ta nhìn nhận mọi việc mà thôi”.

Còn đối với tôi, thành công là khi ai đó đọc được bài viết nhỏ này. Có thể sẽ chẳng được điểm cao, nhưng gửi gắm được những suy nghĩ của mình vào trang viết, với tôi, đó cũng là một thành công

Bài 8: Nhân dân ta có câu: “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây và Uống nước nhớ nguồn”. Suy nghĩ của em về những câu tục ngữ trên.

Bài làm

Trong cuộc sống, đạo đức là một yếu tố rất quan trọng, nó thể hiện sự văn minh, lịch sự, nếp sống, tính cách, và phần nào có thể đánh giá được phẩm chất, giá trị bản thân con người. Và có rất nhiều mặt để đánh giá đạo đức, phẩm chất của con người. Một trong số đó là sự biết ơn, nhớ ghi công lao mà người khác đã giúp đỡ mình. Đó cũng là một chân lí thiết thực trong đời thường. Chính vì vậy ông cha ta có câu : “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây hay Uống nước nhớ nguồn .

Cả hai câu tục ngữ trên đều mang một triết lí nhân văn sâu sa. Đó là cần phải biết ơn những người đã mang lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho chúng ta. Câu đầu tiên mượn hình ảnh ăn quả và trồng cây ý muốn nói, khi được hưởng thụ những trái ngọt, trái thơm, cần nhớ tới công sức, mồ hôi nước mắt của người đã làm ra nó. Điều đó được ẩn dụ nhằm khuyên răn thái độ của mỗi con người xử sự sao cho đúng, cho phải đối với những người đã giúp đỡ mình để không phải hổ thẹn với lương tâm. Hành động đó đã thể hiện một tư tưởng cao đẹp, một lối ứng xử đúng đắn. Lòng biết ơn đối với người khác đó chính là một truyền thống tốt đẹp của ông cha ta từ xưa tới nay. Đó cũng chính là biết sống ân nghĩa mặn mà, thuỷ chung sâu sắc giữa con người với con người. Tất cả những gì chúng ta đang hưởng thụ hiện tại không phải tự dung mà có. Đó chính là công sức của biết bao lớp người. Từ những bát cơm dẻo tinh trên tay cũng do bàn tay người nông dân làm ra, một hạt lúa vàng chín giọt mồ hôi mà. Rồi đến tấm áo ta mặc,

chiếc giày ta đi cũng đều bởi những bàn tay khéo léo của người thợ cùng với sự miệt mài, cần cù trong đó. Những di sản văn hoá nghệ thuật, những thành tựu độc đáo sáng tạo để lại cho con cháu. Còn nhiều, rất nhiều những công trình vĩ đại nữa mà thế hệ trước đã làm nên nhằm mục đích phục vụ thế hệ sau. Tất cả, tất cả cũng chỉ là những công sức lớn lao, sự tâm huyết của mỗi người dồn lại đã tạo nên một thành quả thật đáng khâm phục để ngày nay chúng ta cần biết ơn, phục hồi, tu dưỡng, phát triển những di sản đó. Những lòng biết ơn, kính trọng không phải chỉ là lời nói mà còn cần hành động để có thể thể hiện được hết ân nghĩa của ta. Đó chính là bài học thiết thực về đạo lý mà mỗi con người cần phải có.

Đến câu tục ngữ thứ hai Uống nước nhớ nguồn. Cũng giống câu tục ngữ thứ nhất. Câu tục ngữ này đều mang ý ẩn dụ dưới hình thức cụ thể, sinh động. Nước chính là thứ chúng ta hưởng thụ còn nguồn chính là người tạo ra cái để chúng ta hưởng thụ đó. Câu tục ngữ này chỉ vắn vắn có bốn chữ mà ý tứ sâu xa ẩn dưới cấu trúc mô hình điều kiện, hệ quả. Nói đến nước trong nguồn là nói đến sự mát mẻ, thanh tao. Và nguồn nước sẽ mãi không bao giờ vơi cạn. Chữ nhớ trong câu là một từ quan trọng, tâm điểm của câu tục ngữ. Ý nghĩa câu tục ngữ này thể hiện mối quan hệ tốt đẹp giữa con người với con người. Lòng nhớ ơn luôn mang một tình cảm cao đẹp, thấm nhuần tư tưởng nhân văn. Nó giáo dục chúng ta cần biết ơn tổ tiên, ông bà, cha mẹ, những anh hùng vĩ đại đã hi sinh, lấy thân mình, mồ hôi xương máu để bảo vệ nền độc lập cho đất nước, giữ vững bình yên vùng trời Tổ quốc cho chúng ta có những năm tháng sống vui sống khoẻ và có ích cho xã hội, phần để thực hiện đúng trách nhiệm, bổn phận của chúng ta, phần vì không hổ thẹn với những người ngã xuống giành lấy sự độc lập. Có ai hiểu được rằng, một sự biết ơn được thể hiện như một đoá hoa mai ửng hé trong nắng vàng, một lòng kính trọng bộc lộ như một ánh sao đêm sáng rọi trên trời cao. Đó là những cử chỉ cao đẹp, những hành động dù chỉ là nhỏ nhất cũng đều mang một tấm lòng cao thượng. Những người có nhân nghĩa là những người biết ơn đồng thời cũng biết giúp đỡ người khác mà không chút tính toán do dự. Chính những hành động đó đã khơi dậy tấm lòng của biết bao nhiêu con người, rồi thế giới này sẽ mãi là một thế giới giàu cảm xúc.

Tóm lại hai câu tục ngữ trên giúp ta hiểu được về đạo lí làm người. Lòng tôn kính, sự biết ơn không thể thiếu trong mỗi con người, đặc biệt là thế hệ trẻ hôm nay. Chúng ta luôn phải trau dồi những phẩm chất cao quý đó, hãy biết rèn luyện, phấn đấu bằng những hành động nhỏ nhất vì nó không tự có trong mỗi chúng ta. Chúng ta cần phải biết ơn những người đã có công dẫn dắt ta trong cuộc sống nhất là đối với những người trực tiếp giúp đỡ chỉ bảo ta như cha mẹ, thầy cô. Bài học đó sẽ mãi là một kinh nghiệm sống ẩn chứa trong hai câu tục ngữ trên và nó có vai trò, tác dụng rất lớn đối với cuộc sống trên hành tinh này.

Bài 9: Trình bày hiểu biết của em về câu tục ngữ: Có công mài sắt có ngày nên kim”.

Bài làm

Con người ta ai cũng muốn thành đạt .Nhưng con đường dẫn đến thành công thường quanh co khúc khuỷu và lắm chông gai .Để động viên con người vững chí , bền gan phấn đấu và tin tưởng ở thắng lợi ,cha ông ta dặn dò con cháu qua câu tục ngữ :

" Có công mài sắt có ngày nên kim "

Ai cũng biết cây kim bé nhỏ tới mức nào nhưng cũng hoàn hảo tới mức nào . Thân kim bằng sắt tròn, mảnh , nhỏ xíu. Đầu kim nhọn sắc. Tròn kim cũng có một lỗ nhỏ xíu để luồn chỉ qua . Có thể kim đã trở thành một vật có ích cho cuộc đời. Còn sắt là vật liệu làm nên kim . Chỉ có điều, làm từ sắt nên kim là cả một quá trình tôi luyện , mài dũa công phu bền bỉ . Nhưng có đi có lại .Ai có công mài sắt bền bỉ, kiên trì sẽ có ngày nên kim. Đức kiên trì, chí bền bỉ chính là một yếu tố quan trọng dẫn đến thành công .

Thực tế cuộc sống đã cho thấy điều đó là hoàn toàn có cơ sở. Trong lịch sử chống

ngoại xâm của dân tộc ta, chúng ta phải thực hiện chiến lược trường kì kháng chiến, nhất định thắng lợi. Từ cuộc kháng chiến chống quân Minh của vua tôi nhà Lê đến cuộc kháng chiến chống Pháp ,chống Mĩ của nhân dân ta trong những năm vừa qua ,tất cả đều thử thách ý chí kiên trì, bền gan vững chí của cả dân tộc .Và cuối cùng chúng ta đã giành được thắng lợi, đã giành được độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân. Nhờ kiên trì kháng chiến, nhân dân ta thành công .

Trong đời sống lao động sản xuất, nhân dân ta cũng nhiều lần thể hiện đức kiên nhẫn đáng khâm phục .Nhìn những con đê sừng sững đôi bờ sông Cầu , sông Hồng, sông Đáy, sông Thương, chúng ta hiểu được cha ông ta đã kiên trì, bền bỉ tới mức nào để ngăn dòng nước lũ, bảo vệ mùa màng trên đồng bằng Bắc Bộ. Chỉ với đôi bàn tay cày cấy, đôi vai vác đất, hoàn toàn là sức lao động thủ công, không có máy xúc, máy ủi, máy gặt, máy bơm như ngày nay, cha ông ta đã kiên trì, quyết tâm lao động và thành công .

Trong học tập ,đức kiên trì lại càng cần thiết để có được thành công .Từ một em bé mẫu giáo vào lớp một ,bắt đầu cầm phấn viết chữ O đầu tiên đến khi biết đọc ,biết viết ,biết làm toán rồi lần lượt mỗi năm một lớp ,phải mất 12 năm mới hoàn thành những kiến thức phổ thông .Trong quá trình lâu dài ấy ,nếu không có lòng kiên trì luyện tập ,cố gắng học hành ,làm sao có ngày cầm được bằng tốt nghiệp .Người bình thường đã vậy ,với những người như Nguyễn Ngọc Kí ,lòng kiên trì bền bỉ lại càng cần thiết để vượt qua khó khăn .Vốn bị liệt hai tay từ nhỏ ,anh đã kiên trì luyện viết bằng chân để có thể đến lớp cùng bạn bè .Đức kiên trì đã giúp anh chiến thắng số phận .anh đã học xong phổ thông ,học xong đại học và trở thành thầy giáo ,một nhà giáo ưu tú .

Thế mới biết ý chí ,nghị lực ,lòng kiên nhẫn ,sự bền bỉ đóng vai trò quan trọng tới mức nào trong việc quyết định thành bại của mỗi công việc nói riêng và cả sự nghiệp của mỗi con người nói chung .Có mục đích ban đầu dung dãn - chưa đủ ; phải có lòng kiên trì ,nhẫn nại cộng với một phương pháp làm việc năng động và sáng tạo thì chúng ta mới có thể biến ước mơ thành hiện thực .

Bàn luận về một vấn đề có tầm cỡ lớn lao là sự nghiệp mà lại lấy hình ảnh của

một sự vật thật bé nhỏ là một cây kim để nói ,ông cha ta phải có chủ ý rõ ràng và sâu sắc ,gửi gắm trong lời khuyên giản dị như một triết lí : có công mài sắt có ngày nên kim .câu tục ngữ không chỉ là một bài học về ý chí mà còn là lời động viên chân tình : hãy lạc quan ,tin tưởng .

Kế thừa và phát huy quan niệm của ông cha ,với những kinh nghiệm trong cuộc đời hoạt động cách mạng của mình ,Bác Hồ đã khuyên thanh niên:

Không có việc gì khó
Chỉ sợ lòng không bền
Đào núi và lấp biển
Quyết chí ắt làm nên"

Việc tu dưỡng ,rèn luyện của mỗi con người phải được tiến hành thường xuyên ,liên tục .Kinh nghiệm của thế hệ trước là lời khuyên quý báu ,lời cổ vũ thanh thiếu niên trên con đường phấn đấu xây dựng cuộc sống tốt đẹp

Bài 10: Phân tích bài thơ Ánh Trăng của Nguyễn Duy.

Bài làm

Trăng- hình ảnh giản dị mà quen thuộc, trong sáng và trữ tình. Trăng đã trở thành đề tài thường xuyên xuất hiện trên những trang thơ của các thi sĩ qua bao thời đại. Nếu như Tĩnh dạ tứ của Lí Bạch tả cảnh đêm trăng sáng tuyệt đẹp gợi lên nỗi niềm nhớ quê hương, Vọng nguyệt của Hồ Chí Minh thể hiện tâm hồn lạc quan, phong thái

ung dung và lòng yêu thiên nhiên tha thiết của Bác thì đến với bài thơ ánh trăng của Nguyễn Duy, chúng ta bắt gặp hình ảnh vầng trăng mang ý nghĩa triết lí sâu sắc. Đó chính là đạo lí uống nước nhớ nguồn.

Những sáng tác thơ của Nguyễn Duy sâu lắng và thần đắm cái hồn của ca dao, dân ca Việt Nam. Thơ ông không cố tìm ra cái mới mà lại khai thác, đi sâu vào cái nghĩa tình muôn đời của người Việt. Ánh trăng là một bài thơ như vậy. Trăng đối với nhà thơ có ý nghĩa đặc biệt: đó là vầng trăng tri kỉ, vầng trăng tình nghĩa và vầng trăng thức tỉnh. Nó như một hồi chuông cảnh tỉnh cho mỗi con người có lỗi sống quên đi quá khứ.

Tác giả đã mở đầu bài thơ với hình ảnh trăng trong kí ức tuổi thơ của nhà thơ và trong chiến tranh:

“Hồi nhỏ sống với đồng
 Với sông rồi với bể
 Hồi chiến tranh ở rừng
 Vầng trăng thành tri kỉ

Hình ảnh vầng trăng đang được trải rộng ra trong cái không gian êm đềm và trong sáng của tuổi thơ. Hai câu thơ với vền vẹn mười chữ nhưng dường như đã diễn tả một cách khái quát về sự vận động cả cuộc sống con người. Mỗi con người sinh ra và lớn lên có nhiều thứ để gắn bó và liên kết. Cánh đồng, sông và bể là những nơi chốn cất giữ bao kỉ niệm của một thời ấu thơ mà khó có thể quên được. Cũng chính nói đó, ta bắt gặp hình ảnh vầng trăng. Với cách gieo vần lưng **đồng**, **sông** và điệp từ với đã diễn tả tuổi thơ được đi nhiều, tiếp xúc nhiều và được hưởng hạnh phúc ngắm những cảnh đẹp của bãi bồi thiên nhiên của tác giả. Tuổi thơ như thế không phải ai cũng có được ! Khi lớn lên, vầng trăng đã theo tác giả vào chiến trường để chờ giặc tới. Trăng luôn sát cánh bên người lính, cùng họ trải nghiệm sương gió, vượt qua những đau thương và khốc liệt của bom đạn kẻ thù. Người lính hành quân dưới ánh trăng dát vàng con đường, ngủ dưới ánh trăng, và cũng dưới ánh trăng sáng dịu, tâm sự của những người lính lại mở ra để vơi đi bớt nỗi cô đơn, nỗi nhớ nhà. Trăng đã thật sự trở thành tri kỉ của người lính trong những

năm tháng máu lửa.

Khổ thơ thứ hai như một lời nhắc nhở về những năm tháng đã qua của cuộc đời người lính gắn bó với thiên nhiên, đất nước hiền hậu, bình dị. Vàng trắng và người bạn tri kỉ đó, ngỡ như sẽ không bao giờ quên được:

“Trần trụi với thiên nhiên
Hồn nhiên như cây cỏ
Ngỡ không bao giờ quên
Cái vàng trắng tình nghĩa

Vần lưng một lần nữa lại xuất hiện: **trần trụi, hồn nhiên, thiên nhiên** làm cho âm điệu câu thơ thêm liền mạch, dường như nguồn cảm xúc của tác giả vẫn đang tràn đầy. Chính cái hình ảnh so sánh ẩn dụ đã tô đậm lên cái chất trần trụi, cái chất hồn nhiên của người lính trong những năm tháng ở rừng. Cái vàng trắng mộc mạc và giản dị đó là tâm hồn của những người nhà quê, của đồng, của sông, của bể và của những người lính hồn nhiên, chân chất ấy. Thế rồi cái tâm hồn - vàng trắng ấy sẽ phải làm quen với một hoàn cảnh sống hoàn toàn mới mẻ:

“Từ hồi về thành phố
quen ánh điện, cửa gương
vàng trắng đi qua ngõ
như người dưng qua đường.

Thời gian trôi qua cuốn theo mọi thứ như một cơn lốc, chỉ có tình cảm là còn ở lại trong tâm hồn mỗi con người như một ánh dương chói lòa. Thế nhưng con người không thể kháng cự lại sự thay đổi đó. Người lính năm xưa nay cũng làm quen dần với những thứ xa hoa nơi ánh điện, cửa gương. Và rồi trong chính sự xa hoa đó, người lính đã quên đi người bạn tri kỉ của mình, người bạn mà tưởng chừng chẳng thể quên được, người tri kỉ ấy đi qua ngõ nhà mình nhưng mình lại xem như không quen không biết. Phép nhân hoá vàng trắng trong câu thơ thật sự có cái gì đó làm rung động lòng người đọc bởi vì vàng trắng ấy chính là một con người. Cũng chính phép nhân hoá đó làm cho người đọc cảm thương cho một người bạn bị chính người bạn thân một thời của mình lãng quên. Sự ồ

của phố phường, những công việc mưu sinh và những nhu cầu vật chất thường nhật khác đã lôi kéo con người ra khỏi những giá trị tinh thần ấy, một phần vô tâm của con người đã lấn át lí trí của người lính, khiến họ trở thành kẻ quay lưng với quá khứ. Con người khi được sống đầy đủ về mặt vật chất thì thường hay quên đi những giá trị tinh thần, quên đi cái nền tảng cơ bản củacuộc sống, đó chính là tình cảm con người. Nhưng rồi một tình huống bất ngờ xảy ra buộc người lính phải đối mặt:

“Thình lình đèn điện tắt
phòng buyn -đỉnh tôi om
vội bật tung cửa sổ
đột ngột vầng trăng tròn”

Khi đèn điện tắt, cũng là khi không còn được sống trong cái xa hoa, đầy đủ về vật chất, người lính bỗng phải đối diện với cái thực tại tối tăm. Trong cái thình lình, đột ngột ấy, người lính vội bật tung cửa sổ và bất ngờ nhận ra một cái gì đó. Đó chẳng phải ai xa lạ mà chính là người bạn tri kỉ năm xưa của mình đây hay sao? Con người ấy không hề biết được rằng cái người bạn tri kỉ, tình nghĩa, người bạn đã bị anh ta lãng quên luôn ở ngoài kia để chờ đợi anh ta. Người bạn ấy không bao giờ bỏ rơi con người, không bao giờ oán giận hay trách móc con người vì họ đã quên đi mình. Vầng trăng ấy vẫn rất vị tha và khoan dung, nó cũng sẵn sàng đón nhận tấm lòng của một con người biết sám hối, biết vươn lên hoàn thiện mình. Cuộc đời mỗi con người không ai có thể đoán biết trước được. Không ai mãi sống trong một cuộc sống yên bình mà không có khó khăn, thử thách. Cũng như một dòng sông, đời người là một chuỗi dài với những quanh co, uốn khúc . Và chính trong những khúc quanh ấy, những biến cố ấy, con người mới thật sự hiểu được cái gì là quan trọng, cái gì sẽ gắn bó với họ trong suốt hành trình dài và rộng của cuộc đời. Dường như người lính trong bài thơ đã hiểu được điều đó!

“Ngửa mặt lên nhìn mặt
có cái gì rưng rưng
như là đồng là bể
như là sông là rừng

Khi người đối mặt với trăng, có cái gì đó khiến cho người lính áy náy dù cho không bị quở trách một lời nào. Hai từ mặt trong cùng một dòng thơ: mặt trăng và mặt người đang cùng nhau trò chuyện. Người lính cảm thấy có cái gì rung rung tự trong tận đáy lòng và dường như nước mắt đang muốn trào ra vì xúc động trước lòng vị tha của người bạn tri kỉ của mình. Đối mặt với vầng trăng, bỗng người lính cảm thấy như đang xem một thước phim quay chậm về tuổi thơ của mình ngày nào, nơi có sông và có bể. Chính những thước phim quay chậm ấy làm người lính trào dâng nhưng nỗi niềm và ngừng giọt nước mắt tuôn ra tự nhiên, không chút gượng ép nào! Những giọt nước mắt ấy đã phần nào làm cho người lính trở nên thanh thản hơn, làm tâm hồn anh trong sáng lại. Một lần nữa những hình tượng trong tuổi thơ và chiến tranh được lấy lại làm sáng tỏ những điều mà con người cảm nhận được. Cái tâm hồn ấy, cái vẻ đẹp mộc mạc ấy không bao giờ bị mất đi, nó luôn lặng lẽ sống trong tâm hồn mỗi con người và nó sẽ lên tiếng khi con người bị tổn thương. Đoạn thơ hay ở chất thơ mộc mạc, chân thành, ngôn ngữ bình dị mà thấm thía, những hình ảnh đi vào lòng người. Vầng trăng trong khổ thơ thứ ba đã thực sự thức tỉnh con người:

“Trăng cứ tròn vành vạnh
 kê chi người vô tình
 ánh trăng im phăng phắc
 đủ cho ta giật mình”

Khổ thơ cuối cùng mang tính hàm súc độc đáo và đạt tới chiều sâu tư tưởng và triết lí. Trăng tròn vành vạnh là vẻ đẹp của trăng vẫn viên mãn, tròn đầy và không hề bị suy suyển dù cho trải qua biết bao thăng trầm. Trăng chỉ im lặng phăng phắc, trăng không nói gì cả, trăng chỉ nhìn, nhưng cái nhìn đó đủ khiến cho con người giật mình. ánh trăng như một tấm gương để cho con người soi mình qua đó, để con người nhận ra mình để thức tỉnh lương tri. Con người có thể chối bỏ, có thể lãng quên bất cứ điều gì trong tâm hồn anh ta. Nhưng dù gì đi nữa thì những giá trị văn hoá tinh thần của dân tộc cũng luôn vậy bọc và che chở cho con người.

Ánh trăng đã đi vào lòng người đọc bao thế hệ như một lời nhắc nhở đối với

mỗi người: Nếu ai đã lỡ quên đi, đã lỡ đánh mất những giá trị tinh thần quý giá thì hãy thức tỉnh và tìm lại những giá trị đó. còn ai chưa biết coi trọng những giá trị ấy thì hãy nâng niu những kí ức quý giá của mình ngay từ bây giờ, đừng để quá muộn. Bài thơ không chỉ hay về mặt nội dung mà còn có những nét đột phá trong nghệ thuật. Thể thơ năm chữ được vận dụng sáng tạo, các chữ đầu dòng thơ không viết hoa thể hiện những cảm xúc liên mạch của nhà thơ. Nhịp thơ biến ảo rất nhanh, giọng điệu tâm tình đã gây ấn tượng mạnh trong lòng người đọc.

Bài 11: Cảm nhận về đoạn trích chị em Thuý Kiều **Bài làm**

Nguyễn Du là đại thi hào của dân tộc Việt Nam, danh nhân văn hoá thế giới, là nhà thơ xuất sắc Việt Nam cuối thế kỉ thứ 18 đầu thế kỉ thứ 19. Truyện Kiều là một kiệt tác của thiên tài Nguyễn Du. Đây là tác phẩm có giá trị rất lớn về nội dung tư tưởng và nghệ thuật. Đoạn trích "Chị em Thuý Kiều" được trích ở phần 1- Gặp gỡ và đính ước, trong Truyện Kiều. Đoạn trích đã tập trung miêu tả người bằng nghệ thuật đặc sắc và thành công nhất của tác giả.

Bút pháp tả người của Nguyễn Du trước hết là bút pháp ước lệ tượng trưng thường gặp trong thơ cổ điển. Tả về chị em Thuý Kiều tác giả bắt đầu từ cái chung:

Đầu lòng hai ả tố nga

Thuý Kiều là chị em là Thuý Vân

Mai cốt cách tuyết tinh thần

Mỗi người một vẻ mười phân vẹn mười

Đầu tiên tác giả giới thiệu gia đình họ Vương có hai cô con gái đầu lòng Thuý Kiều là chị Thuý Vân là em cả hai đều là những cô gái đẹp Tố Nga tác giả sử dụng hai hình ảnh

ẩn dụ ước lệ tượng trưng **mai cốt cách tuyết tinh thần** để miêu tả vẻ đẹp của chị em Thuý Kiều họ mang vóc dáng thanh cao mảnh dẻ yếu điệu mềm mại như cây mai suy nghĩ tình cảm tâm hồn trắng trong như tuyết cả hai đều đẹp mười phần vẹn mười nhưng mỗi người lại một vẻ . Tiếp đó tác giả miêu tả vẻ đẹp của Thuý Vân bằng các hình ảnh chọn lọc từ ngữ tiêu biểu :

Vân xem trang trọng khác vời
 Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang
 Hoa cười ngọc thốt đoang trang
 Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da

Câu thơ mở đầu giới thiệu khái quát được nhân vật bằng 4 chữ trang trọng khác vời" , nói lên vẻ đẹp cao sang quý phái của Thuý Vân . Vẫn bằng bút pháp ước lệ tượng trưng với những hình ảnh quen thuộc nhưng tả Vân tác giả có nhiều hướng tả cụ thể trong thủ pháp liệt kê cụ thể trong việc sử dụng từ ngữ để làm nổi bật riêng đối tượng miêu tả đầy đặn nở nang đoang trang, sử dụng biện pháp ẩn dụ nhân hoá: khuôn trăng nét ngài hoa cười ngọc thốt mây thua tuyết nhường góp phần thể hiện vẻ đẹp phúc hậu quý phái của Thuý Vân . Khuôn mặt tròn trịa toả sáng đầy đặn như mặt trăng, lông mày sắc nét đậm như con ngài, miệng cười tươi như hoa, giọng nói trong trẻo toát ra từ hàm răng ngà ngọc, mái tóc đen óng nhẹ hơn mây, da trắng mịn hơn tuyết, tính cách nghiêm trang đứng đắn .

Qua đó, Thuý Vân hiện lên là cô gái đoang trang phúc hậu. Chân dung Thuý Vân là chân dung mang tính cách, số phận. Vẻ đẹp của Thuý Vân tạo sự hoà hợp êm đềm với xung quanh mây thua tuyết nhường , nên nàng sẽ có một cuộc đời bình lặng suôn sẻ hạnh phúc .

Sau khi miêu tả vẻ đẹp của Thuý Vân tác giả miêu tả vẻ đẹp của Thuý Kiều. Nếu Thuý Vân được giới thiệu qua 4 câu với vẻ đẹp cộng phẩm chất thì Thuý Kiều được miêu tả qua 12 câu. Đây là nghệ thuật đòn bẩy làm nổi bật nhân vật chính của tác giả :

Kiều càng sắc sảo mặn mà
 So bề tài sắc lại là phần hơn

Làn thu thủy nét xuân sơn
 Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh
 Một mai nghiêng nước nghiêng thành
 Sắc đành đòi một tài đành họa hai

Cũng như lúc tả Vân, câu thơ đầu khái quát đặc điểm nhân vật. Kiều sắc sảo về trí tuệ, mặn mà về tâm hồn. Gọi tả vẻ đẹp của Kiều, tác giả vẫn dùng những hình ảnh ước lệ ẩn dụ làn thu thủy nét xuân sơn (nước mùa thu, núi mùa xuân). Nét vẽ của thi nhân thiên về gọi tả về vẻ đẹp của một giai nhân tuyệt thế. Điều đáng chú ý là khi họa bức chân dung Kiều, tác giả tập trung gọi tả vẻ đẹp đôi mắt, bởi đôi mắt thể hiện phần hình ảnh của tâm hồn và trí tuệ. Làn thu thủy gọi lên vẻ đẹp của đôi mắt trong sáng, long lanh, linh hoạt; nét xuân song gọi lên đôi lông mày thanh tú, mềm mại, tươi non trên gương mặt trẻ trung. Bằng hình ảnh nhân hoá hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh, tác giả làm nổi bật dung nhan của Kiều đậm thắm khiến hoa phải ghen, dáng trẻ trung đầy sức sống khiến liễu phải hờn. Nàng có vẻ đẹp làm say đắm, chinh phục lòng người qua điển tích điển cố nghiêng nước nghiêng thành. Nàng quả là một trang tuyệt thế giai nhân nhưng nàng không chỉ đẹp mà còn rất đa tài:

Thông minh vốn sẵn tính trời
 Pha nghề thi họa đủ mùi ca ngâm
 Cung thương lầu bậc ngũ âm
 Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một trương
 Khúc nhà tay lựa nên trương
 Một thiên bạc mệnh lại càng lão nhân

Nàng thông minh bẩm sinh, có tài làm thơ vẽ pha nghề ca hát đủ mùi, tài đàn ăn đứt, âm luật giỏi đến mức lầu bậc, còn sáng tác nhạc một thiên bạc mệnh- chính là sự ghi lại tiếng lòng của một trái tim đa sắc đa cảm. Vẻ đẹp của Kiều là sự kết hợp giữa sắc tài và tình.

Chân dung Thuý Kiều cũng là chân dung mang tính cách số phận vẻ đẹp của nàng làm cho tạo hoá phải ghen ghét vẻ đẹp của nàng hoa ghen liễu hờn nên số phận của nàng sẽ

éo le đau khổ.

Bốn câu thơ cuối Nguyễn Du giới thiệu về cuộc sống của chị em Thuý Kiều tuy là khách hồng quần đẹp thế lại phong lưu rất mực, đã tới tuần kập kê nhưng cả hai vẫn sông một cuộc đời êm đềm trong khuôn phép gia giáo:

Êm đềm trướng rủ màn che

Tường đông ong bướm đi về mặc ai

Đoạn thơ có âm điệu nhẹ nhàng tạo nên một cuộc sống yên vui êm ấm của những thiếu nữ phòng khuê.

Đoạn trích Chị em Thuý Kiều là một trong những đoạn thơ hay nhất đẹp nhất trong Thuý Kiều, ngôn ngữ thơ tinh luyện giàu cảm xúc, nét vẽ hàm súc gợi cảm, sử dụng biện pháp ẩn dụ nhân hoá để dựng lên bức chân dung hai chị em Thuý Kiều. Đáng quý là bức chân dung tuyệt vời ấy lại được dựng lên bằng tình yêu thương trân trọng đối với con người của tác giả. Đọc đoạn trích ta cảm nhận được vẻ đẹp tài sắc của Thuý Kiều và thấy mình cần phải tích cực tu dưỡng rèn luyện để trở thành con người toàn diện, có ích cho đất nước ngày mai.

Bài 12: Vẻ đẹp ngôn từ nghệ thuật trong Truyện Kiều của Nguyễn Du qua một số đoạn trích đã học
--

Xưa nay, nghiên cứu ngôn từ nghệ thuật trong Truyện Kiều , người ta thường hay chú ý trước hết đến những chỗ dùng từ chính xác, từ hay , tinh tế thường được gọi là lối dùng từ đắt của Nguyễn Du ,cũng như cách dùng hư từ , khối lượng từ đồng nghĩa , từ có phong cách khẩu ngữ, từ mang phong vị ca dao , thành ngữ, tục ngữ ...

Ví như hai từ **đầy đặn , nở nang** trong câu thơ : **Khuôn trăng đầy đặn / Nét ngài nở nang** khi tác giả dùng để miêu tả Thuý Vân. Hai từ đó không chỉ đơn thuần là miêu tả khuôn mặt tròn trịa ,đầy đặn như mặt trăng đêm rằm của nàng Vân , cũng như cả cái nét ngài minh bạch ,rõ ràng , uốn cong thanh tú của nàng mà đó còn là sự đầy đặn, mỹ mãn của số phận , của cuộc đời nàng . Hai chữ **thua , nhường** trong câu thơ **Mây thua nước tóc , tuyết nhường màu da** dùng để chỉ thiên nhiên và cũng chính là tạo hoá sẽ chịu thua mái tóc mây, dài, xanh mượt, màu da trắng như tuyết để nhường bước cho nàng đi trên con đường bằng phẳng , không hề có chông gai .

Hay như chữ **thông minh** trong câu **Thông minh vốn sẵn tính trời** dùng để nhấn mạnh trí tuệ thiên bẩm của nàng Kiều mà nhiều người cho rằng đó là một nhân tự nhờ cách nhà thơ đưa từ này lên đầu câu , nó không chỉ nhằm khắc hoạ một tính cách mà là cả một nhân cách . Kiều đẹp sắc sảo, mặn mà - Một vẻ đẹp vừa rực rỡ , vừa hấp dẫn , rất có hồn , điều đó đã quá rõ rồi. Nhưng Kiều chiếm được cảm tình nơi bạn đọc không phải vì cái vẻ sắc nước hương trời ,cùng tài năng hiếm có của nàng , mà chủ yếu là phẩm cách tuyệt vời và một trí tuệ hơn người . Trong tác phẩm Truyện Kiều , Nguyễn Du đã nhiều lần viết về tài hoa và trí tuệ theo kiểu ấy . Chẳng hạn như câu Anh minh phát tiết ra ngoài Điều đó cho thấy ánh sáng trí tuệ chính là yếu tố nổi bật trong tài hoa của Thuý Kiều .

Còn như từ **não** trong câu **Một thiên bạc mệnh lại càng não nhân** . ở đây , Nguyễn Du đã sử dụng từ não rất chính xác .Nội hàm ý nghĩa của từ này diễn đạt nỗi buồn đã có sẵn tự trong lòng . Nó không chỉ đơn thuần là sầu , buồn , là những từ diễn đạt nỗi buồn trên sắc diện con người mà là não (não lòng , não ruột) . Âm thanh của từ ngữ này dường như xoáy sâu vào tâm can người đọc . Bởi lẽ , khúc nhạc tiêu tao của thiên bạc mệnh ấy đã từng khiến cho biết bao người rung cảm, sầu não theo từng khúc nhạc não nề . Nó đã từng khiến cho Kim Trọng nao nao lòng người , Thúc Sinh phải tan nát lòng và cho cả trái tim vô tình, sắt đá của quan Tổng đốc trọng thần Hồ Tôn Hiến cũng phải cảm thương mà rơi châu nhỏ lệ . Cung đàn bạc mệnh của Kiều đã trở thành một hình tượng nghệ thuật thể hiện tâm hồn đa sầu, đa cảm và số phận bi thương của

Kiều là vì thế . Cả câu Nãi người cũ gió tuàn mưa, thì từ nãi cũng được dùng với ý nghĩa như vậy .

Nhiều người cho rằng Nguyễn Du sử dụng từ ngữ rất đắt . Đắt vì nhiều khi chỉ một chữ thôi đã có thể lột tả được bản chất bên trong của con người . Đó là trường hợp câu thơ **Mây râu nhẵn nhụi, áo quần bảnh bao** mà nhà thơ dùng để khắc hoạ nhân vật Mã Giám Sinh lúc đến hỏi Kiều về làm vợ . Một kẻ đã ngoài tứ tuần mà Mây râu nhẵn nhụi, áo quần bảnh bao thì thật nực cười và kỳ cục đến không thể chấp nhận được. Bởi **nhẵn nhụi** là từ ngữ người ta thường dùng để chỉ độ trơn , bóng , láng của đồ vật , chứ không phải dùng để chỉ tính chất trang nhã , lịch sự của con người . Còn từ **bảnh bao** thường dùng để khen trẻ em có quần áo đẹp lại dùng cho Mã Giám Sinh thì lại có ý chế giễu , mỉa mai . Một kẻ đã nhiều tuổi nhưng lại cố ý tô vẽ , tía tót thì lại trở nên kệch cỡm , giả tạo và có phần trai lơ , đàng điếm .

Đặc sắc nhất vẫn là cách dùng từ trong câu **Ghế trên ngai tốt sổ sàng** - một cử chỉ vội vàng , khiếm nhã khiến Nguyễn Du phải hạ ngay một từ **sổ sàng** . Cử chỉ ấy không phù hợp với một người đi hỏi vợ và lại càng không đúng với phẩm cách văn hoá của một giám sinh . Nó quá bất ngờ so với sự chờ đợi của người đọc, quá phi lý so với vai trò của một sinh viên trường Quốc Tử Giám . Cử chỉ này là tín hiệu đầu tiên để bước đầu khẳng định bản chất của Mã Giám Sinh . Tự định vị một cách vô lễ , trịch thượng, chường mắt trên chiếc ghế của người bề trên (những bậc cao niên) càng cho thấy tính chất vô học và nhất là tâm lý hợm của của kẻ buôn người giàu có . Chỉ một chữ tốt đã phủ nhận vai trò giám sinh của gã họ Mã .

Như thế cũng chưa đủ . **Cái cách cò kè thêm bớt** đến cả một giờ lâu rồi mới ngã giá vàng ngoài bốn trăm thì Nguyễn Du đã lột tả được bộ mặt gớm ghiếc, giả dối của Mã Giám Sinh . Hắn đã hiện nguyên hình là một gã con buôn lọc lõi chỉ cần biết một điều là làm sao mua được món hàng với giá hời nhất , chỉ cần một vốn mà có đến bốn lời là được .Chỉ với một từ **cò kè** rất con buôn Nguyễn đã cho ta thấy được bộ mặt tàn ác, dơ bẩn nhất của bọn buôn thịt bán người mà Mã Giám Sinh là đại diện .

Và trong đoạn đời đầu tiên của bước lưu lạc, lúc Kiều được đưa ra ở lầu Ngưng

Bích . Nàng đã sống trong một tâm trạng buồn tủi , chua xót đến cực độ . Nàng đâu còn cơ hội khoá kín tuổi xuân của mình nữa . Nàng không còn giữ được chữ trinh đối với chàng Kim thì hai chữ **khoá xuân** lại đầy mĩa mai đối với nàng . Thực chất nàng đang bị Tú Bà giam lỏng để chờ ngày kén chồng tử tế , nhưng thực ra là mụ đang rắp tâm thực hiện một âm mưu mới .

Trong cảnh vô võ cô đơn , trơ trọi nàng đã tưởng nhớ đến người yêu . Chỉ một từ tưởng mà nói được bao điều . Nếu mơ là luôn nghĩ đến những kỉ niệm , những điều tốt đẹp về nhau ; hay nhớ cũng là nghĩ đến những điều tốt đẹp nhưng lại có thêm ý mong mỗi có ngày gặp lại thì tưởng cũng là mơ là nhớ nhưng với Kiều chỉ là tưởng , chỉ xem mỗi tình đầu trong trắng, ngây thơ của mình là một kỉ niệm đẹp , không dám mơ tưởng những gì xa xôi lại càng không dám mong gì ngày gặp lại . Nhớ người yêu , Kiều cũng rất nhớ về cha mẹ . Nhưng Nguyễn Du không dùng thương hay nhớ mà lại dùng một chữ **xót** ở đầu câu thơ . Bởi xót đâu chỉ đơn thuần là nhớ , là thương mà còn bao hàm cả nỗi giận đời và trách mình .

Ngay cả việc sử dụng điệp ngữ **buồn trông** ở cuối đoạn thơ Kiều ở lầu Ngưng Bích ta càng thấy Nguyễn Du không hề vô tình khi đặt chữ buồn đứng trước chữ trông . Buồn mà trông , buồn rồi mới trông là nỗi buồn thấm sâu tận đáy lòng Kiều để rồi trông vào mọi vật nàng chỉ thấy thấp thoáng mơ hồ , tàn tạ, héo uá như chính cuộc đời của nàng cùng với nỗi lo sợ hãi hùng về một tương lai mờ mịt . Thật đúng là Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ .

Đọc Truyện Kiều ta còn bắt gặp được nhiều câu thơ , nhiều từ ngữ đặc sắc như thế . Chữ **cậy** em và chữ **chịu** lời trong câu 723 dùng thật khéo . Cụ Nguyễn Du dùng chữ cậy là tuyệt hay vì nếu thay chữ nhờ và chữ nghe lời vào thì câu thơ sẽ là Nhờ em em có nghe lời thành ra quá áp đặt , câu thơ trở nên tầm thường, nhạt nhẽo , không còn ý vị gì nữa . Vì điều Kiều sắp nói cho em biết thuộc về chữ tình nên chưa chắc em đã nhận lời cho . Do vậy , dùng cậy và chịu lời là hợp lý nhất .

Chữ **tốc** dùng trong câu 1.133 Tú Bà tốc thẳng tới nơi lúc sở khanh đưa Kiều chạy trốn là tuyệt khéo . Chỉ mới nghe câu thơ ấy thôi cũng đủ biết rằng mụ Tú Bà giận dữ

lắm , đáng bộ hung hăng, vội vàng lắm , mặc dù điều đó nằm trong âm mưu của mẹ nó hoàn toàn khác cái vẻ thông dong khi mẹ dạy Kiều nghề chơi. Một chữ tốc thôi nhưng có sức mạnh lạ thường .

Như chỗ nàng Kiều vượt tường để trốn khỏi Quan Âm Các của nhà họ hoạn Cát mình qua ngọn tường hoa câu 2.227 . Chữ **cát** dùng ở đây thật tuyệt . Vì ý nó mơ hồ ,ta không thể biết được là nàng Kiều văng mình qua tường hay treo qua tường để trốn đi .

Hay như chữ chặn trong **cặp** câu thơ 3.181 , 3.182 trong màn Đoàn viên : Thân tàn chặn đục khơi trong/ Là nhờ quân tử khác lòng người ta . Nguyễn Du dùng **chặn** mà không dùng **gạn** . Bởi vì từ chặn được dùng với nghĩa chặn dòng đục trong quá khứ của cuộc đời Kiều . Quả thật với hoàn cảnh Kiều lúc bấy giờ thì không thể gạn đục khơi trong được . Chữ chặn vì thế mà có giá trị biểu cảm cao .

Nhìn chung, từ ngữ Truyện Kiều không chỉ hay mà còn rất đắt , rất độc đáo. Nhiều chữ được dùng đi, dùng lại rất nhiều lần nhưng với một nét nghĩa mới nên không thấy nhàm chán như 63 trường hợp sử dụng từ thân, 59 từ xuân, 14 từ ngựa , rất nhiều lần sử dụng chữ tâm và chữ tài . Ngay như chữ chút là một uyển ngữ rất khó dùng , thế mà Nguyễn Du sử dụng được 47 chữ như thế

Một số tư liệu để giáo viên và học sinh tham khảo bổ xung về vấn đề nghệ thuật sử dụng ngôn từ trong Truyện Kiều của Nguyễn Du.

Vấn đề sử dụng từ ngữ ước lệ trong Truyện Kiều :

Là nhà thơ thiên tài của dân tộc , Nguyễn Du là người chịu ảnh hưởng rất lớn thi pháp cổ điển về khắc hoạ , xây dựng hình tượng nhân vật . Vì thế ngôn từ ước lệ được sử dụng nhiều trong Truyện Kiều . Cũng giống như người xưa , nhà thơ đã lấy vẻ đẹp của thiên nhiên như tuyết - mai , trăng - hoa, mây - tuyết , thu thủy - xuân sơn , hoa - liễu làm chuẩn mực , làm thước đo giá trị , vẻ đẹp của con người . Tác giả đã dùng bút pháp cực tả tuyệt đối hoá , lý tưởng hoá nhan sắc cốt cách hai chị em Kiều . Đó là Mai cốt cách , tuyết tinh thần , khuôn trăng , nét ngài , hoa cười ngọc thốt , mây thua, tuyết nhường , làn thu thủy, nét xuân sơn , hoa ghen, liễu hờn Để khắc hoạ cái cốt cách thanh

tao , mảnh dẻ như mai ; tinh thần trong trắng như tuyết. Một vẻ đẹp mười phần vẹn mười nhưng mỗi người một vẻ của chị em Kiều .

Tả nàng Vân kiều diễm Nguyễn Du dùng : khuôn trăng, nét ngài , hoa cười, ngọc thốt , mây thua , tuyết nhường cùng với một số từ nôm na như khác vời và những từ ngữ đầy đặn, nở nang vừa khắc hoạ được vẻ đẹp đoan trang, phúc hậu của nàng Vân , vừa như dự báo được cuộc sống sau này rất bình lặng của nàng .

Còn với Kiều , Nguyễn Du đã dùng vẻ đẹp của Thuý Vân để bầy vẻ đẹp của Kiều . Nhà thơ đã dùng đến 12 câu thơ để khắc hoạ về Kiều . Điều đó chứng tỏ nhà thơ đã dành cho nhân vật chính của mình một tình cảm hết sức đặc biệt . Nhiều thi liệu cổ đã được huy động để khắc hoạ bức chân dung tuyệt mỹ của giai nhân như : Làn thu thủy , nét xuân sơn , hoa ghen , liễu hờn Với bút pháp lý tưởng hoá , Kiều hiện ra trước mắt người đọc bằng hình ảnh một thiếu nữ có đôi mắt trong sáng , bình lặng như mặt nước hồ thu ; nét mày uốn cong thanh tú như dáng núi mùa xuân .Thật là một dung nhan rực rỡ , sắc sảo mặn mà , vừa có duyên, vừa có hồn . Nhưng đẹp đến độ sắc nước hương trời

chim sa cá lặn , nước thành nghiêng đổ , hoa phải ghen , liễu phải hờn tất cuộc đời sẽ gặp nhiều sóng gió, đau khổ Mười lăm năm lưu lạc chìm nổi của Kiều đã chứng minh rõ điều đó .

Là một nghệ sĩ về ngôn từ , Nguyễn Du không sử dụng những thi liệu cổ ấy một cách máy móc rập khuôn mà sự sáng tạo của nhà thơ là rất lớn . Nói tới nỗi buồn của người đẹp , nhà thơ gắn với những thềm hoa ,lệ hoa , rồi nét buồn như cúc , điệu gầy như mai Nói chung , qua việc sử dụng những thi liệu cổ nhà thơ đã tạo ra những từ ngữ rất riêng , rất Nguyễn Du , nhưng vẫn là ngôn ngữ dân tộc .

Ngôn từ thiên nhiên (vũ trụ thi ca) của Truyện Kiều .

Theo tác giả Đặng Tiến thì vũ trụ thi ca trong Truyện Kiều là một không gian với chân trời rộng . Ngoài thềm cỏ non phải xanh tận chân trời (Cảnh ngày xuân) thì không gian còn là một vũ trụ rộng, trông,mờ xa tít tắp với vẻ non xa , tấm trăng gần ; với cát vàng còn nọ, bụi hồng dặm kia (Kiều ở lầu Ngưng Bích). Đó là một vũ trụ từ chối cuộc sống, từ chối con người -một vũ trụ mà cảnh vật bốn bề bát ngát xa trông, bên thì

còn cát nhấp nhô như sóng lượn , bên thì bụi hồng trải dài khắp dặm xa mênh mông .

Ngoài ra, trong Truyện Kiều Nguyễn Du còn sử dụng rất nhiều ngôn từ vũ trụ thi ca : Con đường khuya thì phải ngắt tạnh mù khơi , màu của rừng thu phải là màu quan san , khung trời thương nhớ phải gợn áng mây Tần xa xa , đến túp lều cỏ bên sông Tiền Đường cũng phải là Một gian nước biếc mây vàng chia đôi . Bên cạnh đó còn có những dặm vi lô hiu hắt , những bờ liễu loi thôi , những rừng phong quan tái . Rồi đến cảnh màu xanh tơ liễu bên cầu , gió cây trút lá , mấy ngàn dâu xanh xuất hiện trong Truyện Kiều những giờ phút chia phôi , những lúc bước chân ngập ngừng , những lúc tâm hồn phân tán Dường như nhà thơ muốn thu nhận cả đất trời nhân loại bằng cái nhìn phơi trải trong hình ảnh non phơi bóng vàng , cái nhìn đo lường kích thước cuộc sống hằng ngày để xác định vị trí , tầm sống của mình trước cuộc đời .

4 . Về ngôn từ chỉ màu sắc trong Truyện Kiều :

Truyện Kiều có nhiều từ ngữ chỉ màu sắc (có đến 119 lần) , với nhiều màu khác nhau. Nguyễn Du dùng từ chỉ màu sắc để tạo thành các hình tượng có nội dung khái quát, rộng lớn và giàu giá trị thẩm mỹ .

Trước hết cần xét từ ngữ chỉ màu sắc trong các đoạn trích học (sách Ngữ Văn 9 - tập 1) :Tả nàng Vân với mái tóc dài, mượt còn xanh hơn cả mây ; làn da trắng mịn hơn cả tuyết (Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da) . ở đây Nguyễn Du dùng màu mây thay cho màu đen của mái tóc . Bởi trong Truyện Kiều chưa có màu đen có ý nghĩa đẹp cho nên tóc đen đẹp được gọi là tóc mây .

Tả nàng Kiều với đôi môi đỏ thắm khiến hoa phải ghen vì thua thắm và mái tóc xanh mượt khiến liễu phải hờn (Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh) .

Rồi đến màu cỏ non xanh tận chân trời , một màu xanh trải dài mênh mông tí tắp , mà nổi bật trên cái nền toàn cảnh màu xanh ấy là sự điểm xuyết của một vài bông hoa lê màu trắng . Những màu sắc có sự hài hoà tới mức tuyệt diệu làm cho bức tranh thiên nhiên càng thêm tươi đẹp - những màu sắc tươi sáng, đầy sức sống .

Không chỉ có màu trắng , màu xanh , Nguyễn Du còn đề cập đến màu vàng , màu hồng trong câu Cát vàng còn nọ, bụi hồng dặm kia . Đó không chỉ đơn thuần là sắc vàng của

còn cát nhấp nhô, sắc hồng của từng đám bụi cuốn lên từng dặm xa mênh mông mà còn là cát bụi của cuộc đời .

Đó là màu vàng tàn tạ héo uá của nội cỏ dầu dầu / Chân mây mặt đất một màu xanh
xanh là những màu buồn ,ảm đạm, thiếu sức sống , màu của bế tắc, không lối thoát .

Trong Truyện Kiều ,từ ngữ chỉ màu sắc ít có tính chất tả thực mà nặng về tính biểu trưng . Tác giả thường lấy màu của sự vật để tả cảnh, gợi tình. ở đây có mặt sắt đen sì của Hồ Tôn Hiến , có lờn lợt màu da của mụ Tú Bà, mặt như chàm đỏ của Thúc Sinh v.v... Màu cỏ cũng đa dạng : khi thì Cỏ non xanh tận chân trời , khi thì Dầu dầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh khi thì cỏ lợt màu sương , khi thì cỏ áy bóng tà, khi thì Một vùng cỏ mọc xanh rì.

Với Nguyễn Du màu sắc là sản phẩm của cảnh vật và tâm lý . Màu cỏ non xanh gắn với bao cảm xúc bao la về viễn cảnh của cuộc đời , với vẻ thanh tân, trinh trắng của một vài bông hoa lê đầu mùa , Ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh như cuộc đời dang dở . Cỏ áy bóng tà - cỏ nhuốm ánh vàng của nắng chiều như có cái gì xôn xang, day dứt .

Màu sắc trong Truyện Kiều còn là màu sắc của tình cảm . Đó là những màu quan san, màu quan tái , màu khơi trêu , màu của nỗi nhớ Bốn phương mây trắng một màu / Trông vơí cố quốc biết đâu là nhà . Hay trời cao trông rộng một màu bao la . Có thể nói, Nguyễn Du không chỉ nắm bắt sắc màu của sự vật mà còn nắm bắt và diễn tả cả sắc màu tình cảm nhuốm đậm lên cảnh vật, không gian làm cho phong cảnh trở nên sinh động, có hồn.

5.Về cách sử dụng hư từ :

Theo ý kiến của nhiều người thì vấn đề dùng hư từ chỉ có Truyện Kiều của Nguyễn Du là dùng đúng nhất .Cụ thể là các chữ : bao, bấy được dùng một cách độc chiếc trong Truyện Kiều Trãi bao thỏ lặn ác tà ; Quân bao tháng đợi năm chờ ; Trời Liêu non nước bao xa ; Biết bao duyên nợ thề bồi ; Ai ai cũng đội trên đầu xiết bao . Năm chữ bao ấy đều dùng chữ bằng nào mà cất nghĩa được cả : trải bằng nào ngày đêm ; đợi chờ đến bằng nào năm tháng ; xa bằng nào ; thề bồi bằng nào ; đội trên đầu bằng nào . Tất cả

đều có ý hỏi để tỏ ra nghĩa là nhiều không phải ít . Cũng vậy, chữ bấy được dùng độc chiếc như : Khéo vô duyên bấy là mình với ta ; Phũ phàng chi bấy hoá công ; Trời làm chi cực bấy trời ; Thân sao bướm chán , ong chường bấy thân ; Hoa sao hoa khéo đoạ đầy bấy hoa . Năm chữ bấy ấy đều dùng bằng ấy mà cất nghĩa được cả : vô duyên bằng ấy , phũ phàng bằng ấy , cực bằng ấy , chán chường bằng ấy , đoạ đầy bằng ấy ; Đều có tỏ lòng thương tiếc hoặc trách móc .

Rồi đến chữ bấy , nhưng chữ này không thể dùng độc chiếc (Lão kia có giờ bài bấy) . Nhà thơ Nguyễn Du đã đặt sau các chữ bao , bấy , bấy một chữ để làm thành liên tự chỉ thời gian như : bao giờ , bấy giờ , bấy giờ Những hư từ này được sử dụng nhiều trong Truyện Kiều

Các liên từ : bao nhiêu , bấy nhiêu cũng được sử dụng một cách linh hoạt trong tác phẩm cụ thể là 3 trường hợp sau :

Sính nghi xin dạy bao nhiêu cho tường ; Bao nhiêu của , mấy ngày đường . Bao nhiêu dùng độc chiếc không đi đôi với bấy nhiêu.

2. Vầy vùng trong bấy nhiêu niên ; Gặp nhau còn chút bấy nhiêu là tình , thì bấy nhiêu dùng độc nhất không đi với bao nhiêu .

Bao nhiêu cũng bấy nhiêu tiền mất chi; Bao nhiêu đi đôi với bấy nhiêu

6 . Sự sáng tạo của Nguyễn Du trong việc sử dụng ngôn từ nghệ thuật .

a / Trước hết, cần nói đến từ ngữ mang phong vị ca dao , thành ngữ , tục ngữ .

Ở đoạn thơ tả cảnh ngụ tình đặc sắc nhất trong Truyện Kiều xuất hiện một tứ thơ mang phong cách thành ngữ tục ngữ . Để diễn tả nỗi lòng tưởng nhớ người yêu , xót thương cha mẹ , Nguyễn Du đã biểu đạt tâm tư ấy qua chiều dài của thời gian và khoảng cách của không gian như : dưới nguyệt chén đồng , rày trông mai chờ , tựa cửa hôm mai cách mấy nắng mưa , chân trời góc bể , tấm son gột rửa, hoa trôi man mác , nội cỏ dầu dầu, chân mây mặt đất , gió cuốn mặt duềnh , âm âm tiếng sóng Những từ ngữ này làm cho cách sử dụng ngôn từ trở nên gần gũi , dễ hiểu , mang đậm màu sắc dân tộc . b / Cách tạo từ mới đặc sắc trong Truyện Kiều .

Nguyễn Du đã tạo ra hàng loạt ngôn từ không có trong thực tế , cũng không có trong từ

điển thông thường ; mà theo ông Trần Đình Sử đó là những ngôn từ ý tượng (là hình ảnh chỉ nảy sinh trong tâm tưởng , không phải là hình ảnh sao chép thực tại) có cấu tạo riêng , nói lên sự cảm thụ chủ quan của tác giả :

Nói tới nước mắt thì nói giọt ngọc , giọt châu , giọt sương , giọt hồng , giọt tủi, giọt riêng ...Nói đến giấc ngủ thì ông nói giấc xuân , giấc mai, giấc hoè , giấc tiên, giấc nồng Nói tới mái tóc , không chỉ là tóc mây , tóc sương mà là mái sâu .

Nói tới đường xa , ông nói thành dặm hồng , dặm xanh , dặm băng , dặm khách , dặm phần

Nói tới chén rượu ông lại nói tới chén xuân , chén quỳnh , chén đưa, chén mời , chén khuyên chén đồng mang đầy sắc thái khác nhau của tình huống .

Nói tới cửa sổ ông cũng nói bằng những từ của riêng ông : song sa , song mai , song hồ , song mây , song trắng , song đào , song phi

Nói tới bóng trăng thì là bóng nga, bóng nguyệt

Nói tới tấm lòng thì ông gọi là tấm riêng , tấm yêu , tấm son ,tấm thành hoặc tắc cỏ ,tắc riêng , tắc son, tắc lòng

Cùng là gió mà có bao nhiêu thứ gió như : gió mưa , gió trăng , gió trúc mưa mai, gió tựa hoa kè , gió tủi mưa sâu

Những ngôn từ ý tượng này cũng là phương diện cơ bản của ngôn từ nghệ thuật Truyện Kiều . Nguyễn Du đã phá vỡ cách tạo từ thông thường để tạo từ mới gây hiệu quả lạ hoá .Nhà thơ cũng đã phá vỡ nhiều cấu trúc cố định để tạo thành những kết hợp không đâu có . Chẳng hạn : ăn gió nằm mưa , bướm chán ong chường , bướm lả ong lơi, cười phần cột son ,dày gió dạn sương, gìn vàng giữ ngọc, gió gác trăng sân, gió thấm mưa sâu , gió trúc mưa mai , gió giục mây vờn , hoa thả hương thừa , hồn rụng phách rời , lấy gió càn chim , tô lục chuốt hồng , tiếc lục tham hồng , liễu ép hoa nài , liễu chán hoa chê , ngày gió đêm trăng , nắng giữ mưa gìn Các cấu tạo đặc biệt này diễn đạt một trạng thái sự vật có ý nghĩa phổ quát , diễn ra nhiều lần và chỉ hiểu được trong ngữ cảnh tác phẩm Truyện Kiều mà thôi .

Nói tóm lại, trong văn học Tiếng Việt , chỉ đến Truyện Kiều của

Nguyễn Du thì ngôn từ mới tự đứng lên biểu diễn như một nghệ thuật . Nói Nguyễn Du là nhà nghệ sĩ lớn về ngôn từ chính là nói đến cách ứng xử nghệ thuật của ông đối với ngôn ngữ dân tộc và hiệu quả của nó . Điều này có ý nghĩa đặc biệt đối với việc sáng tạo ngôn ngữ thi ca nói chung mà Nguyễn Du là một tấm gương tiêu biểu .

Bài 13: Phân tích bài thơ Viếng lăng Bác của Viễn Phương

Bài làm

Bao giờ cũng thế, một tác phẩm đặc sắc phải bao gồm cái đặc sắc và thành công về cả hai mặt nội dung và nghệ thuật. Tác phẩm ấy như một nguồn nước giếng trong, khơi mãi vẫn không hết cái ngọt ngào, lắng sâu của tình yêu con người, vẫn không cạn nguồn sức mạnh truyền vào trong cuộc sống. Bài thơ Viếng lăng Bác của Viễn Phương là một tác phẩm như thế. Được sáng tác vào năm 1976, bài thơ mang đậm chất trữ tình này đã ghi lại tình cảm sâu lắng, thành kính của nhà thơ khi hoà vào dòng người viếng lăng Bác. Bài thơ cũng là tiếng nói, là nỗi niềm tâm sự của nhân dân Nam Bộ và nhân dân cả nước dành cho Bác.

Mở đầu bài thơ là cảm xúc của tác giả khi vừa bước chân vào lăng. Nhà thơ xưng con và gọi Bác; lời thơ giản dị, mộc mạc mà chất chứa bao tình cảm gần gũi, thân thương, kính trọng chủ tịch Hồ Chí Minh của ông. Điều đó càng cho thấy Bác là một con người rất hoà đồng và gần gũi. Chính vậy nhà thơ Tố Hữu có viết Người là Cha, là Bác, là Anh. Chi tiết thơ Con ở miền Nam còn mang một sắc thái đầy xúc động. Khúc ruột miền Nam là miền đất xa xôi mà Bác không nguôi ngóng chờ, cho đến những ngày trước lúc lâm chung thì trái tim người vẫn luôn hướng về miền Nam ruột thịt. Nơi đó có biết bao đồng bào ta đang ngày đêm chiến đấu và anh dũng hy sinh vì một ngày mai nước nhà thống nhất. Nhưng Bác đã không chờ được đến ngày đó. Người đã ra đi mãi mãi vào cõi vĩnh hằng để lại muôn vàn niềm thương tiếc cho nhân dân ta. Câu thơ đầu

gọn như một lời thông báo nhưng lại chứa chan bao tình cảm xúc động, bồi hồi của tác giả đối với vị cha già kính yêu của dân tộc.

Và trong cái mênh mang sương mù của một ngày mùa thu Hà Nội, qua con mắt thi nhân của Viễn Phương, ta chợt tìm thấy một hàng tre Việt Nam. Đến với Bác, đến với hàng tre, ta như đến với quê hương làng mạc, đến với mái nhà tranh âm vang lời ru của bà, của mẹ; đến với Bác là đến với dân tộc mình, thế mới đẹp làm sao! Hình ảnh nhân hoá hàng tre bão táp mưa sa đứng thẳng hàng còn là biểu tượng bất diệt của con người VN kiên cường, bất khuất biển bi. Màu xanh của tre chính là màu xanh của sức sống VN, màu xanh của hy vọng, hạnh phúc và hoà bình. Đây quả là một tứ thơ độc đáo, giàu ý nghĩa tượng trưng:

“Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác
Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát
Ôi hàng tre xanh xanh Việt Nam
Bão táp mưa sa đứng thẳng hàng

Và nhà thơ phải kính yêu Bác lắm mới viết được những hình ảnh ẩn dụ tài tình này:

“Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng
Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ

Cũng là mặt trời nhưng mặt trời ở câu thơ thứ nhất là mặt trời của thiên nhiên vũ trụ, ngày ngày tỏ sáng, đem sự sống cho muôn loài, vạn vật, nó cũng có lúc quạnh quẽ, u ám. Còn mặt trời của nhân dân VN. mặt trời trong lăng thì vẫn luôn chiếu ánh sáng vĩnh hằng, đỏ mãi. Bác chính là vầng mặt trời hồng toả tia sáng soi rọi con đường giúp dân tộc ta thoát khỏi kiếp đời nô lệ, là sức mạnh giúp nhân dân ta chèo lái con thuyền cách mạng cập bến vinh quang, đi đến bờ thắng lợi. Dù rằng đã ra đi mãi mãi nhưng Bác vẫn luôn bất tử, tư tưởng HCM vẫn luôn trường tồn, soi đường dẫn lối cho dân tộc ta đứng lên.

Hoà nhịp với gần trăm triệu bàn chân VN, hàng triệu bàn chân lao động trên thế giới, Viễn Phương bồi ngùi xúc động bước vào lăng:

“Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ

Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân

Hình ảnh dòng người vào lăng viếng Bác được tác giả ví như nhưng tràng hoa dâng lên người. Bảy mươi chín tràng hoa, ấy là bảy mươi chín mùa xuân, bảy mươi chín năm cống hiến, hy sinh hết mình của Bác đối với dân tộc và nhân dân ta. Và quả thật, Bác chính là mùa xuân, và mùa xuân ấy đã làm cho cuộc đời người dân VN nở hoa. Điệp ngữ ngày ngày đứng mỗi ý thơ giữ vị trí nhấn tự, vừa thể hiện một qui luật trình tự của dòng người vào lăng viếng Bác, lại vừa thể hiện một qui luật tự nhiên của tạo hoá. Đứng trước sự vĩ đại, to lớn của Bác, ta cũng vô thức bị dòng thơ cuốn và trong lăng lúc nào không hay:

“Bác nằm trong giấc ngủ bình yên
Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền
Vẫn biết trời xanh là mãi mãi
Mà sao nghe nhói ở trong tim

Bác đang nằm đây, ngay trước mắt nhà thơ, hiền hậu, nhân từ như một vầng trăng dịu hiền, mát mẻ mà vẫn trong sáng rạng ngời. Ta có cảm giác như Bác vẫn chưa đi xa, vẫn chưa rời khỏi thế gian này mà Người đang ngủ đấy thôi. Lí trí thì nói bác đang ngủ, nghĩa là Bác vẫn còn sống mãi với đất nước, với dân tộc ta như trời xanh còn mãi trên đầu. Mỗi ngày ngẩng đầu nhìn ta lại thấy trời xanh, lại thấy Bác. Bác không bao giờ mất, Bác sống mãi cùng dân tộc ta, trong mỗi cuộc đời, trong mỗi sự việc mà chúng ta làm vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội. Ta biết thế, ta nghĩ thế nhưng sao tim ta vẫn đau nhói, mắt ta vẫn trào dâng khi nhận ra rằng: Bác đã không còn nữa! Khổ thơ thứ hai và ba là một chuỗi các hình ảnh vũ trụ: mặt trời, vầng trăng, trời xanh lồng vào nhau như để ca ngợi tầm vóc lớn lao của Bác; đồng thời thể hiện lòng tôn kính vô hạn của tác giả, của nhân dân đối với vị cha già kính yêu của dân tộc.

Bài thơ bắt đầu bằng sự kiện Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác và cũng kết thúc bằng chi tiết Mai về miền Nam. Đây là giờ phút sắp chia tay với Bác, tâm trạng nhà thơ tràn đầy niềm cảm thương xen lẫn buồn ngủi, lưu luyến. Điều đó được thể hiện qua hình ảnh cường điệu: “Thương trào nước mắt :

“Mai về miền Nam thương trào nước mắt
Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác
Muốn làm đoá hoa toả hương đâu đây
Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này

Tình thương xót nén giữa tâm hồn đã làm nảy sinh bao ước muốn: muốn là con chim để dâng lên tiếng hót vui, muốn là đoá hoa dâng hương thơm ngát, muốn làm cây tre trung hiếu canh gác chi giấc ngủ yên lành của Bác. Nhịp điệu khổ thơ lúc này dồn dập với điệp ngữ muốn làm nhắc lại đến ba lần và các hình ảnh liên tiếp xuất hiện như một dòng khát khao mãnh liệt của nhà thơ muốn được gần Bác mãi mãi.

Bằng tất cả tình cảm chan thành, Viễn Phương đã làm Viếng lăng Bác trở thành một bản tình ca bất tận để lại ấn tượng sâu sắc cho bao người dân Việt Nam. Bài thơ hay không chỉ vì các nghệ thuật, kỹ xảo độc đáo mà quan trọng hơn, đó là sự kết hợp hài hòa giữa cái tâm của một người con yêu nước và cái tài của người nghệ sĩ. Rất nhiều năm tháng đã đi qua nhưng mỗi thế hệ đọc lại Viếng lăng Bác đều đón nhận vào tâm hồn mình một ánh sáng tư tưởng, tình cảm của nhà thơ và đồng thời cũng thấm nhuần vẻ đẹp trong suốt, lấp lánh toả ra từ chính cuộc đời, trí tuệ và trái tim Bác Hồ.

Bài 14: Đọc Nhật kí trong tù của Hồ Chủ Tịch, nhà thơ Hoàng Trung

Thông viết:

**“Tôi đọc trăm bài trăm ý đẹp
ánh đèn tỏa rạng mái đầu xanh
Văn thơ của Bác văn thơ thép
Mà vẫn mệnh mông bát ngát tình**

Em hiểu bốn câu thơ trên như thế nào? Chọn và phân tích những câu thơ tiêu biểu trong Nhật kí trong tù để làm sáng tỏ ý thơ trên.

Bài làm

Giản dị và thực tế như cuộc sống đời thường, thơ văn Bác đi vào lòng người

rất nhẹ nhàng, sâu sắc, mà khi đọc ta không thể nào quên; cũng như bao nhà thơ, nhà văn khác, khi đọc Nhật kí trong tù, nhà thơ Hoàng Trung Thông đã thực sự rung động trước cái hay, cái đẹp của từng bài thơ, lời thơ, ý thơ, để rồi cảm xúc trào dâng, ông viết:

“Tôi đọc trăm bài trăm ý đẹp
ánh đèn tỏa rạng mái đầu xanh
Vần thơ của Bác vần thơ thép
Mà vẫn mênh mang bát ngát tình

Nhà thơ Xuân Diệu khi đọc Nhật kí trong tù của Bác Hồ có lần đã nói: Càng đọc càng hay, càng kính trọng người tù Hồ Chí Minh Với Hoàng Trung Thông thì trăm bài trăm ý đẹp nghĩa là Nhật kí trong tù bài nào cũng đẹp. Không phải cái đẹp lặp lại, mà mỗi bài mỗi vẻ khác nhau. Tất cả đều đẹp. Tác giả lại viết ánh đèn tỏa rạng mái đầu xanh. Ta nên hiểu ánh đèn tỏa rạng ở đây như thế nào? Phải chăng ý nhà thơ muốn nói: ánh đèn chính là thơ Bác; thơ Bác như ánh đèn đã tỏa rạng, giúp cho ta hiểu thêm về Bác một con người vĩ đại và dạy ta biết cách làm người. Bởi vì:

“Vần thơ của Bác vần thơ thép
Mà vẫn mênh mông bát ngát tình

Nhà thơ nói đó là những vần thơ thép; những vần thơ mang chất thép của con người cộng sản Hồ Chí Minh. Thép ở đây là ý chí, là nghị lực, là dũng khí lớn để vượt qua hoàn cảnh và khắc phục hoàn cảnh của một con người vĩ đại. Nhưng dù là thơ thép nhưng tình vẫn bát ngát mênh mông. Đó mới là điều Hoàng Trung Thông cần nói và đã nói. Có ý kiến cho rằng: linh hồn trong Nhật kí trong tù là vẻ đẹp tâm hồn của con người Hồ Chí Minh - Người cộng sản. Tâm hồn của một con người đích thực thì bao giờ cũng vượt lên trên mọi gian khổ, khó khăn để khẳng định chính mình:

Chim mỗi về rừng tìm chốn ngủ
Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không
Cô em xóm núi xay ngô tối
Xay hết lò than đã rực hồng

(Chiều tối)

Cũng phải nói ngay rằng, đây là một cảnh thực; là cảnh Bác đã phác họa trên đường bị giải, khi trời chiều đã bảng lảng; trên trời một cánh chim cô đơn đang bay mỗi một mà không biết sẽ đậu chốn nào về rừng tìm chốn ngủ và từng chòm mây, trôi nhẹ che mặt trời cũng sẽ tìm chỗ dừng chân (phía cuối trời!). Vậy là con chim còn có đích để mà dừng (“Về rừng) còn con người ở đây thì sao? Giữa cảnh âm u mịt mù của rừng núi hiểm trở không một phút được dừng chân. Tất cả chỉ còn là sự mỏi mệt, vội vã, sự uể oải đầy nặng nhọc. Tưởng như tất cả cảnh vật đã rất buồn và chìm đi trong bóng tối khi mà người tù cũng đã mỏi mệt. Nhưng không, chỉ bằng một từ **hồng** nhà thơ đã xóa sạch đi đêm tối bao trùm và ánh sáng màu hồng đã bao phủ toàn bộ bài thơ. Tất cả sự mỏi mệt, vội vã, sự nặng nhọc mà tác giả đã diễn tả ở trên không còn nữa; thay vào đó là niềm vui, là sự hân hoan hướng về phía ánh sáng nơi có Cô em xóm núi xay ngô tối. Phải chăng đây còn là sự khao khát của con người xa quê, hướng về cuộc sống và sự sinh hoạt bình thường mà đầm ấm của gia đình. Với câu cuối cùng, tất cả còn lại chỉ là một màu hồng; màu hồng làm sáng không gian, soi rõ hình ảnh của cô em xóm núi đang miệt mài lao động, phải chăng, đó cũng là màu hồng của tư tưởng Bác, là cái tình mệnh mông, bát ngát mà Bác dành cho con người, cho cảnh vật.

Gà gáy một lần đêm chưa tan
 Chòm sao đưa nguyệt vượt lên ngàn
 Người đi cất bước trên đường thăm
 Rát mặt đêm thu, trận gió hàn

(Khổ I, Giải đi sớm)

Có người cho rằng ở khổ I này, cảnh vật và con người đối nhau. Đúng như thế. Nhưng tuy đối nhau mà sự hòa hợp giữa tâm hồn rất đẹp, rất sáng của người tù với thiên nhiên lại thêm phần đẹp và ảo hơn. Trong hoàn cảnh khắc nghiệt ấy, lòng lạc quan cách mạng vừa là phương thức để tồn tại, để vượt qua, vừa để khắc phục mọi hoàn cảnh. Đó là điều tất yếu, song cái chính vẫn là ở tâm hồn con người, ở ý nghĩa, ở niềm tin. Nói như Hoài Thanh đó là Cảnh ban mai tràn đầy khí thế .

Phương Đông màu trắng chuyển sang hồng

Bóng tối đêm tàn quét sạch không
Hơi ẩm bao la trùm vũ trụ
Người đi thi hứng bỗng thêm nồng.

Nếu như không có một niềm tin sắt đá vào một tương lai tươi sáng, thử hỏi làm sao Bác có thể có được những giọng thơ tràn đầy hào khí đến thế ?

Trong bài cảnh chiều hôm, ý thơ chuyển sang một đề tài, một khía cạnh khác, nhưng cái chất thép và tình đặc biệt bát ngát mệnh mệnh của Người vẫn không hề thay đổi:

Hoa hồng nở, hoa hồng lại rụng
Hoa tàn, hoa nở cũng vô tình
Hương hoa bay thấu vào trong ngực
Kẻ với tù nhân nổi bất bình

Bài thơ nói rất thực về sự việc hoa hồng nở, hoa hồng lại rụng. Vậy đấy! đẹp như hoa hồng mà nở rồi cuối cùng cũng phải tàn. Đó chẳng phải là sự vô tình của thiên nhiên? Nhưng đâu chỉ là thiên nhiên vô tình. Chất thép nằm ở chỗ nhận ra và phê phán thói vô tình này. Và sự bất bình của chút hương hoa chỉ có thể đem giải bày cùng người tù người cộng sản vĩ đại, một nghệ sĩ, một nhà thơ. Ấu đó cũng là cái tình của Bác với hoa với nhân loại đau khổ vậy.

Người xưa có câu: Khi lo, lo trước thiên hạ, Khi vui, vui sau thiên hạ. Hồ Chí Minh cũng vậy, Người buồn với nỗi buồn của người đời. Người che chở cho cả nhân loại cần lao.

Ôi lòng Bác vậy cứ thương ta
Thương cuộc đời chung thương cỏ hoa
Chỉ biết quên mình cho hết thảy
Như dòng sông đổ nặng phù sa

Một tâm hồn, một con người, một cuộc đời luôn yêu tất cả, chỉ quên mình. Đó là con người vĩ đại, sống hết mình, vì con người; vì vậy, khi làm thơ, dù trong hoàn cảnh khắc nghiệt, thơ Bác vẫn là vần thơ thép, “Mà vẫn mệnh mệnh bát ngát tình”.

**Bài 15: Hiểu biết của em về Điển tích điển cố trong Truyện
Kiều – Nguyễn Du.**

Bài làm

Người xưa làm thơ viết văn thường sử dụng điển cố, điển tích. Trong Truyện Kiều, Nguyễn Du cũng sử dụng nhiều điển cố. Vậy Nguyễn Du sử dụng điển cố như thế

nào?

Diễn cổ trong Truyện Kiều thường được lấy ở nhiều nguồn. Nhưng đậm đặc hơn cả vẫn là trong lịch sử và văn học Trung Quốc. Dưới ngòi bút tài hoa của Nguyễn Du, các điển cổ ấy trở nên sinh động và hàm súc.

Trong cảnh đoàn viên ở màn "Tái hồi Kim - Kiều" cuối Truyện Kiều, Kim - Kiều gặp nhau sau 15 năm lưu lạc, trong "tiệc hoa sum vầy" mà mọi người đều mừng mừng tủi tủi, "tàng tàng chén cúc dở say" đó, Thúy Vân đã đứng lên giải bày: Trước kia, anh và chị "hai bên gặp gỡ một lời kết giao", "trăm năm thề chẳng ôm cầm thuyền ai", trải qua tai biến, bây giờ gặp lại, tuy không được như xưa nữa, và dù chị đã lớn tuổi nhưng việc lấy chồng nay vẫn còn kịp. Và Thúy Vân đã khuyên:

Quả mai ba bảy đương vừa

Đào non sớm liễu xe tơ kịp thời

Nói "quả mai ba bảy" tức là lấy ý từ Kinh Thi. Bài "Phiếu hữu mai" có đoạn: "Phiếu hữu mai kỳ thực thất hề- Phiếu hữu mai kỳ thực tam hề- Cầu ngã thứ sĩ- Đãi kỳ kim hề". Nghĩa là: cây mai đã có quả rụng (nói quả là ngụ ý chỉ người con gái), mười phần còn bảy. Những chàng trai lành, ai người muốn lấy ta, nên tìm ngày tốt mà làm lễ cưới đi thôi. Cây mai đã có quả rụng, mười phần chỉ còn ba. Những chàng trai lành ai người muốn lấy ta, ngày hôm nay đến xin làm lễ cưới đi thôi. Mục đích cuối cùng của việc dùng điển này, ở trong Truyện Kiều lẫn Kinh Thi, là để đi đến cái việc làm lễ cưới xin, nên vợ nên chồng. Cái hay, cái tài của Nguyễn Du là: thuyết phục thì phải dòn dập, phân minh, xác đáng và súc tích. Rõ ràng, Thúy Kiều có ưu thế hơn người phụ nữ kia trong Kinh Thi.

Chưa hết, câu tiếp lại còn dùng đến "đào non". Kinh thi có bài Đào yên (Cây đào tơ) như sau: "Đào tơ rực rỡ lá hoa. Cô về hòa thuận cửa nhà chồng cô. Đào tơ lá tốt rườm rà. Cô về hòa thuận người nhà chồng cô". Người con gái trong Kinh Thi đang mơn mớn sức sống, yêu đời, về nhà chồng sống hòa thuận, ấm êm thì cũng thường tình. Còn nói Kiều đang độ "đào non" như cô gái trong điển trên quả là bạo bút và thần tình. Tuy nhiên, đưa điển ấy vào trong lời khuyên của Thúy Vân mới đắt, mới dễ thuyết

phục và quả là đã xiêu lòng chị. Chị mà xe tơ với chàng Kim là êm ấm, hòa thuận cho cả gia đình đây chị ơi!

Còn đây là cách dùng điển khác của Nguyễn Du. Khi Kim Trọng trở lại vườn Thúy tìm nàng Kiều, thì ôi thôi không thấy nàng đâu cả:

Trước sau nào thấy bóng người

Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông

Thôi Hộ đời Đường, tư chất thông minh, phong nhã, nhân tiết Thanh Minh, một mình đi chơi về phái Nam thành đô, thấy một ấp trại, xung quanh trồng hoa đào, Thôi Hộ gõ cửa xin nước uống. Một người con gái mở cổng, hỏi tên họ rồi bưng nước đến. Người con gái đó có sắc đẹp đậm đà và duyên dáng, tình ý dịu dàng và kín đáo. Năm sau, cũng vào tiết Thanh Minh, Thôi Hộ lại tìm đến người cũ, thì thấy cửa đóng, then cài, nhân đó mới đề trên cánh cửa bên trái một bài thơ:

Khứ niên kim nhật thử môn trung

Nhân diện đào hoa tương ánh hồng

Nhân diện bất tri hà xứ khứ?

Đào hoa y cựu tiêu đông phong

(Năm ngoái, trong cổng này, mặt người và hoa đào màu hồng ánh lẫn nhau, năm nay, mặt người không biết ở chốn nào, chỉ còn hoa đào vẫn cười với gió đông như cũ). Nguyễn Du đã dùng điển này, và Xuân Diệu đã khen: "Đúng Nguyễn Du là tay thầy, "Chẳng biết mặt người đâu vắng vẻ. Hoa đào như cũ cười gió đông". Mình chỉ lấy cái tứ "Hoa đào còn nở đó, người đã đi đâu" của người ta, cho nên Nguyễn Du đề "Trước sau nào thấy bóng người", như thế là thanh thoát, thanh nhã." Rõ ràng là trong khi sử dụng điển, Nguyễn Du đã linh hoạt tước bỏ đi những chi tiết cụ thể, chỉ lấy cái tứ mà viết nên những câu thơ mới lạ, thanh thoát thanh nhã đến như vậy. Câu thơ nhẹ nhàng thoát trước thoát sau, bay bổng trong không gian vắng lặng bóng người, cùng với làn gió từ phương đông thổi tới (chứ không phải gió mùa đông lạnh giá, bởi mùa xuân-gió đông-thì hoa đào mới nở, trong tiết Thanh Minh mà), là để diễn tả một nỗi lòng nặng trĩu, lo âu của chàng Kim khi không gặp Thúy Kiều. Nói là dịch thoát cũng được! Nhưng cần phải thấy

rằng, đưa điển này vào đây, với câu thơ lục bát, người ta vẫn có thể hiểu được ý tác giả muốn nói gì. Chứ không phải trơ trơ như hai câu thơ trong truyện Nôm Hoa Tiên, điển tả cùng một ý đó:

Mừng xuân đào mới ngậm cười

Vẽ hồng trơ đỏ mặt người nào đâu

Hoa Tiên cứ bị động khi viết "mặt người nào đâu", rõ là không thanh, câu thơ nham nhảm thô tháp thế nào ấy. "Đào mới ngậm cười" là đào mới nở, hàm tiếu, dùng chữ "trơ" là không hợp, vì không nên buồn người năm ngoái vắng mà thấy hoa đào đến nổi trơ ra, thì chẳng còn gì là nhân tình nữa.

Chỉ hai ví dụ trên, ta thấy Nguyễn Du dùng điển như thế nào. Trong Truyện Kiều còn có nhiều chỗ được dùng điển cũng không kém phần linh hoạt và thanh nhã. Điều đó, một phần có được là tài bút của Nguyễn Du. Nhưng điều chắc chắn là ông am hiểu sâu sắc lịch sử và văn hóa Trung Quốc, hiểu rõ cảnh tình của nhân vật một cách sâu sắc, như sống cùng với nhân vật của mình.

Truyện Kiều là một sự tái tạo lại "điển cố" lớn là Kim Vân Kiều truyện của Thanh Tâm tài nhân mà nên. Truyện Kiều toàn mỹ, toàn bích hơn nhiều so với nguyên tác là lẽ đó. Đây là cái lý mà Nhữ Bá Sĩ (1788-1867) đã bình luận:

Kỳ tài diệu bút

Thanh Tâm viển quá Thanh Tâm

(Với ngòi bút tài năng đặc biệt

Thanh Hiên vượt quá Thanh Tâm)

Thanh Hiên là hiệu của Nguyễn Du. Thanh Tâm là nói đến Thanh Tâm tài nhân vậy.

Bài 16: Nghệ thuật tả cảnh trong Truyện Kiều Của Nguyễn Du

Bút pháp của đại thi hào Nguyễn Du được coi là điêu luyện, tuyệt bút trong đó nghệ thuật tả cảnh tả tình được người đời sau khen ngợi "như máu chảy ở đầu ngọn bút" và "thấu nghìn đời". Xin giới thiệu bài viết của nhà phê bình Trần Ngọc về nghệ thuật Tả Cảnh của Thi Hào Nguyễn Du trong Truyện Kiều.

Đoạn Trường Tân Thanh hay Truyện Kiều của thi hào Nguyễn Du là một áng văn chương tuyệt tác trong lịch sử văn học nước ta. Truyện Kiều có giá trị về mọi mặt: tư tưởng, triết lý, luân lý, tâm lý và văn chương.

Truyện Kiều vì thế đã trở thành quyền truyện thơ phổ thông nhất nước ta: từ các bậc cao sang quyền quý, trí thức khoa bảng, văn nhân thi sĩ, cho đến những người bình dân ít học, ai cũng biết đến truyện Kiều, thích đọc truyện Kiều, ngâm Kiều và thậm chí bói Kiều. Giá trị tuyệt hảo của truyện Kiều là một điều khẳng định mà trong đó giá trị văn chương lại giữ một địa vị rất cao. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi xin được bàn đến nghệ thuật tả cảnh của thi hào Nguyễn Du trong tác phẩm Đoạn Trường Tân Thanh hay Truyện Kiều ..

Nghệ thuật tả cảnh của Nguyễn Du nói chung rất đa dạng, tài tình và phong phú. Chính Nghệ thuật tả cảnh này đã làm tăng rất nhiều thi vị và giá trị cho truyện Kiều.

Lối tả cảnh diễm tình . Đây là lối tả cảnh mang tính cách chủ quan, man mác khắp trong truyện Kiều. Cảnh vật bao giờ cũng bao hàm một nỗi niềm tâm sự của nhân vật chính hoặc phụ ẩn chứa trong đó. Nói một cách khác, Nguyễn Du tả cảnh mà thâm ý luôn luôn đem cái cảm xúc của người đối cảnh cho chi phối lên cảnh vật. Điều này khiến cho cảnh vật trở thành linh hoạt như có một tâm hồn hay một nỗi xúc cảm riêng tư nào đó. Chính Nguyễn Du đã tự thú nhận sự chủ quan của mình trong lúc tả cảnh qua hai câu thơ:

Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu

Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ

Trong khuynh hướng này , nghệ thuật tả cảnh của Nguyễn Du vượt khác hẳn các thi nhân khác, kể cả những thi sĩ Phương Tây, vốn rất thiện nghệ trong lối tả cảnh ngụ tình. Trong khi các thi sĩ này chỉ đi một chiều, nghĩa là chỉ tìm những cảnh vật nào phù hợp với tâm trạng của con người thì mới ghi vào, còn Nguyễn Du thì vừa đưa cảnh đến tâm hồn con người, lại đồng thời vừa đưa tâm hồn đến với cảnh, tạo nên một sự giao hòa tuyệt vời hai chiều giữa cảnh và người, giữa cái vô tri và cái tâm thức để tuy hai mà một, tuy một mà hai..

Ví dụ như khi chị em Kiều đi lễ Thanh Minh về, tới bên chiếc cầu bắc ngang một dòng sông nhỏ gần mã Đạm Tiên, thì cả người lẫn cảnh đều cảm thấy nao nao tác dạ trong buổi chiều tà :

Nao nao dòng nước uốn quanh

Nhịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang

Nao nao chỉ tâm sự con người, nhưng cũng chỉ sự ngập ngừng lằng đằng của dòng nước trôi dưới chân cầu.

Hình ảnh một mảnh trăng khuyết soi nghiêng nhìn Kim Trọng khi chàng nửa tỉnh nửa mê, chập chờn với hình ảnh Kiều sau lần gặp gỡ đầu tiên:

Chên chên bóng Nguyệt xế màn

Tựa ngai bên triện một mình thiu thiu

Chàng biếng nhác cả việc sách đèn, để phòng đọc sách lạnh tanh với tiếng gió quạnh hiu phập phồng qua màn cửa :

Buồng vãn hơi giá như đồng

Trúc se ngọn cỏ tơ chùng phím loan

Mành Tương phất phất gió đàn

Hương gậy mùi nhớ trà khan giọng tình.

Rồi những giờ phút thề ước ba sinh đã qua, khi phải tạm xa nhau thì dòng sông kia bỗng sao trở thành kẻ khát khe để chia rẽ duyên tình:

Sông Tương một giải nông sờ

Bên trông đầu nọ bên chờ cuối kia

Một đoạn tả cảnh khác, tình người ẩn sâu trong cảnh vật . Đó là cảnh Kim Trọng sau khi hộ tang cha, về tìm lại Kiều nơi vườn Lãm Thúy, nhưng người xưa nay còn thấy đâu, chỉ còn cảnh vườn hoang, cỏ dại lạnh lùng dưới ánh trăng.

Đầy vườn cỏ mọc lau thưa

Song trắng quanh quẽ vách mưa rã rời

Lần thứ hai, Kim Trọng tìm về nhà Vương Viên Ngoại để hỏi thăm Kiều thì cảnh nhà bây giờ thật sa sút , sân ngoài cỏ hoang mọc dại, ướt dầm dưới cơn mưa, tiêu điều như nỗi buồn tênh trong lòng chàng:

Một sân đất cỏ dầm mưa

Càng ngao ngán nỗi càng ngơ ngẩn đường

Khi Kiều ở lầu Ngưng Bích, nhìn qua song cửa thấy cảnh biển chiều hôm, với những cánh buồm xa xa lại tưởng tới thân phận bọt bèo không định hướng của mình :

Buồn trông cửa biển chiều hôm

Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa

Buồn trông ngọn nước mới sa,

Hoa trôi man mác biết là về đâu?

Lúc Kiều theo Mã Giám Sinh về Lâm Tri, thì lòng nàng cũng chẳng thực sự là vui mà buồn hiu hắt như hàng lau bên vệ đường:

Gió chiều như gọi cơn sầu

Vì lô hiu hắt như màu khơi trêu

Và khi theo Sở Khanh để trốn Tú Bà, thì cảnh một đêm thu có trăng sáng nhưng cũng lạnh lùng cũng chẳng khác chi tâm sự rôi bời của Kiều :

Lối mòn cỏ nhạt màu sương

Lòng quê đi một bước đường một đau

Lúc thất vọng náo nê, muốn gieo mình xuống sông Tiền Đường cho rũ nợ trần, tâm sự Kiều cũng như mảnh trăng sắp tàn, chẳng còn chút gì lưu luyến nơi thế gian:

Mảnh trăng đã gác non đồi

Một mình luống những đứng ngòai chưa xong

Ngoài lối tả cảnh diễm tình, Nguyễn Du còn điểm trang cho truyện Kiều bằng nhiều bức tranh tả chân, tả rất thực, và thuần túy là những họa xinh đẹp, không ngụ tình. Những bức tranh bằng thơ có khi tươi tắn, có khi sầu mộng được viết theo lối văn tình xảo. Chỉ cần một vài nét phác họa với những điểm chính hiện hữu .
Đây là cảnh một túp lều tranh bên sông vắng lúc hoàng hôn, vừa giản dị, mộc mạc nhưng cũng rất nên thơ:

Đánh tranh chum nóc thảo đường

Một gian nước biếc mây vàng chia đôi.

Hoặc chỉ một vài nét chấm phá mà người đọc đã hình dung ra cảnh một mái tranh nghèo rách nát tơi tả theo tháng ngày:

Nhà tranh vách đất tả tơi

Lau treo rèm nát trúc cài phen thưa

Hoặc bức tranh sơn thủy của một khung trời chiều long lanh phản chiếu trên mặt sông êm ả :

Long lanh đáy nước in trời

Thành xây khói biếc non phôi ánh vàng

Hay bóng liễu rủ bên cầu và thướt tha soi bóng trên sông tạo nên một khung cảnh đẹp mộng thơ :

Dưới cầu nước chảy trong veo

Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha

Khi chị em Kiều đi viếng mộ Đạm Tiên, thì cảnh vật cũng theo đó điều hiu ảm đạm: cơn gió điều hiu lay động một vài cành lau trên vùng cỏ mờ nhạt theo sương chiều :

Một vùng cỏ áy bóng tà

Gió hiu hiu thổi một vài bông lau.

Cảnh thanh tịnh của ngôi chùa Giác Duyên nơi Kiều đã được cứu vớt, mà đường tới thì quanh co theo giải sông, có khu rừng lau như cách biệt với cuộc sống rộn rã bên ngoài:

Quanh co theo giải giang tân

Khởi rùng lau đã tới sân Phật Đường

Nghệ thuật tả cảnh của Nguyễn Du tuyệt vời đến nỗi Giáo sư Nghiêm Toàn đã có nhận định như sau: trong Đoạn Trường tân thanh, luôn luôn có những bức tranh nho nhỏ như những hạt kim cương rải rác dính trên một tấm thêu nhung (Việt Nam văn Học Sử Trích Yếu)

Hãy xem cảnh bóng trăng chênh chếch soi mình trên sóng nước, đẹp lãng đãng như nổi tưởng nhớ miên man của Kiều về Kim Trọng sau buổi gặp gỡ lần đầu. Chỉ vài nét đơn sơ giữa trăng, nước và sân nhà đã đủ diễn tả một khung cảnh tuyệt nhã đẹp như một bức tranh :

Gương nga chênh chếch dòm song

Vàng gieo ngấn nước , cây lồng bóng sân

Nguyễn Du cũng rất nhiều khi phô diễn lối tả cảnh tượng trung, nghĩa là chỉ dùng một vài nét chấm phá, thành một nghệ thuật đã đạt đến mức uyển chuyển và tinh tế

Hãy nghe hai câu thơ :

Vi lô san sát hơi may

Một trời thu để riêng ai lạnh lòng

Đó là một cảnh một rừng vi lô trong mùa thu xẩm có gió heo may, lạnh lạnh. Lối tả cảnh này có thể Nguyễn Du chỉ viết theo nghệ thuật cảm quan của mình chứ không hề nghĩ rằng mình đang tạo ra một lối vẽ cảnh một cách tượng trưng bằng những vần thơ. Mãi đến hơn một thế kỷ sau ,tức vào thế kỷ 19, lối tả cảnh tượng trưng này mới phát triển thật mau tại Pháp mà các nhà phân tích văn học gọi là Symbolists. Đó là sự nhận định của Giáo sư Hà Như Chi.

Nên đề ý nghệ thuật của Nguyễn Du là mang cái gì rộng lớn mênh mông , để rồi đem vào hàm chứa trong một cái gì nhỏ bé (luận giải của Giáo Sư Hà Như Chi trong Việt Nam Thi Văn Giảng Luận). Trong hai câu thơ trên, một trời thu mang một ý niệm không gian rộng lớn bao la, trong khi bốn chữ riêng ai một mình lại chỉ một phạm vi nhỏ bé, một tâm tình đơn lẻ cá nhân.

Một vài câu thơ khác cũng mang cùng một khuynh hướng như :

Hiên tà gác bóng nghiêng nghiêng

Nỗi riêng riêng chạnh tắc riêng một mình

Đó là cảnh mặt trời chiều bàng khuâng nghiêng mình soi bóng trước mái hiên nhà để rồi chuyển sang, ẩn vào tâm tư riêng của một cõi lòng Kiều cô đơn. (Cần chú ý thêm là cách dùng điệp ngữ một cách tài tình khéo léo của Nguyễn Du, với chữ nghiêng và riêng được lập đi lập lại nhiều lần mà vẫn cảm thấy hay). Có khi Nguyễn Du lại dùng một lối tả cảnh tượng trung ngược lại , nghĩa là đem tắc lòng nhỏ bé của con người cho tỏa rộng bay hòa vào cái rộng lớn của trời đất.

Hãy xem cảnh Kiều và Thúc Sinh chia tay nhau:

Người lên ngựa kẻ chia bào

Rừng phong thu đã nhuốm màu quan san.

Đó là sự phân ly buồn bã tuy chỉ giữa hai người, nhưng đã làm ám đạm cả một vùng cảnh vật chung quanh.

Hay cảnh Kiều thất vọng cuộc đời, mở cửa phòng nhỏ bé để gieo mình xuống dòng bao la của sông Tiền Đường :

Cửa bông vội mở rèm châu

Trời cao sông rộng một màu bao la.

Nói về nghệ thuật tả cảnh tượng trung này, giáo sư Dương Quảng Hàm đã viết: tả cảnh thì theo lối phác họa mà cảnh nào cũng linh hoạt

Nghệ thuật tả cảnh bằng thơ của Nguyễn Du cũng dùng rất nhiều màu sắc như bức tranh của một người họa sĩ. Trước tiên phải là ánh sáng, một yếu tố cơ bản, rồi sau đó mới tới các màu sắc với sự pha chế sao cho làm nổi được cảnh chính và cảnh phụ .

Hãy xem một cảnh Xuân tươi mát trên đồng quê qua ngòi bút tả cảnh đầy màu sắc của Nguyễn Du:

Cỏ non xanh tận chân trời

Cành lê trắng điểm một vài bông hoa

Thật là một bức tranh màu sắc thanh nhã tuyệt hảo: trên thảm cỏ xanh mướt bao la, nổi những bông hoa lê trắng tinh. Chỉ có hai màu xanh và trắng như nổi thanh khiết của tâm hồn chị em Kiều đi dự lễ Thanh Minh. ở đây cũng cần để ý tới lối đảo chữ tài tình của Nguyễn Du. Thay vì cảnh lê điểm một vài bông hoa trắng thì Nguyễn Du đã viết: cảnh lê trắng điểm một vài bông hoa. Tất nhiên có thể Nguyễn Du đã phải đảo chữ chỉ vì tôn trọng luật bằng trắc của thơ lục bát, nhưng cũng phải công nhận đó là một lối đảo chữ tài tình mà không phải ai cũng làm được .

Cũng một cảnh cỏ xanh nữa, nhưng lần này là màu xanh thăm soi mình cạnh màu nước trong:

Một vùng cỏ mọc xanh rì

Nước ngâm trong vắt thấy gì nữa đâu.

Hay cảnh lung linh ánh nước soi chiếu mây vàng của hoàng hôn:

Long lanh đáy nước in trời

Thành xây khói biếc non phơi ánh vàng.

Một cảnh khác mà màu sắc lại buồn ảm đạm, chỉ có màu nâu của đất, màu xanh vàng của cỏ úa chen chân bên cái thấp lè tè của gò đất mả Đạm Tiên:

Sè sè nấm đất bên đường

Rầu rầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh

Nói chung, Nguyễn Du chú trọng nhiều đến màu sắc của thiên nhiên, đặc biệt là của hoàng hôn, của cây cỏ, của trăng và của nước là những màu sắc thi vị, nhưng lại gieo ấn tượng cho một nỗi buồn xa xăm, cũng chỉ vì truyện Kiều mang bản chất nhiều nỗi buồn hơn vui.

Giáo sư Hà Như Chi nhận định về lối dùng màu sắc của cụ

Nguyễn Du như sau : “Nguyễn Du khi tả ánh sáng không những chỉ trực tiếp mô tả ánh sáng ấy, mà lại còn tả một cách gián tiếp , cho ta thấy sự phản chiếu trên ngọn cỏ, lá cây mặt nước, đỉnh núi (Việt NamThi Văn Giảng Luận)

Đúng như thế, hãy xem cảnh khu vườn với hoa lựu nở đỏ như ánh lửa lập lòe trong mùa hạ, khi mùa nắng đã được đón chào bởi tiếng quyên ca lúc khởi một đêm trăng :

Dưới trăng quỳên đã gọi hè
Đầu tường lửa lựu lập lòe đâm bông
Lối dùng chữ trang nhã và bình dân trong tả cảnh.

Nguyễn Du là một thi nhân thuộc dòng dõi quan quyền phú quý, nhưng gặp phải cảnh loạn lạc đổi chúa thay ngôi giữa nhà Lê và nhà Nguyễn, đã phải về quê cũ ở Huyện Tiên Điền để ẩn cư. Cụ đã trải qua những ngày sống trong phú quý và những ngày sống thanh đạm nơi thôn dã, nên trong tâm hồn đã thu nhập được hai cảnh sống. Cụ đã hài hòa kết hợp được hai cảnh sống đó, nên trong lĩnh vực văn chương tả cảnh trong truyện Kiều, cụ có khi dùng những chữ thật trang nhã quý phái, có khi lại dùng những chữ thật giản dị bình dân. Những chữ dùng trang nhã quý phái đã được kể nhiều qua những câu thơ ở trên, thiết tưởng chẳng cần lập lại. Bây giờ chúng ta hãy xem những chữ rất bình dân mà Nguyễn Du dùng trong lúc tả cảnh.

Ví dụ chị em Kiều du Xuân ra về thì trời vừa ngả bóng hoàng hôn, Nguyễn Du dùng hai chữ tà tà chỉ một hành động chậm rãi, có thể là chị em Kiều thong thả bước chân ra về, mà cũng có thể chỉ sự xuống chậm chậm của mặt trời chiều:

Tà tà bóng ngả về tây
Chị em thơ thẩn dan tay ra về.
Thế rồi gặp cảnh mả Đạm Tiên đắp vội, chỉ còn một nắm đất thấp sè sè bên đường, chen lẫn vài ngọn cỏ úa :

Sè sè nắm đất bên đường
Rầu rầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh.
Rồi ngọn gió gọi hồn ào ào thổi tới như muốn nhấn nhủ điều chi : ào ào đổ lộc rung cây trong đường có hương bay ít nhiều. Hay cảnh vườn Thúy khi Kim Trọng trở lại tìm Kiều mà không thấy nàng, chỉ thấy cánh én xập xè bay liệng trên mặt đất hoang phủ đầy rêu phong:

Xập xè én liệng lâu không
Cỏ lan mặt đất rêu phong dấu giày .
Và đêm xuống ánh trăng soi quạnh quẽ lẻ loi nơi vườn vắng, tri âm chỉ còn là những

cộng cỏ dại mọc lúa thừa:

Đầy vườn cỏ mọc lau thưa

Song trắng quanh quẽ vách mưa rã rời

Chính vì Nguyễn Du đã kết hợp được cả hai lối hành văn bác học và bình dân một cách tài tình nên truyện Kiều đã được tất cả mọi giai tầng trong xã hội đón nhận thưởng thức một cách nhiệt thành. Những chữ mộc mạc bình dân đã chứng tỏ một bước tiến của nền văn chương Việt Nam trên con đường xa dần ảnh hưởng của chữ Hán chữ nôm mà Nguyễn Du đã tiên phong dẫn bước.

Lối dùng điển tích trong tả cảnh cũng rất đặc biệt. Nguyễn Du là một thi hào dùng rất nhiều điển tích trong tác phẩm của mình. Nhưng khác với những nhà thơ khác, thường dùng điển tích chỉ vì chưa tìm được chữ quốc ngữ thích đáng để thay thế. Nguyễn Du thì khác, cụ đã dùng điển tích để làm câu thơ thêm có ý vị đậm đà mà vẫn lưu loát tự nhiên, không cầu kỳ thắc mắc như Giáo sư Hà Như Chi đã nhận định. (Việt Nam Thi Văn Giảng Luận). Nhưng phải nói, những điển tích mà Nguyễn Du dùng chính đã làm giàu cho nền văn chương quốc ngữ Việt Nam, thậm chí nhiều điển tích đã trở thành ngôn ngữ hoàn toàn Việt Nam, mà nói tới ai ai cũng hiểu ý nghĩa đại cương của nó. Chẳng hạn những chữ Biển dâu, Gót sen, Sư tử Hà Đông, kết cỏ ngâm vành, mây mưa, ba sinh, chấp cánh liền cành ..v...v.

Những điển tích thường nằm nhiều trong những đoạn thơ tả người, tả tình tả tâm trạng, tả tiếng đàn, trải dài trong suốt truyện Kiều. Riêng trong lãnh vực tả cảnh là chủ điểm của bài này, chúng ta không gặp nhiều điển tích cho lắm. Nhưng cũng xin đan cử vài ví dụ. Chẳng hạn như đoạn tả cảnh Kiều nhớ Kim Trọng bên dòng nước trong xanh phản chiếu ánh trăng ngà

Gương nga chênh chếch dòm song

Vàng gieo ngấn nước cây lồng bóng sân

Gương Nga chỉ mặt trăng, do tích Hằng Nga, mỹ nhân, vợ của Hậu Nghệ, đánh cắp và uống hết thuốc tiên mà Hậu Nghệ xin được của bà Tây Vương Mẫu. Hằng Nga hóa tiên và bay lên mặt trăng. Từ đó người ta thường gọi mặt trăng là Gương Nga hay chị Hằng,

chị Nguyệt .

Hai câu thơ khác :

Sông Tần một giải xanh xanh

Loi thoi bờ liễu mấy cành Dương Quan

Sông Tần lấy từ câu dao vọng Tần Xuyên, can trường đoạn tuyệt ý nói ở xa nhìn nước sông Tần như nát gan xé ruột . Dương Quan là tên một cửa ải xa ở phía tây nam tỉnh Cam Túc. Cả hai điển tích trên đều mang ý nghĩa một sự nhớ nhung khi xa cách. Đó là lúc Thúy Kiều tiễn đưa Thúc Sinh trở về thăm vợ cũ là Hoạn Thư.

Hay: Trước lầu Ngưng Bích khóa xuân Vẻ non
xa tấm trăng gần ở chung

Chữ Khóa xuân lấy từ điển tích Châu Du bị gió đông cản việc phóng hỏa đốt trại Xích Bích, nên Đài Đồng Tước không bị cháy, nhưng chính vì đó mà đã khóa chặt tuổi xuân hai chị em tên Đại Kiều và Tiểu Kiều, một người vợ Tôn Sách và một người vợ Châu Du..

Đông phong bất dữ Chu lang tiện,
Đồng Tước xuân thâm tỏa nhị Kiều .

Hai câu thơ trên ngụ ý tả cảnh lầu Ngưng Bích như là nơi đã khóa kín tuổi xuân của Thúy Kiều.

Một đoạn khác khi Kim Trọng trở về vườn Thúy để tìm Kiều, nhưng nàng đã không còn ở đó, chỉ còn ngàn cánh hoa đào hồng thắm đang cười như tiễn biệt gió đông:

Trước sau nào thấy bóng người
Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông

Hai câu này lấy từ điển tích nho sinh Thôi Hộ đời nhà Đường, trở về Đào Hoa Trang để thăm người con gái năm xưa đã dâng cho chàng nước uống trong lúc dự hội Đạp Thanh. Nhưng người đẹp đã vắng bóng dù cánh cũ vẫn còn đầy, chìm ngập trong ngàn cánh hoa đào phe phẩy dưới nắng xuân. Thôi Hộ đã viết hai câu thơ nguyên văn :

Nhân diện bất tri hà xứ khứ ,

Đào hoa y cựu tiếu đông phong

Tóm lại, nghệ thuật tả cảnh của Nguyễn Du thật là muôn hình vạn trạng. Nghệ thuật ấy chẳng khác gì nghệ thuật vẽ một bức tranh thủy mặc, nhiều khi chỉ một mảnh trời , một ánh trăng, một cảnh liễu, một dòng nước hay một áng mây hoàng hôn v.v.v . Chỉ thế thôi, nhưng chữ dùng về màu sắc và cách sắp đặt cảnh gần xa thật tài tình đã đủ lôi cuốn tâm hồn người đọc, như để cùng chung hòa vào cảnh vật. Một điều không thể chối cãi được là Nguyễn Du rất yêu cảnh thiên nhiên nên đã ban cho cảnh thiên nhiên một hồn người khiến cho không ai đọc thơ tả cảnh của Nguyễn Du mà không khỏi bồi hồi tác dạ. Giá trị văn chương tả cảnh của Nguyễn Du đã đạt tới mức tinh diệu để chỉ riêng một lãnh vực tả cảnh không thôi, cũng đủ truyện Kiều không hổ thẹn để xứng đáng là một tác phẩm văn chương quốc ngữ hay nhất trong kho tàng văn học của nước ta. Hãy nghe học giả Đào Duy Anh nhận xét về truyện Kiều Chúng ta sở dĩ yêu chuộng truyện Kiều không phải nó có thể làm quyền sách luân lý cho đời, mà chỉ vì trong sách ấy, Nguyễn Du đã dùng những lời văn kỳ diệu để rung động tâm hồn ta... (Khảo Luận về Kim Vân Kiều)..

Thật đúng như vậy, những rung động trong tâm hồn được khơi dậy khi đọc truyện Kiều hẳn là một điều không ai trong chúng ta có thể phủ nhận bởi vì chúng ta đã từng có những cảm giác này. Truyện Kiều vì thế đã sống mãi với thời gian và không gian, từ thế hệ này qua thế hệ khác, lúc nào cũng được mọi người trân trọng và yêu mến